PHÒNG GIÁO DỤC – ĐÀO TẠO GIO LINH
TRƯỜNG PTCS TRUNG GIANG

TÀI LIỆU

BỒI DƯỠNG HỌC SINH GIỎI MÔN NGỮ VĂN 9

Giáo viên : Nguyễn Văn Quế

TÀI LIỆU THAM KHẢO BỒI DƯỠNG HỌC SINH GIỎI MÔN NGỮ VĂN 9 (phần 1)

HỆ THỐNG KIẾN THỨC DẠY - HỌC

THỜI GIAN	TÊN CHUYÊN ĐỀ	NỘI DUNG CƠ BẢN
Tháng 8/20..	**1. Củng cố, ôn tập một số đơn vị kiến thức cũ.**	1.1. Khái quát một số kiến thức về văn bản trong chương trình Ngữ văn 6,7,8. 1.2. Ôn tập kiểu bài nghị luận chứng minh. 1.3. Ôn tập kiểu bài nghị luận giải thích. 1.4. Kiểu bài nghị luận tổng hợp.
	2. <u>Chuyên đề 1</u>: Văn nghị luận	2.1. Nghị luận văn học: Nghị luận về một tác phẩm thơ, truyện hoặc một đoạn trích. 2.2 Nghị luận xã hội: Nghị luận về một sự việc, hiện tượng đời sống; một vấn đề tư tưởng đạo lí. 2.3. Củng có khắc sâu kiến thức và kĩ năng làm văn nghị luận với các đề văn cụ thể gắn với các kiến HS đã học ở các lớp Dưới.
Tháng 9/20..	**3. <u>Chuyên đề 2</u>: Tìm hiểu về một số vấn đề lí luận văn học.**	3.1. Cung cấp một số kiến thức lí luận: văn học là gì, các chức năng văn học, thể loại văn học, nhà văn và quá trình sáng tác, văn học và sự tiếp nhận văn học... 3.2. Hướng dẫn cách vận dụng lí luận văn học trong làm văn nghị luận.
	4. <u>Chuyên đề 3</u>: Khái quát về văn học trung đại Việt Nam	4.1. Khái quát chung về văn học trung đại Việt Nam: thành phần cấu tạo, các nội dung chính, đặc điểm thi pháp... 4.2. Giới thiệu chi tiết về văn học trung đại Việt Nam giai đoạn từ thế kỉ VI đến thế kỉ XVIII. 4.3. Các bài tập củng cố chuyên đề.
Tháng10/ 20..	**5. <u>Chuyên đề 3</u>: Nguyễn Dữ và tập "Truyền kì mạn lục"**	5.1. Giới thiệu khái quát về tác giả và tập "Truyền kì mạn lục" của Nguyễn Dữ. 5.2. Tìm hiểu chi tiết về "Chuyện người con gái Nam Xương" 5.3. Luyện đề củng cố kiến thức chuyên đề.
	6. <u>Chuyên đề 4</u>: Kĩ năng làm văn nghị luận.	6.1. Rèn luyện các kĩ năng xác định đề, xây dựng dàn ý, dựng đoạn, hành văn, khái quát, liên hệ, nâng cao, vận dụng lí luận văn học... 6.2. Kết hợp luyện đề với kiến thức các chuyên đề đã học và các kiến thức mở rộng, tổng hợp.

Tháng 10/ 20.. ***Tháng 11/ 20..***	**7. <u>Chuyên đề 5</u>: "Truyện Kiều" Nguyễn Du**	7.1. Giới thiệu tác giả Nguyễn Du và tác phẩm "Truyện Kiều". 7.2. Tìm hiểu chi tiết các đoạn trích học và đọc thêm trong "Truyện Kiều". 7.3. Luyện đề với các kiểu bài: thuyết minh, nghị luận, đặc biệt là các đề văn nâng cao mang tính khái quát so sánh.
Tháng 11/20..	**8. <u>Chuyên đề 6</u>: Tác giả Nguyễn Đình Chiểu và "Truyện Lục Vân Tiên".**	8.1. Giới thiệu chung về tác giả và tác phẩm. 8.2. Tìm hiểu chi tiết các đoạn trích học và các văn bản khác của tác giả để hiểu thêm vẻ đẹp thơ văn và tâm hồn nhà thơ Nguyễn Đình Chiểu. 8.3. Luyện đề khắc sâu kiến thức và tiếp tục rèn luyện kĩ năng làm văn.
Tháng 12/20.. ***Tháng 1/20..***	**9. <u>Chuyên đề 8</u>: Văn học hiện đại Việt Nam từ sau Cách mạng tháng Tám 1945.**	9.1. Khái quát những nét lớn về lịch sử Việt Nam từ sau Cách mạng tháng Tám 1945 và những đặc điểm của tình hình văn học thời kì này. 9.2. Tìm hiểu một số tác giả, tác phẩm tiêu biểu được học trong chương trình. 9.3. Tìm hiểu một số hình tượng chủ yếu của văn học giai đoạn này: hình tượng người lính, người lao động, người phụ nữ... 9.4. Luyện đề về văn học hiện đại Việt Nam.

Tháng 2,3/20..	**10. Ôn tập tổng hợp và luyện đề**	10.1. Củng cố kiến thức cơ bản và nâng cao trong chương trình. 10.2. Hệ thống những nét lớn từng thời kì văn học, từng chủ đề, so sánh, đối chiếu các vấn đề có sự tương đồng trong kiến thức chương trình. 10.3 Luyện đề tổng hợp, kết hợp với việc tiếp tục rèn kĩ năng làm văn của HS: làm văn nghị luận văn học và nghị luận xã hội. 11.1.Ngoài các bước tiến hành ôn tập nh trên, GV tích cực ra đề kiểm tra đánh giá, HS làm bài, chấm chữa bằng nhiều hình thức khác nhau. 11.2. Bổ sung những kiến thức về các văn bản khác trong chương trình (một số văn bản nước ngoài, các văn bản học thêm...), đặc biệt có thể còn có kiến thức của các lớp 6,7,8 11.3 Giải đáp các thắc mắc của HS. 11.4. Chuẩn bị điều kiện tốt nhất để HS tự tin tham gia kì thi HSG các cấp.

MỘT SỐ NỘI DUNG THAM KHẢO
PHẦN VĂN NGHỊ LUẬN

A. MỤC TIÊU:

- Giúp HS củng cố kiến thức về văn nghị luận đã học ở các lớp 7,8.
- Hiểu thêm về một số kiểu bài nghị luận trong chương trình Ngữ văn 9: nghị luận về một sự việc, hiện tượng đời sống; nghị luận về một vấn đề tư tưởng đạo lí; nghị luận về một tác phẩm thơ, truyện hoặc một đoạn trích trong tác phẩm văn học.
- Rèn luyện kĩ năng làm văn nghị luận: kĩ năng xác định đề, kĩ năng lập ý, dựng đoạn, kĩ năng diễn đạt ...
- Đây là những kiến thức xuyên suốt trong năm học lớp 9 nhưng vì sau mỗi chuyên đề ngoài việc cung cấp kiến thức về tác giả, tác phẩm còn có phần luyện đề nên nội dung kiến thức về văn nghị luận được tìm hiểu sớm góp phần rèn kĩ năng tổng hợp cho HS trong học tập môn Ngữ văn.

B. CHUẨN BỊ:

- Tài liệu tham khảo:

+ Kĩ năng làm văn nghị luận phổ thông (Nguyễn Quốc Siêu)
+ Nâng cao kĩ năng làm bài văn nghị luận (Nhà xuất bản GD, nhiều tác giả)
+ Tập làm văn THCS (Tạ Đức Hiền)
+ Dạy học Tập làm văn THCS (Nguyễn Trí, NXB GD)...

- GV tổng hợp lí thuyết về văn nghị luận và các bài tập rèn luyện kĩ năng.
- HS củng cố kiến thức về văn nghị luận đã học và đọc tài liệu bổ sung kiến thức.

C. NỘI DUNG:

I. Ôn tập văn nghị luận:

- Khái quát chung về văn nghị luận: đặc điểm của văn nghị luận, đề văn nghị luận, lập ý cho bài văn nghị luận (phần này GV hướng dẫn HS tự ôn tập theo kiến thức Ngữ văn 7)
- Phương pháp lập luận trong bài văn nghị luận: phép lập luận chứng minh, phép lập luận giải thích, xây dựng và trình bày luận điểm trong văn nghị luận...(phần này GV hướng dẫn HS tự ôn tập theo kiến thức Ngữ văn 8)
- Các yếu tố biểu cảm, tự sự, miêu tả rtong văn nghị luận.
- GV chú ý các tiêu chí của dẫn chứng văn chứng minh, lí lẽ trong văn giải thích.

II. Giới thiệu các kiểu bài nghị luận trong chương trình Ngữ văn 9.

1. Phần lí thuyết:

a. GV cung cấp các kiến thức lí thuyết cơ bản về các kiểu bài nghị luận: khái niệm, nội dung nghị luận, hình thức - bố cục bài văn nghị luận, dàn bài chung của các kiểu bài:

- Nghị luận về một sự việc, hiện tượng đời sống.
- Nghị luận về một vấn đề t tưởng, đạo lí.
- Nghị luận về một tác phẩm truyện (hoặc một đoạn trích).
- Nghị luận về một đoạn thơ, bài thơ.

b. GV chú ý phân biệt giữa các kiểu bài nghị luận:

- Nghị luận về một sự việc, hiện tượng đời sống lấy sự việc, hiện tượng đời sống làm đối tượng chính; nghị luận vè một vấn đề tư tưởng đạo lí lấy tư tưởng đạo lí làm đối tượng chính. Nghị luận về một sự việc hiện tượng đời sống đi từ sự việc, hiện tượng cụ thể mà nâng lên thành vấn đề tư tưởng đạo đức; nghị luận về một vấn đề tư tưởng đạo lí thì từ vấn đề tư tưởng đạo đức mà suy nghĩ về cuộc sống xã hội sau khi được

giải thích, phân tích thì vận dụng các sự việc, thực tế đời sống để chứng minh nhằm trở lại khẳng định (hay phủ định) một t tổng nào đó.
- Nghị luận về một tác phẩm truyện (về nội dung, nghệ thuật, nhân vật, đoạn tích của tác phẩm) cần chú ý tới các đặc điểm của truyện: kết cấu, tình huống, chi tiết, sự việc, ngôn ngữ nhân vật... Nghị luận về một đoạn thơ, bài thơ cần chú ý tới các đặc điểm của thơ: ngôn từ, hình ảnh, giọng điệu, cảm xúc, vần nhịp, các biện pháp tu từ ...
2. Kĩ năng làm bài văn nghị luận:
a. Kĩ năng xác định đề:
- Đọc kĩ đề, lu ý những từ ngữ quan trọng gợi hướng làm bài.
- Xác định đúng kiểu bài nghị luận để tránh nhầm lẫn về phương pháp .
- Xác định nội dung nghị luận để tránh lạc đề.
- Xác định phạm vi t liệu cho bài viết.
- GV đặc biệt lu ý kiểu ra đề có mệnh lệnh và không có mệnh lệnh, những đề mở để HS làm quen với những yêu cầu mới trong làm văn nghị luận, nhất là các đề nghị luận xã hội.
b. Kĩ năng tìm ý và lập dàn ý:
- Một bài văn hay trước hết là phải có những ý hay. Ý hay là ý đúng, sâu, mới và riêng. Khi tìm ý cần chú ý một số vấn đề sau:
+ Có những nhận xét khái quát từ những vấn đề nổi bật, tiêu biểu trong nội dung nghị luận.
+ Đề xuất luận điểm từ sự so sánh những nội dung, đối tượng cùng loại.
+ Xây dựng ý từ những ý kiến phản đề.
+ Đặt các câu hỏi tìm ý, nhất là đối với kiểu bài nghị luận xã hội...
- Lập dàn ý, sắp xếp các ý theo một trình tự hợp lí.
c. Kĩ năng dựng đoạn:
- Viết đoạn mở bài:
+ Mở bài theo cách trực tiếp.
+ Mở bài theo cách gián tiếp (chú ý rèn kĩ đối với HSG).
- Viết các đoạn trong phần thân bài:
+ Các cách lập luận: diễn dịch, quy nạp, tổng hợp - phân tích...
+ Kĩ năng liên kết giữa các đoạn văn: sử dụng từ ngữ, câu để liên kết.
- Viết đoạn kết bài:
+ Xây dựng đoạn kết bài tương ứng với mở bài.
+ Các cách kết bài mở...

* Trong quá trình dựng đoạn, chú ý kĩ năng dùng từ, đặt câu, phát triển ý để tăng chất văn và độ sâu sắc cho bài viết. Kết hợp các kiến thức GV cung cấp, các ví dụ minh hoạ, cần dành thời gian cho HS luyện viết và chấm chữa, phát huy tính sáng tạo của HS trong làm văn.

Chuyên đề

TỪ VĂN BẢN ĐẾN BÀI VĂN NGHỊ LUẬN XÃ HỘI

A. CƠ SỞ LÍ LUẬN

Tích hợp là quan điểm cơ bản của việc đổi mới nội dung chương trình SGK và đổi mới phương pháp dạy học trong bộ môn Ngữ văn của nhiều năm nay. Trong chương trình SGK Ngữ văn THCS, các tác giả biên soạn đã thể hiện rất rõ quan điểm tích hợp này ở mọi hình thức: tích hợp ngang giữa các phân môn, tích hợp dọc, tích hợp đồng tâm... Sự đổi mới này không chỉ giúp HS có được kiến thức tổng hợp mà còn có kĩ năng tốt hơn trong quá trình học và làm văn.

Trong các kiểu làm văn, SGK Ngữ văn cũng đã thực sự chú ý đến kĩ năng vận dụng kiến thức tác phẩm để phục vụ cho các bài làm văn nghị luận văn học nh: chứng minh, giải thích, phân tích một đoạn thơ, đoạn truyện hoặc một tác phẩm thơ, một tác phẩm truyện. Bên cạnh đó còn có kiểu bài nghị luận xã hội giúp HS không chỉ rèn luyện tốt kĩ năng làm văn nghị luận mà còn có thêm cách nhìn, cách nghĩ về xã hội sâu sắc hơn, nhận thức được rõ hơn vai trò của mỗi cá nhân trước những vấn đề xã hội ngày nay.

Có một điều thật lí thú là trong các tác phẩm văn học được học trong chương trình Ngữ văn, mỗi tác phẩm không chỉ là một bức tranh thu nhỏ của cuộc sống, là một nét tâm hồn của con người mà những tác phẩm đó còn có khả năng bồi đắp tâm hồn người đọc, giúp chúng ta hiểu sâu sắc hơn về cuộc đời và con người quanh ta. Chính vì vậy các tác phẩm văn học này thực sự đã trở thành một nguồn tư liệu quý, là những đề tài phong phú cho bài làm văn nghị luận xã hội. Việc vận dụng kiến thức có trong văn bản vào làm văn nghị luận xã hội không chỉ giúp HS củng cố lại kiến thức văn bản mà còn giúp các em thành thạo hơn về kĩ năng làm văn và biết đi từ văn học đến cuộc sống.

Bài viết này xin được bàn về kĩ năng vận dụng kiến thức văn bản được học trong chương trình Ngữ văn đến việc làm văn nghị luận xã hội với mục đích khẳng định tác dụng của quan điểm tích hợp trong đổi mới phương pháp dạy học và bàn thêm về kĩ năng làm văn của HS trong nhà trường.

B. NỘI DUNG CHÍNH.

I. Ý nghĩa xã hội của các tác phẩm văn học trong chương trình Ngữ văn.

Văn học Việt Nam, cả văn học dân gian và văn học viết là sản phẩm tinh thần quý báu của dân tộc, phản ánh tâm hồn và tính cách Việt Nam với những nét bền vững đã thành truyền thống và có sự vận động trong trường kì lịch sử. Mỗi thời kì, mỗi giai đoạn, văn học lại có những nội dung cụ thể, phản ánh một cách chân thực về xã hội và con người thời kì đó. Vốn có tinh thần cộng đồng ngay từ buổi đầu hình thành dân tộc, lại phải trải qua nhiều cuộc xâm lăng, phải thường xuyên vật lộn với những khắc nghiệt của thiên nhiên để sinh tồn và phát triển nên tinh thần yêu nước, ý thức cộng đồng đã trở thành truyền thống sâu sắc và bền vững của dân tộc Việt Nam. Tư tưởng yêu nước thể hiện trong tinh thần phục hng dân tộc ở thời Lí, trong hào khí Đông A thời Trần, trong ý thức sâu sắc và đầy tự hào về đất nước, về dân tộc ở thơ văn Nguyễn Trãi. Tinh thần ấy lại sôi nổi, mạnh mẽ, thiết tha hơn bao giờ hết trong thơ văn chống Pháp, trong văn học yêu nước đầu thế kỉ XX, đặc biệt là trong văn học của hai thời kì kháng chiến chống Pháp và chống Mĩ. Tinh thần yêu nước còn thể

hiện trong những rung động và niềm yêu mến, tự hào về quê hương, thiên nhiên đất nước, tự hào về tiếng nói của dân tộc...

Các sáng tác văn học còn đề cao tinh thần nhân đạo - tình yêu thương con người - một truyền thống sâu đậm của văn học Việt Nam. Tất cả đều hướng về khẳng định những giá trị tốt đẹp của con người, lên tiếng mạnh mẽ bênh vực cho quyền sống của con người đồng thời nói lên khát vọng về hạnh phúc, mơ ước về tự do, lẽ công bằng. Nhiều tác phẩm hướng tinh thần nhân đạo vào những tầng lớp nghèo khổ, tố cáo mạnh mẽ những bất công xã hội, những thế lực thống trị, áp bức và lên tiếng đòi quyền sống xứng đáng cho con người. Các tác phẩm văn học mới đặc biệt hướng vào khẳng định những phẩm chất tốt đẹp và sức mạnh giải phóng của quần chúng nhân dân lao động, ngợi ca những tình cảm cộng đồng nh tình đồng chí, đồng bào.

Nhiều tác phẩm đề cập đến những vấn đề gần gũi thiết thực trong đời sống tinh thần của mỗi con người nh tình cảm gia đình, sự giật mình thức tỉnh của lơng tâm trước vòng xoáy cuộc đời, truyền thống uống nước nhớ nguồn, những bài học đạo đức nhẹ nhàng mà sâu sắc về cái đẹp, tình yêu thương loài vật...

Văn học Việt Nam có lịch sử lâu dài, gắn bó mật thiết với lịch sử, với vận mệnh của nhân dân, lu giữ và toả chiếu tinh hoa, bản sắc tâm hồn dân tộc qua các thời đại; là vốn quý của nền văn hoá dân tộc; nuôi dưỡng và bồi đắp tâm hồn, tính cách, tư tưởng cho các thế hệ người Việt Nam trong hiện tại và tương lai. Tất cả các nội dung đó đều mang một ý nghĩa xã hội sâu sắc và đều có thể trở thành một đề tài độc đáo cho các bài làm văn nghị luận, nhất là kiểu bài làm văn nghị luận xã hội.

II. Đặc trưng của kiểu bài nghị luận xã hội.

Văn bản nghị luận được tạo lập nhằm giải quyết một vấn đề nào đó đặt ra trong cuộc sống. Người viết sẽ trình bày các tư tưởng, quan điểm của mình về vấn đề đặt ra nhằm thuyết phục người đọc tán thành và làm theo. Vấn đề càng có ý nghĩa xã hội sâu rộng, văn bản nghị luận càng có giá trị. Nghệ thuật nghị luận càng sắc bén, chặt chẽ, văn bản càng có tác dụng rộng rãi và mạnh mẽ. Nghị luận xã hội là một lĩnh vực rất rộng lớn, từ bàn bạc những sự việc, hiện tượng đời sống đến bàn luận những vấn đề chính trị, chính sách, từ những vấn đề đạo đức, lối sống đến những vấn đề có tầm chiến lợc, những vấn đề tư tưởng triết lí.

Hình thức nghị luận thứ nhất là nghị luận về một sự việc hiện tượng đời sống. Vốn sống của học sinh bắt đầu từ nhận thức về từng sự việc trong đời sống hàng ngày: một vụ cãi lộn, đánh nhau, một vụ đụng xe dọc đường, một việc quay cóp khi làm bài, một hiện tượng nói tục, chửi bậy, thói ăn vặt xả rác, trẻ em hút thuốc lá, đam mê trò chơi điện tử, bỏ bê học tập... Các sự việc, hiện tượng nh thế học sinh nhìn thấy hằng ngày ở xung quanh nhưng ít có dịp suy nghĩ, phân tích, đánh giá chúng về các mặt đúng - sai, lợi - hại, tốt - xấu... Bài nghị luận về một sự việc, hiện tượng xung quanh mà các em không xa lạ, từ những suy nghĩ của bản thân mà viết những bài văn nghị luận nêu tư tưởng, quan niệm, đánh giá đúng đắn của mình. Đó có thể coi là một hình thức nghị luận phù hợp với kinh nghiệm lứa tuổi và trình độ suy luận của học sinh.

Hình thức nghị luận thứ hai là nghị luận về một vấn đề tư tưởng, đạo lí bàn về một tư tưởng, đạo đức, lối sống có ý nghĩa quan trọng đối với cuộc sống con người. Các tư tưởng đó thường được đúc kết trong những câu tục ngữ, danh ngôn, ngụ ngôn, khẩu hiệu hoặc khái niệm. Những tư tưởng, đạo lí ấy thường đợc nhắc đến trong đời

sống song hiểu cho rõ, cho sâu, đánh giá đúng ý nghĩa của chúng là một yêu cầu cần thiết đối với mỗi người.

Bài nghị luận về một tư tưởng, đạo lí có phần giống với bài nghị luận về về một sự việc, hiện tượng đời sống ở chỗ: sau khi phân tích sự việc, hiện tượng, người viết có thể rút ra những tư tưởng và đạo lí đời sống. Nhưng hai kiểu bài này khác nhau về xuất phát điểm và lập luận. Về xuất phát điểm, bài nghị luận về một sự việc, hiện tượng đời sống xuất phát từ sự thực đời sống mà nêu tư tưởng, bày tỏ thái độ. Bài nghị luận về vấn đề tư tưởng đạo lí, sau khi giải thích, phân tích thì vận dụng các sự thật đời sống để chứng minh nhằm trở lại khẳng định (hay phủ định) một tư tưởng nào đó. Đây là nghị luận nghiêng về tư tưởng, khái niệm, lí lẽ nhiều hơn; các phép lập luận giải thích, chứng minh, tổng hợp thường được sử dụng nhiều.

Như vậy, kiểu bài nghị luận xã hội trước hết được dùng để bàn luận, đánh giá, nhận xét về những vấn đề xã hội, những hiện tượng, sự việc hoặc những vấn đề tư tưởng đạo lí trong đời sống xã hội, đời sống tinh thần của con người. Nh trên đã chỉ ra, các tác phẩm văn học cũng trở thành một nguồn đề tài vô cùng phong phú, có nhiều nội dung trở thành đối tượng của kiểu bài nghị luận. Trong chương trình Ngữ văn 9, nhiều tác phẩm đã tái hiện cuộc sống đất nước và hình ảnh con người Việt Nam trong suốt thời kì lịch sử từ sau Cách mạng tháng Tám 1945. Đất nước và con người Việt Nam trong hai cuộc kháng chiến chống Pháp và chống Mĩ với nhiều gian khổ, hi sinh nhưng rất anh hùng, công cuộc lao động xây dựng đất nước và những quan hệ tốt đẹp của con người. Những điều chủ yếu mà các tác phẩm đã thể hiện chính là tâm hồn, tình cảm, tư tưởng con người trong một thời kì lịch sử có nhiều biến động lớn lao, những đổi thay sâu sắc: tình yêu quê hương đất nước, tình đồng chí, sự gắn bó với cách mạng, lòng kính yêu Bác Hồ, những tình cảm gần gũi bền chặt của con người nh tình bà cháu, tình mẹ con trong sự thống nhất chung những tình cảm rộng lớn. Dưới đây là một số ví dụ cụ thể để minh chứng và có thể coi là một tư liệu vận dụng trong quá trình giảng dạy nhằm mục đích củng cố sâu sắc hơn kiến thức đọc hiểu của học sinh, khả năng liên hệ đến thực tế và rèn thêm kĩ năng làm văn nghị luận xã hội cho các em.

III. <u>Từ văn bản đến bài văn nghị luận xã hội.</u>

1. Yêu cầu chung của bài văn nghị luận xã hội lấy đề tài từ các văn bản.

a. Mục đích kiểu bài:

- Củng cố kiến thức văn bản cho học sinh, giúp các em hiểu thêm về ý nghĩa của văn chương trong đời sống xã hôi. Khẳng định tính giáo dục, tính tư tưởng của tác phẩm, và bồi đắp thêm tình cảm cho học sinh với văn học, tình cảm với cuộc sống, con người xung quanh.

- Rèn luyện kĩ năng làm văn, khả năng liên hệ và đánh giá một vấn đề văn học mang tính xã hội.

b. Xác định đúng kiểu bài: Nghị luận xã hội (Phần lớn là nghị luận về một vấn đề tư tưởng đạo lí).

c. Xác định nội dung nghị luận của đề bài yêu cầu:

- Đề có thể yêu cầu rõ, nghị luận về một vấn đề tư tưởng đạo lí đã được xác định trong nội dung bài học. Ví dụ: lí tưởng của thanh niên ngày nay (được gợi ý từ văn bản "Lặng lẽ Sa Pa"), ý nghĩa của gia đình và quê hương trong đời sống con

người (được gợi ý từ văn bản "Nói với con"), mối quan hệ giữa cá nhân và tập thể (được gợi ý từ kịch "Tôi và chúng ta", "Mùa xuân nho nhỏ")...

- Để có thể mở để học sinh chọn lựa nội dung nghị luận, bàn sâu vào một vấn đề nào đó được gợi ý từ văn bản đã học. Ví dụ: vẻ đẹp của đức tính khiêm nhường em học được trong ý thơ Thanh Hải trong bài "Mùa xuân nho nhỏ", và cũng ở đó có thể chọn nội dung nghị luận khác quan niệm về sự cống hiến của mỗi cá nhân với quê hương, với cuộc đời chung...

d. Các nội dung chính trong bài viết:

- Trước hết học sinh hiểu và phải trình bày được những ý hiểu của mình về nội dung mà tác phẩm đề cập đến. Đây là ý phụ trong bài viết nhưng không thể thiếu và cũng không làm quá kĩ dễ lạc sang kiểu bài nghị luận văn học. Học sinh bằng sự phân tích để đi đến khái quát nội dung xã hội cần nghị luận.

- Nội dung chính của bài viết là các em cần trình bày những hiểu biết của bản thân về vấn đề xã hội được nhắc đến trong văn bản bằng vốn kiến thức thực tế trong cuộc sống, thực trạng của vấn đề với các mặt tốt - xấu, đúng - sai, cũ - mới... Từ đó bày tỏ thái độ, quan điểm và đa ra những giải pháp, liên hệ mở rộng vấn đề , giải quyết vấn đề sâu sắc và thuyết phục.

e. Hình thức của bài viết:

- Bài viết đảm bảo bố cục thông thường một bài văn nghị luận: mở bài, thân bài và kết luân. Các đoạn văn trong bài có tính liên kết chặt chẽ cả về nội dung và hình thức.

- Diễn đạt bằng các hình thức lập luận của văn nghị luận: giải thích, chứng minh, phân tích, tổng hợp. Dẫn chứng của kiểu bài này có phạm vi rộng, nhiều nhất là trong đời sống xã hội và có thể trong cả văn học, lịch sử...

2. Một số đề văn nghị luận xã hội từ các văn bản.

Đề số 1: *Trong bài thơ* ***"Con cò"*** *nhà thơ Chế Lan Viên có viết:*

"Con dù lớn vẫn là con của mẹ,
Đi hết đời, lòng mẹ vẫn theo con"

Ý thơ gợi cho em những suy nghĩ gì về tình mẹ trong cuộc đời của mỗi con người.

Để làm được đề bài này, học sinh cần xác định đúng các yêu cầu sau:

- Kiểu bài: Nghị luận xã hội (nghị luận về một vấn đề tư tưởng đạo lí)
- Nội dung nghị luận: Vẻ đẹp (ý nghĩa) của tình mẹ trong cuộc đời mỗi con người.
- Phạm vi tư liệu: Những hiểu biết và suy nghĩ của cá nhân về tình mẹ trong cuộc sống của mỗi người.
- Các nội dung cần viết:

+ Giải thích qua ý thơ của tác giả Chế Lan Viên (ý phụ): Dựa trên nội dung bài thơ "Con cò", đặc biệt là hai câu thơ mang ý nghĩa triết lí sâu sắc khẳng định tình mẹ bao la, bất diệt. Trước mẹ kính yêu, con dù có khôn lớn trưởng thành nh thế nào đi chăng nữa thì vẫn là con bé nhỏ của mẹ, rất cần và luôn được mẹ yêu thương, che chở suốt đời.

+ Khẳng định vai trò của mẹ trong cuộc sống của mỗi người (ý chính): Mẹ là người sinh ra ta trên đời, mẹ nuôi nấng, chăm sóc, dạy dỗ chúng ta. Mẹ mang đến cho con biết bao điều tuyệt vời nhất: nguồn sữa trong mát, câu hát thiết tha, những nâng đỡ, chở che, những yêu thương vỗ về, mẹ là bến đỗ bình yên của cuộc đời con, là

niềm tin, là sức mạnh nâng bước chân con trên đường đời,... Công lao của mẹ nh nước trong nguồn, nước biển Đông vô tận. (Dẫn chứng cụ thể)

+ Mỗi chúng ta cần phải làm gì để đền đáp công ơn của mẹ? Cuộc đời mẹ không gì vui hơn khi thấy con mình mạnh khoẻ, chăm ngoan, giỏi giang và hiếu thảo. Mỗi chúng ta cần rèn luyện, học tập và chăm ngoan để mẹ vui lòng: vâng lời, chăm chỉ, siêng năng, học giỏi, biết giúp đỡ cha mẹ...(Có dẫn chứng minh hoạ).

+ Phê phán những biểu hiện, những thái độ, hành vi cha đúng với đạo lí làm con của một số người trong cuộc sống hiện nay: cãi lại cha mẹ, ham chơi, làm những việc vi phạm pháp luật để mẹ lo lắng, đau lòng... Có thể phê phán tới cả những hiện tượng mẹ ruồng rẫy, vất bỏ con, cha làm tròn trách nhiệm của người cha, người mẹ...

+ Liên hệ, mở rông đến những tình cảm gia đình khác: tình cha con, tình cảm của ông bà và các cháu, tình cảm anh chị em để khẳng định đó là những tình cảm bền vững trong đời sống tinh thần của mỗi người. Vì vậy mỗi chúng ta cần gìn giữ và nâng niu. Tình cảm gia đình bền vững cũng là cội nguồn sức mạnh dựng xây một xã hội bền vững, đẹp tươi.

***<u>Đề số 2</u>**: Lấy tựa đề **"Gia đình và quê hương - chiếc nôi nâng đỡ đời con"**, hãy viết một bài nghị luận nêu suy nghĩ của em về nguồn cội yêu thương của mỗi con người.*

- Đề bài này được dựa trên nội dung, ý nghĩa của bài thơ "Nói với con" của nhà thơ Y Phương, một bài thơ đã viết rất thành công về gia đình và quê hương bằng phong cách rất riêng của một nhà thơ dân tộc.

- Bài viết của học sinh trên cơ sở kiến thức văn bản đó cần đảm bảo các yêu cầu sau:

+ Khẳng định ý nghĩa của gia đình và quê hương trong cuộc sống của mỗi con người: Gia đình là nơi có mẹ, có cha, có những người thân yêu, ruột thịt của chúng ta. Ở nơi ấy chúng ta được yêu thương, nâng đỡ, khôn lớn và trưởng thành. Cùng với gia đình là quê hương, nơi chôn nhau cắt rốn của ta. Nơi ấy có mọi người ta quen biết và thân thiết, có cảnh quê thơ mộng trữ tình, có những kỉ niệm ngày ấu thơ cùng bè bạn, những ngày cắp sách đến trường... Gia đình và quê hương sẽ là bến đỗ bình yên cho mỗi con người; dù ai đi đâu, ở đâu cũng sẽ luôn tự nhắc nhở hãy nhớ về nguồn cội yêu thương.

+ Mỗi chúng ta cần làm gì để xây dựng quê hương và làm rạng rỡ gia đình? Với gia đình, chúng ta hãy làm tròn bổn phận của người con, người cháu: học giỏi, chăm ngoan, hiếu thảo để ông bà, cha mẹ vui lòng. Với quê hương, hãy góp sức trong công cuộc dựng xây quê hương: tham gia các phong trào vệ sinh môi trường để làm đẹp quê hương, đấu tranh trước những tệ nạn xã hội đang diễn ra ở quê hương. Khi trưởng thành trở về quê hương lập nghiệp, dựng xây quê mình ngày một giầu đẹp...

+ Có thái độ phê phán trước những hành vi phá hoại cơ sở vật chất, những suy nghĩ cha tích cực về quê hương: chê quê hương nghèo khó, chê người quê lam lũ, lạc hậu, làm thay đổi một cách tiêu cực dáng vẻ quê hương mình...

+ Liên hệ, mở rộng đến những tác phẩm viết về gia đình và quê hương để thấy ý nghĩa của quê hương trong đời sống tinh thần của mỗi con người: "Quê hương" (Đỗ Trung Quân), "Quê hương" (Giang Nam), "Quê hương" (Tế Hanh), "Nói với con" (Y Phương)...

+ Nâng cao: Nguồn cội của mỗi con người là gia đình và quê hương, nên hiểu rộng hơn quê hương không chỉ là nơi ta sinh ra và lớn lên, quê hương còn là Tổ quốc; tình yêu gia đình luôn gắn liền với tình yêu quê hương, tình yêu đất nước. Mỗi con người luôn có sự gắn bó những tình cảm riêng t với những tình cảm cộng đồng ...

Đề số 3: *Trước khi vĩnh biệt cõi đời, nhà thơ Thanh Hải gửi lại lời trăng trối bằng những thật câu thơ giản dị:*

"Ta làm con chim hót
Ta làm một cành hoa
Ta nhập vào hoà ca
Một nốt trầm xao xuyến.

Một mùa xuân nho nhỏ
Lặng lẽ dâng cho đời
Dù là tuổi hai mươi
Dù là khi tóc bạc."

(Trích "Mùa xuân nho nhỏ")

Theo em tác giả đã nhẹ nhàng nhắc chúng ta điều gì qua những dòng thơ ấy?

Bài viết của học sinh cần đảm bảo một số yêu cầu sau:

- Hiểu khái quát về ý thơ của nhà thơ Thanh Hải: Những câu thơ bày tỏ những suy ngẫm và tâm niệm của nhà thơ trước mùa xuân của đất nước, thể hiện khát vọng được hoà nhập vào cuộc sống của đất nước, được cống hiến phần tốt đẹp, dù nhỏ bé của mình cho đất nước, cho cuộc đời chung. Điều tâm niệm ấy được thể hiện một cách chân thành trong những tình ảnh thơ đẹp một cách tự nhiên, giản dị. Đó mới là ý nghĩa cao quý của đời người.
- HS có thể bàn luận sâu về một trong các ý sau :

+ Vẻ đẹp của đức tính khiêm nhờng, thái độ của mỗi cá nhân trước những cống hiến vì tập thể, vì quê hương. HS cần nêu rõ khiêm nhờng là gì, biểu hiện của đức tính khiêm nhờng, ý nghĩa của đức tính khiêm nhờng trong cuộc sống, trái với khiêm nhờng là tự kiêu, tự đại...

+ Ý nghĩa của cuộc đời mỗi con người trong cuộc đời chung: Mỗi người phải mang đến cho cuộc đời chung một nét đẹp riêng, phải cống hiến cái phần tinh tuý, dù là bé nhỏ cho đất nước và phải không ngừng cống hiến dù khi còn trẻ hay lúc tuổi đã già.

- Trong bài viết cần có dẫn chứng về người thật, việc thật hoặc các dẫn chứng có từ trong các tác phẩm văn học được học và đọc thêm trong chương trình nh: "Lặng lẽ Sa Pa" (Nguyễn Thành Long), "Những ngôi sao xa xôi" (Lê Minh Khuê), "Khoảng trời, hố bom" (Lâm Thị Mĩ Dạ)...
- Liên hệ tới bản thân về thái độ sống khiêm nhờng trước mọi người, trước bạn bè (Nếu chọn ý 1). Hoặc liên hệ tới bản thân khi còn là học sinh cần làm gì để góp phần
vào việc dựng xây quê hương, đất nước, xây đắp cuộc đời chung (Nếu chọn ý 2).

Đề số 4: *Nhân vật Nhĩ trong truyện ngắn* ***"Bến quê"*** *(Nguyễn Minh Châu) vào những ngày cuối cùng của cuộc đời mình đã tìm thấy vẻ đẹp quê hương nơi bãi bồi bên kia sông ngay trước của sổ nhà mình. Sự phát hiện đó của Nhĩ gợi cho em suy nghĩ gì về cái đẹp trong cuộc sống?*

- HS phải xác định được bài viết thuộc kiểu bài nghị luận xã hội-nghị luận về một vấn đề t tởn: Quan niệm về cái đẹp trong cuộc sống của mỗi con người.

- Bài làm cần đảm bảo cơ bản các nội dung sau:

+ Phân tích được tâm trạng của nhân vật Nhĩ trong những ngày cuối đời khi phát hiện ra bãi bồi bên kia sông, ngay trước của sổ nhà mình. Nhĩ trước đó từng đi khắp mọi nơi trên trái đất nhưng về cuối đời anh mắc bệnh trọng nằm liệt giêng mọi hoạt động của anh đều phải nhờ vào người thân. Chính lúc này anh mới nhận ra vẻ đẹp của những cánh hoa bằng lăng, của mặt sông Hồng màu đỏ nhạt, một dải đất bồi dấp dính phù sa, của những sắc màu thân thuộc nh da thịt, nh hơi thở thân thuộc. Đó là những phát hiện vừa mới mẻ, vừa muộn màng gửi gắm tâm trạng của một con người nặng trĩu những từng trải, đau thương: yêu quê hương nhưng một đời phải li hương, thường hờ hững và mắc vào những điều vòng vèo, chùng chình nên bây giờ cảm thấy tiếc nuối, xa xôi. Qua đó nhà văn Nguyễn Minh Châu muốn gửi đến mọi người một thông điệp: Cái đẹp thật gần gũi, cái đẹp nằm ngay trong những điều giản dị, tiêu sơ của cuộc đời mà mỗi người vì sự thờ ơ có thể lãng quên.

+ Khẳng định cái đẹp nằm trong những điều giản dị, gần gũi: cái đẹp trong lời ăn tiếng nói, trong trang phục giản dị hợp người hợp cảnh, trong gia đình với ngôi nhà sạch sẽ gọn gàng, trong cách trang trí nhẹ nhàng thanh thoát không một chút cầu kì, phô Trương; cái đẹp trong một buổi sớm mai trên con đường quen thuộc từ nhà đến trường, trong những bông hoa dại ven đường mong manh bé nhỏ; cái đẹp trong những cử chỉ thân mật gắn bó giữa bạn bè...

+ Con người cần phải tự ý thức để nhận ra và trân trọng những giá trị và vẻ đẹp bình dị, đích thực của cuộc sống. Trước hết mỗi người phải biết yêu cái đẹp, trân trọng và nâng niu vẻ đẹp trong cuộc đời. Mỗi người phải biết tạo ra cái đẹp cho mình và cho mọi người để tô điểm cho cái đẹp của cuộc sống quanh ta. Có thể liên hệ tới những câu nói "Ăn cho mình mặc cho người" hoặc "Không có người phụ nữ náo xấu, chỉ có những người phụ nữ không biết làm đẹp mà thôi"

+ Phê phán những quan niệm sai lầm về cái đẹp của nhiều người trong cuộc sống hiện nay: đẹp là phải ăn mặc sành điệu, đúng mốt hợp thời trang, đẹp là phải sống trong ngôi nhà cao tầng trang trí cầu kì sang trọng trong khi chủ nhân của những trang phục, ngôi nhà đó sống cha đẹp; đẹp là phải đi đến những nơi xa lạ, những nơi có danh lam thắng cảnh trong khi người khách du lịch ấy cha nhận thức đúng đắn về việc giữ gìn môi trường xung quanh, xem thường những nơi từng gắn bó, thân quen từ trước...

+ Từ đó biết làm đẹp cho mình một cách phù hợp, làm đẹp cho quê hương, cho cuộc đời chung, biết trân trọng những giá trị đích thực, giản dị và bền vững của cuộc đời. Liên hệ đến ý thơ của tác giảTố Hữu:

"Còn gì đẹp trên đời hơn thế.
Người với người sống để yêu nhau."

Yêu thương, đoàn kết, giúp đỡ nhau trong cuộc sống cũng là một cách sống đẹp.

Đề số 5: *Từ nhan đề và ý nghĩa vở kịch:* ***"Tôi và chúng ta"*** *của tác giả Lu Quang Vũ, hãy viết bài văn nghị luận nêu suy nghĩ của em về mối quan hệ giữa cá nhân và tập thể trong cuộc sống ngày nay.*

- HS cần xác định đúng yêu cầu đề bài: nghị luận về mối quan hệ giữa cá nhân và tập thể trong cuộc sống hiện nay. (Dựa trên những kiến thức đọc hiểu văn bản kịch "Tôi và chúng ta"). Đây là một vấn đề tư tưởng mang tính xã hội sâu sắc mà cuộc sống hiện nay rất cần phải đặt ra và cũng là một vấn đề khó đối với học sinh.

- Bài cần đảm bảo các ý chính sau:

+ HS trình bày những hiểu biết khái quát về nhan đề và ý nghĩa vở kịch "***Tôi và chúng ta"*** của Lu Quang Vũ. Vở kịch phản ánh cuộc đấu tranh gay gắt để thay đổi tổ chức, lề lối hoạt động sản xuất ở xí nghiệp Thắng Lợi. Một bên là tư tưởng bảo thủ kh kh giữ lấy nguyên tắc, quy chế cứng nhắc, lạc hậu với một bên là tinh thần giám nghĩ giám làm, khát khao đổi mới vì lợi ích của tập thể. Qua nhan đề, cùng với xung đột của hai phía, tác giả khẳng định không có thứ chủ nghĩa tập thể chung chung. Cái ta được hình thành từ nhiều cái tôi cụ thể. Cái tôi vì tập thể, vì cái chung, cái tôi phải được hoà trong cái ta nhưng cần có tiếng nói riêng và đúng đắn theo những quan điểm tiến bộ của thời đại.

+ HS trình bày những hiểu biết về cái TÔI và cái TA. Tôi là số ít, là một cá nhân với những suy nghĩ và cuộc sống riêng. Ta vừa là số ít vừa là số nhiều nhưng được hiểu ở đây là chỉ số nhiều, chỉ tập thể của nhiều cái tôi cùng tham gia. Giữa Tôi và Ta phải có mối quan hệ nhất định: trong tôi có ta, trong ta có tôi. Có tập thể khi có nhiều cá nhân cùng tham gia, trong tập thể có tiếng nói cá nhân. Một tập thể mạnh khi có nhiều cá nhân xuất sắc, một tổ chức ổn định thì đời sống cá nhân cũng ổn định, vững vàng...

+ Những biểu hiện cụ thể của mối quan hệ giữa cá nhân và tập thể trong cuộc sống hiện nay:

Trong nhiều tổ chức, nhiều tập thể vẫn có những cá nhân hết lòng cống hiến sức khoẻ, năng lực, tâm huyết để dựng xây cơ quan, đơn vị mình công tác. Họ có thể là những lãnh đạo của cơ quan, họ cũng có thể là các nhân viên, bảo vệ, là các bạn cán bộ lớp, các thành viên trong lớp... Đơn vị đó vì vậy mà không ngừng lớn mạnh góp thêm vào việc xây dựng và phát triển kinh tế, xã hội, phong trào của nhà trường... (Dẫn chứng minh hoạ, có thể trong các văn bản đã học)

Nhưng trước những biến động và đổi thay không ngừng của nền kinh tế thị trường, nhu cầu cuộc sống cá nhân ngày một khác đã trở thành khá phổ biến những quan niệm cho rằng trước hết phải vì cuộc sống của chính mình, vì lợi ích của riệng mình. Vì vậy trước tập thể nhiều cá nhân đã không đóng góp hết mình và dựa dẫm ỉ lại vào số đông theo suy nghĩ "Nước nổi thì bèo nổi". Họ tìm cách để thu vào túi mình những nguồn lợi lớn nhất để ổn định cuộc sống gia đình và hưởng thụ, họ thờ ơ trước những thay đổi của đơn vị mình, thờ ơ trước những khó khăn của mọi người xung quanh. Họ không giám đấu tranh trước những cái sai, cái xấu, bàng quan và vô - u vì sợ liên luỵ đến mình, ảnh hưởng đến danh tiếng, chức sắc, thu nhập... Có thể nói mối quan hệ giữa cá nhân và tập thể trong cuộc sống ngày nay có phần xấu đi, dờng nh mọi người chỉ còn làm việc theo trách nhiệm và làm vừa đủ, vừa đúng thậm chí cha hoàn thành công việc của mình...(Dẫn chứng ở tập thể lớp, ở địa phương hoặc ở một cơ quan đơn vị mà em biết).

+ Trước hiện trạng đó mỗi cá nhân chúng ta cần phải làm gì? Xác định lại quan điểm đúng đắn về mối quan hệ giữa cá nhân và tập thể, nêu cao tinh thần đoàn kết, ý thức cộng đồng, tinh thần trách nhiệm của mỗi người trong tổ chức, đơn vị mình công tác và sinh hoạt. Tập thể phải bảo vệ quyền lợi của mỗi cá nhân, bênh vực cá nhân, động viên, khích lệ họ vợt lên mọi hoàn cảnh để có nhiều đóng góp vì lợi ích chung...

+ Liên hệ mở rộng đến những quan điểm của người xa:

"Một cây làm chẳng lên non
Ba cây chụm lại nên hòn núi cao"

Mối quan hệ giữa cá nhân và tập thể còn được hiểu rộng ra là sự hợp tác và hữu nghị không chỉ trong nước mà còn trên phạm vi quốc tế. Trong cơ chế hoà nhập ngày nay cá nhân nói riêng, đơn vị, cơ quan, tỉnh thành, quốc gia cần kịp thời nắm bắt cơ hội hoà nhập nhưng trong sự hoà nhập đó không có sự hoà tan, trong cái riêng có những cái chung và Ngược lại. Tất cả vì tinh thần đoàn kết, hoà bình cùng phát triển và tiến bộ...

4. Một số đề tham khảo:

Đề số 1: Những năm đầu của cuộc kháng chiến chống Pháp, tình yêu làng của nhân vật ông Hai trong truyện ngắn ***"Làng"*** được nhà văn Kim Lân viết lại thật chân thành và cảm động. Trong cuộc sống hiện đại ngày nay, tình yêu làng của những người con quê hương được thể hiện nh thế nào? Hãy bài văn nghị luận nêu suy nghĩ về tình cảm thiêng liêng đó.

Đề số 2: Ngạn ngữ Trung Quốc có câu: ***"Đọc sách có ba điều tốt: mắt tốt, miệng tốt, tâm tốt"***; nhà lí luận văn học, nhà mĩ học Chu Quang Tiềm trong bài "Bàn về đọc sách" cũng khẳng định: ***" Học vấn không chỉ là chuyện đọc sách, nhưng đọc sách vẫn là con đường quan trọng của học vấn"***. Sách có tầm quan trong Như vậy nhưng hiện trạng của việc đọc sách ngày nay nh thế nào, hãy bàn về điều đó?

Đề số 3: Từ văn bản ***"Chuẩn bị hành trang vào thế kỉ mới"*** của tác giả Vũ Khoan đến những suy nghĩ của em về hành trang của người học sinh trong một xã hội với những phát triển không ngừng về khoa học, công nghệ và kinh tế nh hiện nay.

Đề số 4: Gác-xi-a Mác-két trong bài viết ***"Đấu tranh cho một thế giới hoà bình"*** đã chỉ ra nguy cơ của chiến tranh hạt nhân đe doạ loài người và nhấn mạnh vào nhiệm vụ đấu tranh để ngăn chặn nguy cơ ấy. Là một người yêu chuộng hoà bình, em gửi thông điệp gì đến mọi người để bảo vệ nền hoà bình thế giới?

Đề số 5: ***"Truyện Kiều"*** được coi là *"đền thiêng"* của nền văn học Việt Nam nói riêng, nền văn hoá dân tộc nói chung. Nhiệm vụ của em trong việc bảo vệ và giữ gìn những giá trị tinh thần đó của dân tộc.

Đề số 6: Kết thúc truyện ngắn ***"Cố hương"*** nhà văn Lỗ Tấn có viết: *"Cũng giống nh con đường trên mặt đất; kì thực làm gì có đường. Người ta đi mãi thì thành đường thôi"*. Con đường đi đến thành công trong học tập có giống *"con đường trên mặt đất"*?

PHẦN CẢM THỤ VĂN HỌC

1. Lí thuyết và kĩ năng phần cảm thụ văn học GV tham khảo nội dung được học ở các lớp Dưới.
2. Một số lu ý khi cảm thụ văn học trong làm văn lớp 9:

- Ngoài kĩ năng cảm thụ đã học, HS cần gia tăng trong bài viết của mình cách đánh giá, bình luận, khả năng liên hệ, so sánh, khái quát về đối tượng cảm thụ.
- Hành văn sắc sảo, có thể bộc lộ quan điểm của cá nhân trước đối tượng cảm thụ, có thể đi Ngược với những cách cảm nhận thông thường nhưng phải đủ lời lẽ để thuyết phục mọi người về quan điểm cá nhân đa ra.
- Vì lớp 9 là năm cuối cấp nên nội dung cảm thụ có thể có những vấn đề đã được học trong các chương trình lớp Dưới, chương trình đang học và cả những kiến thức ngoài chương trình (mới) để đánh giá khả năng cảm thụ của các em một cách khách quan.

3. Một số nội dung cảm thụ văn học:

- Một bài thơ, một bài ca dao, một đoạn trích trong tác phẩm thơ hoặc truyện (Có thể trong chương trình lớp 9 hoặc các lớp 6,7,8 và các văn bản khác ngoài chương trình.
- Cảm thụ trên cơ sở so sánh các nội dung về cùng một đề tài, của cùng một tác giả, cùng một thời đại...

4. Một số đề bài tham khảo:

Đề 1: Cảm nhận vẻ đẹp cảnh ra khơi trong các đoạn thơ sau:

"***Khi trời trong, gió nhẹ, sớm mai hồng***
Dân trai tráng bơi thuyền đi đánh cá.
Chiếc thuyền nhẹ hăng nh con tuấn mã
Phăng mái chèo, mạnh mẽ vợt trường giang.
Cánh buồm giương to nh mảnh hồn làng
Rớn thân trắng bao la thâu góp gió..."

(***Quê hương***, *Tế Hanh)*

"Mặt trời xuống biển nh hòn lửa.
Sóng đã cài then đêm sập cửa.
Đoàn thuyền đánh cá lại ra khơi,
Câu hát căng buồm cùng gió khơi."

(***Đoàn thuyền đánh cá,*** *Huy Cận)*

Đề 2: Vẻ đẹp của mùa thu xa và nay trong những dòng thơ:

"Long lanh đáy nước in trời
Thành xây khói biếc, non phơi bóng vàng"

(Nguyễn Du)

Và*:*

"Bỗng nhận ra hương ổi
Phả vào trong gió se
Sương chùng chình qua ngõ
Hình nh thu đã về"

(Hữu Thỉnh)

Đề 3: Hãy cùng nhà thơ Hữu Thỉnh đón chào vẻ đẹp một ngày thu trong bài thơ ***"Chiều sông Thương"*** của tác giả:

Đi suốt cả ngày thu
Vẫn cha về tới ngõ
Dùng dằng câu quan họ
Nở tím bên sông Thương.
Nước vẫn nước đôi dòng
Chiều uốn cong lối hái
Những gì sông muốn nói
Cho sắc mặt mùa vàng
Đất quê mình thịnh vượng
Những gì ta gửi gắm
Sắp vàng hoe bốn bên.
Hạt phù sa rất quen
Sao mà nh cổ tích
Mấy cô coi máy nước

Cánh buồm đang hát lên.
Đám mây trên Việt Yên
Rủ bóng về Bố Hạ
Lúa cúi mình giấu quả
Ruộng bời con gió xanh.
Nước màu đang chảy ngoan
Giữa lòng mơng máng nổi
Mạ đã thò lá mới
Trên lớp bùn sếnh sang.
Mắt dài nh dao cau.
Ôi con sông màu nâu
Ôi con sông màu biếc
Dâng cho mùa sắp gặt
Bồi cho mùa phôi thai.
Nắng thu đang trải đầy
Đã trăng non múi bởi
Bên cầu con nghé đợi
Cả chiều thu sang sông.

(Tháng 10 năm 1973)

TÀI LIỆU THAM KHẢO BỒI DƯỠNG HỌC SINH GIỎI MÔN NGỮ VĂN 9 (phần 2)

PHẦN CẢM THỤ VĂN HỌC

1. Lí thuyết và kĩ năng phần cảm thụ văn học GV tham khảo nội dung được học ở các lớp Dưới.
2. Một số lu ý khi cảm thụ văn học trong làm văn lớp 9:
- Ngoài kĩ năng cảm thụ đã học, HS cần gia tăng trong bài viết của mình cách đánh giá, bình luận, khả năng liên hệ, so sánh, khái quát về đối tượng cảm thụ.
- Hành văn sắc sảo, có thể bộc lộ quan điểm của cá nhân trước đối tượng cảm thụ, có thể đi Ngược với những cách cảm nhận thông thường nhưng phải đủ lời lẽ để thuyết phục mọi người về quan điểm cá nhân đa ra.
- Vì lớp 9 là năm cuối cấp nên nội dung cảm thụ có thể có những vấn đề đã được học trong các chương trình lớp Dưới, chương trình đang học và cả những kiến thức ngoài chương trình (mới) để đánh giá khả năng cảm thụ của các em một cách khách quan.
3. Một số nội dung cảm thụ văn học:
- Một bài thơ, một bài ca dao, một đoạn trích trong tác phẩm thơ hoặc truyện (Có thể trong chương trình lớp 9 hoặc các lớp 6,7,8 và các văn bản khác ngoài chương trình.
- Cảm thụ trên cơ sở so sánh các nội dung về cùng một đề tài, của cùng một tác giả, cùng một thời đại...
4. Một số đề bài tham khảo:

Đề 1: Cảm nhận vẻ đẹp cảnh ra khơi trong các đoạn thơ sau:

"***Khi trời trong, gió nhẹ, sớm mai hồng***
Dân trai tráng bơi thuyền đi đánh cá.
Chiếc thuyền nhẹ hăng nh con tuấn mã
Phăng mái chèo, mạnh mẽ vợt trường giang.
Cánh buồm giương to nh mảnh hồn làng
Rớn thân trắng bao la thâu góp gió..."

***(Quê hương**, Tế Hanh)*

"Mặt trời xuống biển nh hòn lửa.
Sóng đã cài then đêm sập cửa.
Đoàn thuyền đánh cá lại ra khơi,
Câu hát căng buồm cùng gió khơi."

***(Đoàn thuyền đánh cá,** Huy Cận)*

Đề 2: Vẻ đẹp của mùa thu xa và nay trong những dòng thơ:

"Long lanh đáy nước in trời
Thành xây khói biếc, non phơi bóng vàng"

(Nguyễn Du)

Và*:*

"Bỗng nhận ra hương ổi
Phả vào trong gió se
Sương chùng chình qua ngõ
Hình nh thu đã về"

(Hữu Thỉnh)

Đề 3: Hãy cùng nhà thơ Hữu Thỉnh đón chào vẻ đẹp một ngày thu trong bài thơ ***"Chiều sông Thương"*** của tác giả:

Đi suốt cả ngày thu
Vẫn cha về tới ngõ
Dùng dằng câu quan họ
Nở tím bên sông Thương.
Nước vẫn nước đôi dòng
Chiều uốn cong lũi hái
Những gì sông muốn nói
Cánh buồm đang hát lên.
Đám mây trên Việt Yên
Rủ bóng về Bố Hạ
Lúa cúi mình giấu quả
Ruộng bời con gió xanh.
Nước màu đang chảy ngoan
Giữa lòng mơng máng nổi
Mạ đã thò lá mới
Trên lớp bùn sếnh sang.
Cho sắc mặt mùa vàng
Đất quê mình thịnh vượng
Những gì ta gửi gắm
Sắp vàng hoe bốn bên.
Hạt phù sa rất quen
Sao mà nh cổ tích
Mấy cô coi máy nước
Mắt dài nh dao cau.
Ôi con sông màu nâu
Ôi con sông màu biếc
Dâng cho mùa sắp gặt
Bồi cho mùa phôi thai.
Nắng thu đang trải đầy
Đã trăng non múi bởi
Bên cầu con nghé đợi
Cả chiều thu sang sông.

(Tháng 10 năm 1973)

PHẦN VĂN HỌC TRUNG ĐẠI

A. MỤC TIÊU:

- Củng cố một số kiến thức văn học trung đại được học ở lớp Dưới, hệ thống kiến thức văn học trong suốt một nghìn năm lịch sử thời phong kiến.
- Khắc sâu kiến thức về tình hình xã hội và tình hình văn học từ thế kỉ XVI đến thế kỉ XIX.
- Hiểu được nội dung, nghệ thuật các tác phẩm văn học trung đại được học trong chương trình.
- Từ đó vận dụng kiến thức để làm văn.

B. NỘI DUNG:

I. *Tổng quan về văn học trung đại Việt Nam.*

1. Khái quát về tình hình xã hội phong kiến Việt Nam từ thế kỉ X đến thế kỉ XX.

(Nhấn mạnh hơn ở thế kỉ XVI đến thế kỉ XIX)

2. Khái quát tiến trình phát triển của văn học trung đại VN

3. Giới thiệu một số chủ đề chính của văn học trung đại VN:
- Chủ nghĩa yêu nước.
- Chủ nghĩa nhân đạo.
4. Đặc điểm thi pháp của văn học trung đại VN (những biểu hiện cụ thể trong văn học từ thế kỉ XVI đến thế kỉ XIX)

II. Tác giả Nguyễn Dữ và "Chuyện người con gái Nam Xương".

1. Các kiến thức cơ bản về tác giả và tác phẩm.
2. Bổ sung kiến thức về tập "Truyền kì mạn lục".
3. Nhấn mạnh giá trị nội dung và nghệ thuật của tác phẩm.
4. Một số vấn đề cảm nhận và nghị luận về tác phẩm:
- Giá trị nhân đạo của truyện.
- Người phụ nữ trong xã hội phong kiến qua cuộc đời và số phận nhân vật Vũ Nương.
- Ý nghĩa của chi tiết cái bóng.
- Ý nghĩa của các yếu tố kì lạ.
- Các lời đối thoại và độc thoại của nhân vật trong truyện...
5. Một số bài tập tham khảo:

Đề 1: Trong bài thơ ***"Lại viếng bài Vũ Thị"*** tác giả Lê Thánh Tông có viết:

"Qua đây bàn bạc mà chơi vậy.
Khá trách chàng Trương khéo phũ phàng".

Hãy cắt nghĩa các nguyên nhân gây nên cái chết oan khiên của nàng Vũ trong ***"Chuyện người con gái Nam Xương"*** của tác giả Nguyễn Dữ.

Đề 1: Trong ***"Chuyện người con gái Nam Xương"***, nhân vật Vũ Nương nhiều lần đã nói với chồng con, với đất trời...

Hãy phân tích lời của nàng Vũ để hiểu hơn về vẻ đẹp tâm hồn người con gái Nam Xương.

Đề 3: Những ảnh hưởng và sáng tạo của Nguyễn Dữ trong ***"Chuyện người con gái Nam Xương"*** so với truyện cổ tích ***"Vợ chàng Trương".***

Đề 4: Có ý kiến cho rằng kết thúc ***"Chuyện người con gái Nam Xương"*** vừa có hậu nhưng ít nhiều vẫn còn tính bi kịch.

Hãy phân tích để thấy được chiều sâu nhân đạo trong kết thúc đó.

Đề 5: Cảm nhận của em về chi tiết cái bóng trong ***"Chuyện người con gái Nam Xương"*** của nhà văn Nguyễn Dữ.

III. Tác giả Nguyễn Du và "Truyện Kiều"

Ngoài các kiến thức cơ bản về tác giả, tác phẩm GV có thể nhấn mạnh một số nội dung sau:
1. Các nhân tố làm nên thiên tài Nguyễn Du.
2. Giá trị nội dung và nghệ thuật của "Truyện Kiều".
3. Mở rộng kiến thức đối với HSG về một số thành công khác của "Truyện Kiều"
4. Một số nội dung có thể trở thành chủ đề làm văn nghị luận:
- Trái tim yêu thương con người của Nguyễn Du.
- Hình ảnh thiên nhiên trong "Truyện Kiều":
+ Vẻ đẹp bức tranh mùa xuân (cảm nhận).
+ Hình ảnh ngọn cỏ trong những không gian khác nhau (so sánh).
+ Nghệ thuật tả cảnh ngụ tình...

- Nghệ thuật xây dựng nhân vật:
+ Miêu tả ngoại hình, nội tâm nhân vật.
+ Ngôn ngữ nhân vật...
- Cảm nhận, nghị luận về một đoạn trích, một số câu thơ.

4. Một số đề bài ví dụ:

Đề 1: Sự ảnh hưởng và sáng tạo của Nguyễn Du trong hai dòng thơ:

"Cỏ non xanh tận chân trời
Cành lê trắng điểm một vài bông hoa"

so với câu thơ cổ của Trung Quốc:

"Phương thảo liên thiên bích
Lê chi sổ điểm hoa".

Đề 2: Có ý kiến cho rằng đằng sau bức chân dung xinh đẹp của Thuý Kiều và Thuý Vân là những dự báo về số phận của hai nàng.

Phân tích đoạn trích ***"Chị em Thuý Kiều"*** cùng những hiểu biết của em về tác phẩm ***"Truyện Kiều"*** hãy làm sáng tỏ.

Đề 3: Suy nghĩ của em về số phận người phụ nữ trong xã hội phong kiến qua hai nhân vật Vũ Nương *("Chuyện người con gái Nam Xương"- Nguyễn Dữ)* và nhân vật Thuý Kiều *("Truyện Kiều"- Nguyễn Du).*

Đề 4: Trong hoàn cảnh nơi đất khách quê người cô đơn, buồn tủi Kiều thật đáng thương. Nhưng Kiều lại dành tình thương, nỗi nhớ ấy cho những người thân yêu nhất của mình.

Hãy phân tích tâm trạng nhớ thương của nhân vật Thuý Kiều trong đoạn trích "Kiều ở lầu Ngng bích". Từ đó em có suy nghĩ nh thế nào về chữ hiếu của con cái đối với cha mẹ trong cuộc sống ngày nay?

IV. Một số văn bản khác (GV bổ sung một số kiến thức cơ bản)

1. Chuyện cũ trong phủ chúa Trịnh.
2. Hoàng Lê nhất thống chí.
3. Truyện Lục Vân Tiên.

V. Giới thiệu một số chuyên đề (GV tham khảo)

1. Nghệ thuật tả cảnh của thi hào Nguyễn Du trong "Truyện Kiều"

Bút pháp của đại thi hào Nguyễn Du được coi là điêu luyện, tuyệt bút trong đó nghệ thuật tả cảnh tả tình được người đời sau khen ngợi "như máu chảy ở đầu ngọn bút" và "thấu nghỡn đời". Xin giới thiệu bài viết của nhà phờ bình Trần Ngọc về Nghệ Thuật Tả Cảnh của Thi Hào Nguyễn Du trong Truyện Kiều.

Đoạn Trường Tân Thanh hay Truyện Kiều của thi hào Nguyễn Du là một áng văn chương tuyệt tác trong lịch sử văn học nước ta. Truyện Kiều có giá trị về mọi mặt: tư tưởng, triết lý, luân lý, tâm lý và văn chương.

Truyện Kiều vì thế đó trở thành quyển truyện thơ phổ thông nhất nước ta: từ các bậc cao sang quyền quý, trí thức khoa bảng, văn nhân thi sĩ, cho đến những người bình dân ít học, ai cũng biết đến truyện Kiều, thích đọc truyện Kiều, ngâm Kiều và thậm chí bói Kiều.

Giá trị tuyệt hảo của truyện Kiều là một điều khẳng định mà trong đó giá trị văn chương lại giữ một địa vị rất cao. Trong phạm vi bài viết này, chúng tôi xin được bàn đến nghệ thuật tả cảnh của thi hào Nguyễn Du trong tác phẩm Đoạn Trường Tân Thanh hay Truyện Kiều ..

Nghệ thuật tả cảnh của Nguyễn Du nói chung rất đa dạng, tài tình và phong phỳ. Chính Nghệ thuật tả cảnh này đó làm tăng rất nhiều thi vị và giá trị cho truyện Kiều.

Lối tả cảnh diễm tình .

Đây là lối tả cảnh mang tính cách chủ quan, man mác khắp trong truyện Kiều. Cảnh vật bao giờ cũng bao hàm một nỗi niềm tâm sự của nhân vật chính hoặc phụ ẩn chứa trong đó. Nói một cách khác, Nguyễn Du tả cảnh mà thâm ý luôn luôn đem cái cảm xúc của người đối cảnh cho chi phối lên cảnh vật. Điều này khiến cho cảnh vật trở thành linh hoạt như có một tâm hồn hay một nỗi xúc cảm riêng tư nào đó. Chính Nguyễn Du đó tự thú nhận sự chủ quan của mình trong lúc tả cảnh qua hai câu thơ:

"Cảnh nào cảnh chẳng đeo sầu
Người buồn cảnh có vui đâu bao giờ"

Trong khuynh hướng này , nghệ thuật tả cảnh của Nguyễn Du vượt khác hẳn các thi nhân khác, kể cả những thi sĩ Phương Tây, vốn rất thiện nghệ trong lối tả cảnh ngụ tình. Trong khi các thi sĩ này chỉ đi một chiều, nghĩa là chỉ tìm những cảnh vật nào phù hợp với tâm trạng của con người thì mới ghi vào, còn Nguyễn Du thì vừa đưa cảnh đến tâm hồn con người, lại đồng thời vừa đưa tâm hồn đến với cảnh, tạo nên một sự giao hòa tuyệt vời hai chiều giữa cảnh và người, giữa cái vô tri và cái tâm thức để tuy hai mà một, tuy một mà hai..

Ví dụ như khi chị em Kiều đi lễ Thanh Minh về, tới bên chiếc cầu bắc ngang một dòng sông nhỏ gần mả Đạm Tiên, thì cả người lẫn cảnh đếu cảm thấy nao nao tấc dạ trong buổi chiều tà :

"Nao nao dũng nước uốn quanh
Nhịp cầu nho nhỏ cuối ghềnh bắc ngang"

"Nao nao" chỉ tâm sự con người, nhưng cũng chỉ sự ngập ngừng lãng đãng của dòng nước trôi dưới chân cầu.

Hình ảnh một mảnh trăng khuyết soi nghiêng nhìn Kim Trọng khi chàng nửa tỉnh nửa mờ, chập chờn với Hình ảnh Kiều sau lần gặp gỡ đầu tiên:

"Chênh chênh búng Nguyệt xế mành
Tựa ngồi bên triện một mình thiu thiu"

Chàng biếng nhác cả việc sách đèn, để phòng đọc sách lạnh tanh với tiếng gió quạnh hiu phập phồng qua màn cửa :

Buồng văn hơi giá như đồng
Trúc se ngọn thỏ tơ chùng phím loan
Mành Tương phất phất gió đàn
Hương gây mùi nhớ trà khan giọng tình.

Rồi những giờ phút thề ước ba sinh đó qua, khi phải tạm xa nhau thì dòng sông kia bỗng sao trở thành kẻ khắt khe để chia rẽ duyên tình:

Sông Tương một giải nông sờ
Bên trông đầu nọ bên chờ cuối kia

Một đoạn tả cảnh khác, tình người ẩn sâu trong cảnh vật . Đó là cảnh Kim Trọng sau khi hộ tang cha, về tìm lại Kiều nơi vườn Lãm Thúy, nhưng người xưa nay còn thấy đâu, chỉ còn cảnh vườn hoang, cỏ dại lạnh lùng dưới ánh trăng.

Đầy vườn cỏ mọc lau thưa
Song trăng quạnh quẽ vách mưa rã rời

Lần thứ hai, Kim Trọng tìm về nhà Vương Viên Ngoại để hỏi thăm Kiều thì cảnh nhà bây giờ thật sa sút , sân ngoài cỏ hoang mọc dại, ướt dầm dưới cơn mưa, tiêu điều như nỗi buồn tênh trong lòng chàng:

Một sân đất cỏ dầm mưa
Càng ngao ngán nỗi càng ngơ ngẩn dường

Khi Kiều ở lầu Ngưng Bích, nhìn qua song cửa thấy cảnh biển chiều hôm, với những cánh buồm xa xa lại tưởng tới thân phận bọt bèo không định hướng của mình :

Buồn trông cửa biển chiều hôm
Thuyền ai thấp thoáng cánh buồm xa xa
Buồn trông ngọn nước mới sa,
Hoa trôi man mác biết là về đâu?

Lúc Kiều theo Mó Giám Sinh về Lâm Tri, thì lòng nàng cũng chẳng thực sự là vui mà buồn hiu hắt như hàng lau bên vệ đường:

Gió chiều như gợi cơn sầu
Vi lô hiu hắt như màu khơi trêu

Và khi theo Sở Khanh để trốn Tú Bà, thì cảnh một đêm thu có trăng sáng nhưng cũng lạnh lùng cũng chẳng khác chi tâm sự rối bời của Kiều :

Lối mòn cỏ nhạt màu sương
Lòng quờ đi một bước đường một đau

Lúc thất vọng não nề, muốn gieo mình xuống sông Tiền Đường cho rũ nợ trần, tâm sự Kiều cũng như mảnh trăng sắp tàn, chẳng còn chút gì lưu luyến nơi thế gian:

Mảnh trăng đó gác non đoài
Một mình luống những đứng ngồi chưa xong

Lối tả chân.

Ngoài lối tả cảnh diễm tình, Nguyễn Du còn điểm trang cho truyện Kiều bằng nhiều bức tranh tả chân, tả rất thực, và thuần túy là những họa xinh đẹp, không ngụ tình. Những bức tranh bằng thơ có khi tươi tắn, có khi sầu mộng được viết theo lối văn tinh xảo.Chỉ cần một vài nét phác họa với những điểm chính hiện hữu .

Đây là cảnh một túp lều tranh bên sông vắng lúc hoàng hôn, vừa giản dị, mộc mạc nhưng cũng rất nên thơ:

Đánh tranh chụm nóc thảo đường
Một gian nước biếc mây vàng chia đôi.

Hoặc chỉ một vài nét chấm phá mà người đọc đó Hình dung ra cảnh một mái tranh nghèo rách nát tơi tả theo tháng ngày:

Nhà tranh vách đất tả tơi
Lau treo rèm nát trúc cài phên thưa

Hoặc bức tranh sơn thủy của một khung trời chiều long lanh phản chiếu trên mặt sông êm ả :

Long lanh đáy nước in trời
Thành xây khói biếc non phơi ánh vàng

Hay bóng liễu rủ bên cầu và thướt tha soi bóng trên sông tạo nên một khung cảnh đẹp mộng thơ *:*

Dưới cầu nước chảy trong veo
Bên cầu tơ liễu bóng chiều thướt tha

Khi chị em kiều đi viếng mộ Đạm Tiên, thì cảnh vật cũng theo đó đỡu hiu ảm đạm: cơn gió đỡu hiu lay động một vài cành lau trên vùng cỏ mờ nhạt theo sương chiều :

Một vùng cỏ áy bóng tà
Gió hiu hiu thổi một vài bông lau.

Cảnh thanh tịnh của ngôi chùa Giác Duyên nơi Kiều đó được cứu vớt, mà đường tới thì quanh co theo giải sông, có khu rừng lau như cách biệt với cuộc sống rộn rã bên ngoài:

Quanh co theo giải giang tân
Khỏi rừng lau đó tới sõn Phật Đường

Nghệ thuật tả cảnh của Nguyễn Du tuyệt vời đến nỗi Giáo sư Nghiêm Toản đã có nhận định như sau: "trong Đoạn Trường tân thanh, luôn luôn có những bức tranh nho nhỏ như những hạt kim cương rải rác đính trên một tấm thêu nhung" (Việt Nam văn Học Sử Trích Yếu)

Hãy xem cảnh búng trăng chênh chếch soi mình trên sóng nước, đẹp lóng đóng như nỗi tưởng nhớ miên man của Kiều về Kim Trọng sau buổi gặp gỡ lần đầu. Chỉ vài nét đon sơ giữa trăng, nước và sân nhà đó đủ diễn tả một khung cảnh tuyệt nhó đẹp như một bức tranh :

Gương nga chênh chếch dòm song
Vàng gieo ngấn nước , cây lồng bóng sân

Lối tả cảnh tượng trưng:

Nguyễn Du cũng rất nhiều khi phô diễn lối tả cảnh tượng trưng, nghĩa là chỉ dùng một vài nét chấm phá, thành một nghệ thuật đó đạt đến mức uyển chuyển và tinh tế

Hãy nghe hai câu thơ :

Vi lô san sát hơi may
Một trời thu để riêng ai lạnh lùng

Đó là một cảnh một rừng vi lô trong mùa thu xám có gió heo may, lành lạnh. Lối tả cảnh này có thể Nguyễn Du chỉ viết theo nghệ thuật cảm quan của mình chứ không hề nghĩ rằng mình đang tạo ra một lối vẽ cảnh một cách tượng trưng bằng những vần thơ. Mói đến hơn một thế kỷ sau ,tức vào thế kỷ 19, lối tả cảnh tượng trưng nay mới phát triển thật mau tại Pháp mà các nhà phân tích văn học gọi là "Symbolists". Đó là sự nhận định của Giáo sư Hà Như Chi.

Nên để ý nghệ thuật của Nguyễn Du là mang cái gì rộng lớn mênh mông , để rồi đem vào hàm chứa trong một cái gì nhỏ bé (luận giải của Giáo Sư Hà Như Chi trong Việt Nam Thi Văn Giảng Luận). Trong hai câu thơ trên, "một trời thu" mang một ý niệm không gian rộng lớn bao la, trong khi bốn chữ "riêng ai một mình" lại chỉ một phạm vi nhỏ bé, một tâm tình đơn lẻ cá nhân.

Một vài câu thơ khác cũng mang cùng một khuynh hướng như :

Hiên tà gác bóng nghiêng nghiêng
Nỗi riêng riêng chạnh tấc riêng một mình

Đó là cảnh mặt trời chiều bâng khuâng nghiêng mình soi bóng trước mái hiên nhà để rồi chuyển sang, ẩn vào tâm tư riêng của một cừi lòng Kiều cụ đơn. (Cần chú ý thêm là cách dựng điệp ngữ một cách tài tình khéo léo của Nguyễn Du, với chữ "nghiêng" và "riêng" được lập đi lập lại nhiều lần mà vẫn cảm thấy hay). Có khi

Nguyễn Du lại dùng một lối tả cảnh tượng trưng ngược lại , nghĩa là đem tấc lòng nhỏ bé của con người cho tỏa rộng bay hòa vào cỏi rộng lớn của trời đất.

Hãy xem cảnh Kiều và Thúc Sinh chia tay nhau:

Người lên ngựa kẻ chia bào
Rừng phong thu đó nhuốm màu quan san.

Đó là sự phân ly buồn bã tuy chỉ giữa hai người, nhưng đó làm ảm đạm cả một vùng cảnh vật chung quanh.

Hay cảnh Kiều thất vọng cuộc đời, mở cửa phòng nhỏ bé để gieo mình xuống dòng bao la của sông Tiền Đường :

Cửa bồng vội mở rèm châu
Trời cao sông rộng một màu bao la.

Nói về nghệ thuật tả cảnh tượng trưng này, giáo sư Dương Quảng Hàm đó viết: "tả cảnh thì theo lối phác họa mà cảnh nào cũng linh hoạt"

Lối tả cảnh dùng màu sắc.

Nghệ thuật tả cảnh bằng thơ của Nguyễn Du cũng dùng rất nhiều màu sắc như bức tranh của một người họa sĩ. Trước tiên phải là ánh sáng, một yếu tố cơ bản, rồi sau đó mới tới các màu sắc với sự pha chế sao cho làm nổi được cảnh chính và cảnh phụ .

Hãy xem một cảnh Xuân tươi mát trên đồng quê qua ngòi bút tả cảnh đầy màu sắc của Nguyễn Du:

Cỏ non xanh tận chân trời
Cành lê trắng điểm một vài bông hoa

Thật là một bức tranh màu sắc thanh nhó tuyệt hảo: trên thảm cỏ xanh mướt bao la, nổi những bông hoa lê trắng tinh. Chỉ có hai màu xanh và trắng như nỗi thanh khiết của tâm hồn chị em Kiều đi dự lễ Thanh Minh. Ở đây cũng cần để ý tới lối đảo chữ tài tình của Nguyễn Du. Thay vỡ "cành lê điểm một vài bông hoa trắng" thì Nguyễn Du đó viết: "cành lê trắng điểm một vài bông hoa". Tất nhiên có thể Nguyễn Du đó phải đảo chữ chỉ vì tôn trọng luật "bằng trắc" của thơ lục bát, nhưng cũng phải công nhận đó là một lối đảo chữ tài tình mà không phải ai cũng làm được .

Cũng một cảnh cỏ xanh nữa, nhưng lần này là màu xanh thẫm soi mình cạnh màu nước trong:

Một vùng cỏ mọc xanh rì
Nước ngâm trong vắt thấy gì nữa đâu.

Hay cảnh lung linh ánh nước soi chiếu mây vàng của hoàng hôn:

Long lanh đáy nước in trời
Thành xây khói biếc non phơi ánh vàng.

Một cảnh khác mà màu sắc lại buồn ảm đạm, chỉ có màu nâu của đất, màu xanh vàng của cỏ úa chen chân bên cái thấp lè tè của gò đất mả Đạm Tiên:

Sè sè nắm đất bên đường
Rầu rầu ngọn cỏ nửa vàng nửa xanh

Nói chung, Nguyễn Du chú trọng nhiều đến màu sắc của thiên nhiên, đặc biệt là của hoàng hôn, của cây cỏ, của trăng và của nước là những màu sắc thi vị, nhưng lại gieo ấn tượng cho một nỗi buồn xa xăm, cũng chỉ vì truyện Kiều mang bản chất nhiều nỗi buồn hơn vui.

Giáo sư Hà Như Chi nhận định về lối dùng màu sắc của cụ Nguyễn Du như sau: "Nguyễn Du khi tả ánh sáng không những chỉ trực tiếp mà tả ánh sáng ấy, mà lại

còn tả một cách gián tiếp , cho ta thấy sự phản chiếu trên ngọn cỏ, lá cây mặt nước, đỉnh núi ...” (Việt NamThi Văn Giảng Luận)

Đúng như thế, Hãy xem cảnh khu vườn với hoa lựu nở đỏ như ánh lửa lập lòe trong mựa hạ, khi mùa nắng đó được đón chào bởi tiếng quyên ca lúc khởi một đêm trăng :

Dưới trăng quyên đó gọi hố
Đầu tường lửa lựu lập lòe đâm bông

Lối dùng chữ trang nhã và bình dân trong tả cảnh.

Nguyễn Du là một thi nhân thuộc dòng dõi quan quyền phú quý, nhưng gặp phải cảnh loạn lạc đổi chúa thay ngôi giữa nhà Lê và nhà Nguyễn, đó phải về quê cũ ở Huyện Tiên Điền để ẩn cư. Cụ đó trải qua những ngày sống trong phú quý và những ngày sống thanh đạm nơi thôn dã , nên trong tâm hồn đó thu nhập được hai cảnh sống. Cụ đã hài hòa kết hợp được hai cảnh sống đó, nên trong lĩnh vực văn chương tả cảnh trong truyện Kiều, cụ có khi dùng những chữ thật trang nhã quý phái, có khi lại dựng những chữ thật giản dị bình dân.

Những chữ dựng trang nhó quý phái đã được kể nhiều qua những câu thơ ở trên, thiết tưởng chẳng cần lập lại. Bây giờ chúng ta Hãy xem những chữ rất bình dân mà Nguyễn Du dựng trong lúc tả cảnh.

Vớ dụ chị em Kiều du Xuân ra về thì trời vừa ngả búng hoàng hụn , Nguyễn Du dựng hai chữ “tà tà” chỉ một hành động chậm rãi, có thể là chị em Kiều thong thả bước chân ra về, mà cũng có thể chỉ sự xuống chầm chậm của mặt trời chiều:

Tà tà bóng ngả về tây
Chị em thơ thẩn dan tay ra về.

Thế rồi gặp cảnh mả Đạm Tiên đắp vội , chỉ còn một nắm đất thấp “sè sè” bên đường, chen lẫn vài ngọn cỏ úa :

Sè sè nắm đất bên đường
Rầu rầu ngon cỏ nửa vàng nửa xanh.

Rồi ngọn gió gọi hồn “ào ào” thổi tới như muốn nhắn nhủ điều chi :

Ào ào đổ lộc rung cây
Ở trong dường có hương bay ít nhiều.

Hay cảnh vườn Thúy khi Kim Trọng trở lại tìm Kiều mà không thấy nàng, chỉ thấy cánh én xập xè bay liệng trên mặt đất hoang phủ đầy rêu phong:

Xập xè én liệng lầu không
Cỏ lan mặt đất rêu phong dấu giầy .

Và đêm xuống ánh trăng soi “quạnh quẽ” lẻ loi nơi vườn vắng, tri âm chỉ còn là những cọng cỏ dại mọc lưa thưa:

Đầy vườn cỏ mọc lau thưa
Song trăng quạnh quẽ vách mưa rã rời

Chính vì Nguyễn Du đó kết hợp được cả hai lối hành văn bác học và bình dân một cách tài tình nên truyện Kiều đã được tất cả mọi giai tầng trong xã hội đón nhận thưởng thức một cách nhiệt thành. Những chữ mộc mạc bình dân đó chứng tỏ một bước tiến của nền văn chương Việt Nam trên con đường xa dần ảnh hưởng của chữ Hán chữ nôm mà Nguyễn Du đó tiên phong dấn bước.

6. Lối dùng điển tích trong tả cảnh .

Nguyễn Du là một thi hào dùng rất nhiều điển tích trong tác phẩm của mình. Nhưng khác với những nhà thơ khác , thường dùng điển tích chỉ vỡ chưa tìm được

chữ quốc ngữ thích đáng để thay thế . Nguyễn Du thì khóc, cụ đã dùng điển tích để "làm câu thơ thêm có ý vị đậm đà mà vẫn lưu loát tự nhiên, không cầu kỳ thắc mắc" như Giáo sư Hà Như Chi đã nhận định. (Việt Nam Thi Văn Giảng Luận). Nhưng phải nói, những điển tích mà Nguyễn Du dùng chính đã làm giàu cho nền văn chương quốc ngữ Việt Nam, thậm chí nhiều điển tích đã trở thành ngôn ngữ hoàn toàn Việt Nam, mà nói tới ai ai cũng hiểu ý nghĩa đại cương của nó. Chẳng hạn những chữ Biển dâu, Gót sen, Sư tử Hà Đông, kết cỏ ngậm vành, mây mưa, ba sinh, chắp cánh liền cành ..v...v .

Những điển tích thường nằm nhiều trong những đoạn thơ tả người, tả tình tả tâm trạng, tả tiếng đàn, trải dài trong suốt truyện Kiều.

Riêng trong lĩnh vực tả cảnh là chủ điểm của bài này, chúng ta không gặp nhiều điển tích cho lắm. Nhưng cũng xin đan cử vài ví dụ.

Chẳng hạn như đoạn tả cảnh Kiều nhớ Kim Trọng bên dòng nước trong xanh phản chiếu ánh trăng ngà

"Gương nga chênh chếch dòm song
Vàng gieo ngấn nước cây lồng bóng sân "

"Gương Nga"chỉ mặt trăng, do tích Hằng Nga, mỹ nhân, vợ của Hậu Nghệ, đánh cắp và uống hết thuốc tiên mà Hậu Nghệ xin được của bà Tây Vương Mẫu. Hằng Nga hóa tiên và bay lên mặt trăng. Từ đó người ta thường gọi mặt trăng là Gương Nga hay chị Hằng, chị Nguyệt .

Hai câu thơ khác :

Sông Tần một giải xanh xanh
Loi thoi bờ liễu mấy cành Dương Quan

Sông Tần lấy từ câu "dao vọng Tần Xuyên, can trường đoạn tuyệt" ý núi ở xa nhìn nước sông Tần như nát gan xé ruột . Dương Quan là tên một cửa ải xa ở phía tây nam tỉnh Cam Túc. Cả hai điển tích trên đều mang ý nghĩa một sự nhớ nhung khi xa cách. Đó là lúc Thúy Kiều tiễn đưa Thúc Sinh trở về thăm vợ cũ là Hoạn Thư.

Hay: *Trước lầu Ngưng Bích khóa xuân*
Vẻ non xa tấm trăng gần ở chung

Chữ *Khóa xuân* lấy từ điển tích Châu Du bị gió đông cản việc phóng hỏa đốt trại Xích Bích, nên Đài Đồng Tước không bị cháy, nhưng chính vì đó mà đó khóa chặt tuổi xuân hai chị em tờn Đại Kiều và Tiểu Kiều, một người vợ Tôn Sách và một người vợ Chu Du..

Đông phong bất dữ Chu lang tiện,
Đồng Tước xuân thâm tỏa nhị Kiều .

Hai câu thơ trên ngụ ý tả cảnh lầu Ngưng Bích như là nơi đó khóa kín tuổi xuân của Thúy Kiều.

Một đoạn khác khi Kim Trong trở về vườn Thúy để tìm Kiều, nhưng nàng đã không còn ở đó, chỉ còn ngàn cánh hoa đào hồng thắm đang cười như tiễn biệt gió đông:

Trước sau nào thấy bóng người
Hoa đào năm ngoái còn cười gió đông

Hai câu này lấy từ điển tích nho sinh Thôi Hộ đời nhà Đường, trở về Đào Hoa Trang để thăm người con gái năm xưa đã dâng cho chàng nước uống trong lúc dự hội Đạp Thanh. Nhưng người đẹp đã vắng bóng dù cảnh cũ vẫn còn đấy, chìm ngập trong

ngàn cánh hoa đào phe phẩy dưới nắng xuân. Thôi Hộ đã viết hai câu thơ nguyên văn văn :

Nhân diện bất tri hà xứ khứ ,
Đào hoa y cựu tiếu đông phong

Kết luận .

Tóm lại, nghệ thuật tả cảnh của Nguyễn Du thật là muôn Hình vạn trạng. Nghệ thuật ấy chẳng khác gì nghệ thuật vẽ một bức tranh thủy mạc, nhiều khi chỉ một mảnh trời , một ánh trăng, một cành liễu, một dòng nước hay một áng mây hoàng hôn v.v.v . Chỉ thế thôi, nhưng chữ dùng về màu sắc và cách sắp đặt cảnh gần xa thật tài tình đó đủ lôi cuốn tâm hồn người đọc, như để cùng chung hòa vào cảnh vật. Một điều không thể chối cãi được là Nguyễn Du rất yêu cảnh thiên nhiên nên đã ban cho cảnh thiên nhiên một "hồn người" khiến cho không ai đọc thơ tả cảnh của Nguyễn Du mà không khỏi bồi hồi tấc dạ. Giá trị văn chương tả cảnh của Nguyễn Du đó đạt tới mức tinh diệu để chỉ riêng một lĩnh vực tả cảnh không thôi, cũng đủ truyện Kiều không hổ thẹn để xứng đáng là một tác phẩm văn chương quốc ngữ hay nhất trong kho tàng văn học của nước ta.

Hãy nghe học giả Đào Duy Anh nhận xét về truyện Kiều "Chúng ta sở dĩ yêu chuộng truyện Kiều không phải nó có thể làm quyển sách luân lý cho đời, mà chỉ vì trong sách ấy, Nguyễn Du đã dùng những lời văn kỳ diệu để rung động tâm hồn ta..." (Khảo Luận về Kim Vân Kiều)..

Thật đúng như vậy, những rung động trong tâm hồn được khơi dậy khi đọc truyện Kiều hẳn là một điều không ai trong chúng ta có thể phủ nhận bởi vì chúng ta đó từng có những cảm giác này. Truyện Kiều vì thế đã sống mãi với thời gian và không gian, từ thế hệ này qua thế hệ khác, lúc nào cũng được mọi người trân trọng và yêu mến

2. Độc thoại nội tâm trong "Truyện Kiều" một hình thức giao tiếp đặc biệt.

Ngôn ngữ là công cụ giao tiếp quan trọng của con người. Trong giao tiếp, con người giao tiếp với nhau thì có giao tiếp một chiều và giao tiếp hai chiều. Trong giao tiếp một chiều chỉ có một bên nói còn bên kia tiếp nhận, không phát biểu. Hình thức này thường gặp ở những mệnh lệnh, lời khấn và ngày nay trong diễn văn và lời của phát ngôn viên truyền thanh , truyền Hình. Trong hoạt động giao tiếp thường diễn ra các Hình thức hội thoại như : song thoại, tam thoại, đa thoại.... còn có Hình thức hội thoại đặc biệt mà chúng tôi đề cập đến trong tiểu luận này là vấn đề giao tiếp bằng Hình thức độc thoại, mà là độc thoại nội tâm. Có thể nói một cách khái quát rằng, độc thoại là chỉ có một nhân vật phát biểu còn các nhân vật khác chỉ nghe nhưng không phát biểu, không có lời đáp lại; còn chướng tụi núi ở đây là độc thoại nội tâm, tức là lời tự nhủ, tự mình núi với mình của các nhân vật. Nếu đối thoại là Hình thức giao tiếp sử dụng Hình thức núi năng giữa người này với người khác thì độc thoại là dạng giao tiếp đặc biệt của ngôn ngữ nhân vật, là Hình thức núi với chính mình. Mà qua lời độc thoại đó người tiếp nhận ngôn bản (người đọc) có thể hiểu được tâm trạng nhân vật dù đó chỉ là kiểu ý nghĩ - tư duy bằng ngôn ngữ thầm.

Trong "Truyện Kiều" của Nguyễn Du, tác giả đã tập trung ngòi bút của mình vào nhân vật chính là Thuý Kiều phục vụ cho việc biểu hiện tình cảm nhân đạo cao cả của ông đối với nàng Kiều. Ngoài nhân vật chính, ông lại xây dựng được hàng loạt nhân vật có cá tính và đã trở thành nhân vật điển Hình trong văn học : Kim Trọng,Từ Hải, Hoạn Thư, Tú Bà, Mã Giám Sinh, Thúc Sinh... Ngay cả những nhân vật tưởng

như rất phụ chỉ được nêu ra trong một số câu thơ, Nguyễn Du cũng để lại cho người đọc những Hình ảnh khó quên qua những màn, những cuộc hội thoại trong Tác phẩm. Chúng ta có thể tìm trong Tác phẩm của Nguyễn Du rất nhiều Hình thức hội thoại: đơn thoại, song thoại, tam thoại, đa thoại, đối thoại giữa người âm và người dương, đối thoại trực diện và đối thoại gián tiếp... Nhưng, có một Hình thức đối thoại đặc biệt là độc thoại nội tâm. Có thể nói độc thoại nội tâm là một Hình thức đặc biệt trong "Truyện Kiều" của Nguyễn Du, là vấn đề phong phú ,hấp dẫn cho chúng ta đi tìm hiểu. Bằng sự thu nhặt những mớ kiến thức tản mạn của các giáo sư đầu ngành làm thành tư liệu riêng của mình mà làm thành tập tiểu luận nhỏ nhoi, tự nghĩ cũng hổ thẹn với bỉ nhân!. Mong rằng tập tiểu luận sẽ là một tài liệu nho nhỏ cho bạn đọc tham khảo và rất mong sự đóng góp, nhận xét của bạn đọc để tập tiểu luận được thêm hoàn chỉnh.

**** Khái niệm : " độc thoại nội tâm":***

Độc thoại nội tâm là gì?

Trước hết, trong nghệ thuật tự sự, ngoài lời gián tiếp của người kể còn có lời trực tiếp của nhân vật. theo lí thuyết phong cách học hiện đại, lời trực tiếp của nhân vật được thuật lại dưới bốn dạng thức sau:

a. Dạng có dẫn ngữ trực tiếp:

Nó giật mình rồi nói với mình: Mình sai rồi

b. Dạng có dẫn ngữ gián tiếp:

Nó giật mình rồi nói với chính mình là nú đó sai rồi

c. Dạng gián tiếp tự do:

Nó giật mình, nó thấy sai rồi.

d. Dạng trực tiếp tự do:

Nó giật mình. Nó sai rồi.

Dạng thứ tư là dạng tiền đề để xuất hiện độc thoại nội tâm. Bởi vì điều kiện thứ nhất để xuất hiện độc thoại nội tâm là nhân vật tự do nói lời của mình một cách trực tiếp, nguyên vẹn, thoát khỏi mọi ràng buộc của lời gián tiếp của người kể, không có chỉ dẫn, dẫn dắt. Đồng thời độc thoại nội tâm cũng cần đặt trong ngữ cảnh của lời nói gián tiếp, nếu không thì nó khác chi lời trần thuật theo ngôi thứ nhất?. Điều kiện thứ hai là nó khác với lời độc thoại . độc thoại là lời nói một mình, trước và sau không có lời nào của ai khác nhưng người thứ ba đó đang nghe, nghe mà không trả lời như trong kịch và trong phim. Còn độc thoại nội tâm là lời độc thoại dùng vào việc miêu tả quá trình ý nghĩ trong nội tâm, và là lời nói thầm kín, viết ra để đọc chứ không nhằm nói ra thành tiếng như trong kịch mà người đọc qua đó có thể tiếp xúc được, hiểu được tâm trạng của nhân vật độc thoại nội tâm. Như vậy, lời trực tiếp tự do là Hình thức đầu tiên của độc thoại nội tâm.

Thứ hai, dùng ý thức cũng là một hình thức của độc thoại nội tâm, nhưng là độc thoại nội tâm với một sự tự do liên tưởng, không có mục tiêu đặc biệt nào; nó xuất hiện theo dũng ý thức, tâm trạng của nhân vật.

Thứ ba, lời nửa trực tiếp cũng là hình thức của độc thoại nội tâm. Đó là bao gồm lời nói không chỉ phát ra lời của nhân vật , lời nửa trực tiếp, nơi mà tác giả nhân danh mình, nhưng lại nắm bắt từ ngữ và ngữ điệu của nhân vật, và lời độc thoại nội tâm , trong đó tiếng nói của nhân vật dường như được tách ra làm hai tiếng nói tranh cãi nhau; và hàng loạt lời suy luận chặt chẽ , hoặc lời mang những ý nghĩ mù mờ hỗn loạn. Tất cả những hình thức đó giúp cho nhà tiểu thuyết tái hiện một cách chân thực,

không giản đơn sơ lược toàn bộ thế giới tâm hồn, trí tuệ của nhân vật ngày càng trở nên phức tạp và thường là mâu thuẫn. Như vậy, lời nửa trực tiếp có thể hiểu là lời của người kể chuyện mà cũng có thể hiểu là lời của nhân vật. Nói cách khác nó có hai tính chất: tính trực tiếp về nội dung, nó chứa thực ý và kiểu giọng của nhân vật; và được tác giả phát ngôn, viết như văn gián tiếp. Với cách hiểu như thế, thiết nghĩ có thể nói rằng, lời nửa trực tiếp có hình thức truyền đạt là gián tiếp, không có lời chỉ dẫn, dẫn ngữ, không đặt sau hai chấm và trong ngoặc kép như một dẫn ngữ; hình thức lời thuật nhưng nội dung và ngữ điệu hoàn toàn là của nhân vật. Nói cách khác, chủ thể của lời nói là người kể, mà chủ thể ý thức của lời nói là nhân vật.

Tóm lại, ba tiền đề để xuất hiện độc thoại nội tâm là lời nói trực tiếp tự do, dũng ý thức và lời nửa trực tiếp của nhân vật. Từ cách hiểu độc thoại nội tâm như thế, ta có thể đi tìm trong "Truyện Kiều" của Nguyễn Du những hình thức độc thoại nội tâm đó.

**** Độc thoại nội tâm trong "Truyện Kiều" của Nguyễn Du :***

- <u>Lời trực tiếp tự do trong Truyện Kiều</u> :

Chúng ta Hãy đọc đoạn Vương Quan kể chuyện Đạm Tiên như sau:

Vương Quan mới dẫn gần xa
Đạm Tiên nàng ấy xưa là ca nhi.
Nổi danh tài sắc một thì
Xôn xao ngoài cửa thiếu gỡ yến anh
Phận hồng nhan quá mong manh
Nửa chừng xuân thoắt góy cành thiên hương
Có người khách ở viễn phương
Xa nghe cũng nức tiếng nàng tìm chơi
Thuyền tình vừa ghé đến nơi
Thì đà trõm góy bình rơi bao giờ.
Buồng không lặng ngắt như tờ
Dấu xe ngựa đó rờu lờ mờ xanh
Khóc than khôn xiết sự tình
Khéo vô duyên bấy là mình với ta!
Đó khong duyờn trước chăng mà,
Thì chi chút ước gọi là duyên sau
Sắm sanh nếp tử xe châu
Vùi nông một nấm mặc dầu cỏ hoa...

Đây là lời kể trực tiếp của nhân vật Vương Quan, nhưng đặc biệt là trong đó, đó xuất hiện lời độc thoại nội tâm của người khách viễn phương:

Khéo vô duyên bấy là mình với ta

Đã không duyên trước chăng mà
Thì chi chút ước gọi là duyên sau.

Lời này không có chỉ dẫn dẫn ngữ, lại là lời trực tiếp của người khách nói ý nghĩ, ý nguyện của mình để lẫn trong lời của Vương Quan. Câu " Khóc than khôn xiết sự tình" chỉ là lời tự sự, ý vị chỉ dẫn hầu như bị mờ hoàn toàn. Chữ "mình" với "ta" là cách xưng hô thân mật riêng của người khách và người chết. Các chữ "Đã không duyên trước...Thì chi...duyên sau" là dấu hiệu của lời khấn. tuy có vẻ là lời nói với người chết, nhưng thật ra là nhân vật nói với mình, núi một mình. Đây hoàn toàn là lời độc thoại nội tâm tiêu biểu, nó nói lên khả năng xuất hiện độc thoại nội tâm

trong dòng lời kể theo ngôi thứ nhất, một cái"tôi" nhân vật xuất hiện trong ngữ cảnh của dòng tự sự theo ngôi thứ nhất.

Đoạn Kim Kiều gặp gỡ có những câu:

Kim từ quán khách lân la
Tuần trăng thấm thoát nay đó thêm hai
Cách tường khoảng buổi êm trời
Dưới đào dường có bóng người thướt tha
Buông cầm, xốc áo, vội ra
Hương còn thơm nức người đà vắng tanh
Lần theo tường gấm dạo quanh
Trên đào nhác thấy một cành kim thoa
Giơ tay với lấy về nhà
Này trong khuê các đâu mà đến đây?
Gẫm đâu người ấy báu này
Chẳng duyên chưa dễ vào tay ai cầm
Liền tay ngắm nghía biếng nằm...

Trong đoạn thơ trên thì câu : *" Dưới đào dường có bóng chiều thướt tha"* và *" Hương còn thơm nức người đà vắng tanh"* hay *" Này trong khuê các đâu mà đến đây?/ Gẫm âu vật ấy, báo này / Chẳng duyên chưa dễ vào tay ai cầm"* là lời độc thoại nội tâm của nhân vật Kim Trọng. Có thể viết trước những câu đó mấy chữ: *"Kim Trọng nghĩ bụng"* thì sẽ rõ ràng. Nhưng thông qua đoạn trích, ta có thể hiểu những câu ấy là suy nghĩ thầm của Kim Trọng. Đó là lời trực tiếp tự do trong đoạn trích, trước và sau không có lời nào khác, nó dùng để miêu tả quá trình ý nghĩ trong nội tâm, đó là lời thầm kín.

Hay trong đoạn kể Kiều bị bắt cóc, Thúc ông tưởng Kiều đã chết cháy:

Ngay tình ai biết mưu gian
Hẳn nàng thôi, lại còn bàn rằng ai!
Thúc ông sùi sụt ngắn dài...

Đoạn kể Kiều bị bắt về nhà Hoạn Bà:

Hoàng lương chợt tỉnh hồn mai
Cửa nhà đâu mất, lau đài nào đây?
Bàng hoàng giở tỉnh, giở say...

Hai câu giữa trong hai đoạn trích này đều là lời trực tiếp tự do với ngữ diệu nói , ý thức người nói khác hẳn với lời trần thuật, làm cho lời trần thuật chủ thể hoá. Lời nói của nhân vật không cần lời dẫn mà trực tiếp tự do, tự do trong thể hiện suy nghĩ của mình.

Không chỉ lời trần thuật của tác giả biến thành lời trực tiếp tự do của nhân vật trở thành trần thuật chủ thể hoá, mà đối thoại của nhân vật cũng được độc thoại hoá. Ví dụ như đoạn Kim Trọng được tin chú mất, phải về hộ tang, bèn sang chỗ Thúy Kiều tự tình:

Mảng tin xiết nỗi kinh hoàng
Băng mình lên trước đài trang tự tình.
Gót đầu mọi nỗi đinh ninh,
Nỗi nhà tang tóc, nỗi mình xa xôi.
Sự đâu chua kịp đôi hồi,
Duyên đâu chưa kịp một lời trao tơ.

Trăng thề còn đó trơ trơ,
Dám xa xôi mặt mà thưa thớt lòng.
Ngoài nghìn dặm, chốc ba đông...
Mối sầu khi gỡ cho xong còn chầy.
Gìn vàng, giữ ngọc cho hay,
Cho đành lòng kẻ chân mây cuối trời.

Hai dòng đầu là thuật sự việc xảy ra và phản ứng của Kim Trọng. Hai dòng tiếp theo là tóm lược nội dung những lời Kim Trọng thông báo tình cảnh của mình cho Kiều nghe. Đây là hình thức rất mới, bởi như ta biết, vào trường hợp tương tự, các truyện Trung Hoa để cho nhân vật nhắc lại nguyên si các lời đó núi; còn ở đây Nguyễn Du thật lại lời của nhân vật một cách gián tiếp. Ở đây lời trực tiếp tự do của nhân vật trãn dấu hiệu dẫn lời, từ lời tóm tắt của người kể chuyển sang đối thoại mà như là độc thoại. Sáu dòng tiếp theo là lời nói như lời than thở độc thoại, chỉ tới hai dòng cuối mới hướng vào Thuý Kiều như một lờ cầu xin. Do vậy ta như không phải nghe đối thoại mà nghe lời thổ lộ trực tiếp tự do nội tâm của nhân vật.

Một ví dụ khác, đoạn Hoạn Thư nói với Bạc Bà:

Roi câu vừa gióng dặm trường (1)
Xe hương nàng cũng thuận đường quy ninh.(2)
Thưa nhà huyên hết sự tình (3)
Nỗi chàng ở bạc, nỗi mình chịu đen. (4)
Nghĩ rằng ngứa ghẻ hờn ghen,(5)
Xấu chàng mà có ai khen chi mình. (6)
Vậy nên ngoảnh mặt làm thinh,(7)
Mưu cao vốn đó rắp ranh nững ngày. (8)
Lâm Tri đường bộ tháng chầy, (9)
Mà đường hải đạo sang ngay thì gần.(10)
Dọn thuyền lựa mặt gia nhân, (11)
Hãy đem dây xích buộc chân nàng về.(12)
Làm cho cho mệt cho mê, (13)
Làm cho đau đớn ê chề cho coi!. (14)
Trước cho bỏ ghét những người, (15)
Sau cho để một trò cười về sau. (16)
Phu nhân khen chước rất mầu, (17)
Chiều con mới dạy mặc dầu ra tay. (18)

Câu 1,2 là tác giả thuật việc. Câu 3,4 là tóm tắt câu chuyện uất ức của Hoạn Thư. Câu 5,6,7 là lũi trực tiếp của Hoạn Thư đối với mẹ, nhưng nghe như là độc thoại. Câu 8 là lời thuật của người thuật xen vào. Câu 9 đến câu 16 ở đoạn này tiếp tục lời thoại. Câu 13, 14, 15, 16 lại là lời vừa nói với mẹ , vừa giống như độc thoại, buộc chân nàng về tỡ làm sao? Hoạn Thư khng6 núi rừ, mà tự sự cũng không cho biết hết. Câu 17 và nửa đầu câu 18 là lời thuật của tác giả, nửa câu 18 là lời của Hoạn Bà. Có thể nói độc thoại hoá làm co tâm tình, dục vọng của nhân vật nổi lên lồ lộ.

Nguyễn Du không quan tâm nhiều đến lí lẽ củasự việc, mà quan tâm đến nỗi lòng của nhân vật. Đoạn Từ Hải chịu hàng người đọc đều thấy không thông, không hiểu vì sao Từ nghe lời khuyên của Kiều đề cao ơn vua mà lại thấy " mặn mà". Trong Kim Vân Kiều truyện, Thanh Tâm Tài Nhân chú ý kể chuyện sứ giả thuyết hàng, Từ

nổi giận, Kiều khuyên giải làm cho Từ đuối lý. Tiếp đến Từ Hải nêu việc hàng có 3 điều lợi 5 điều hại, lợi bất cập hại, không hàng. Kiều phân tích lại cho Từ thấy có 3 điều tiện và 5 điều lợi, làm cho Từ nghe mà nhận hàng. Như nhiều nhà nghiên cứu đó chỉ ra, Nguyễn Du đó tạo ra một Từ Hải khác, và để cho Từ Hải thổ lộ một đoạn độc thoại nội tâm cực hay, đầy khí phách, vượt xa những dấu hiệu vừa nêu trong truyện Trung Hoa của Thanh Tâm Tài Nhân :

Một tay gây dựng cơ đồ
Bấy lâu biển Sở, sông Ngô tung hoành!
Bó tay về với triều đình,
Hàng thần lơ láo, phận mình ra sao?
Áo xiêm ràng buộc lấy nhau,
Vào luồn, ra cúi, công hầu mà chi?
Sao bằng riêng một biên thuỳ,
Sức này, đó dễ làm gỡ được nhau?
Chọc trời, quấy nước mặc dầu,
Dọc ngang nào biết trên dầu có ai?

Lời đọc thoại nội tâm rừ ràng đó bộc lộ tâm tình nhân vật trọn vẹn, đầy đủ hơn là lời đối đáp của Từ trong cơn giận do cuộc khuyên hàng gợi lên như trong Kim Vân Kiều truyện của Thanh Tâm Tài Nhân. Tiếp đến Kiều cũng có một tâm sự riêng bộc lộ trong 12 câu đôc thoại :

Nghĩ mình mặt nước cánh bèo,
Đã nhiều luân lạc lại nhiều gian truân.
Bằng nay chịu tiếng vương thần,
Thênh thênh đường cái thanh vân hẹp gỡ.
Công, tư vẹn cả đôi bề,
Dần dà rồi sẽ liệu về cố hương.
Cũng ngôi mệnh phụ đường đường,
Nở nang mày mặt, rỡ ràng mẹ cha.
Trên vì nước, dưới vì nhà,
Một là đắc hiếu, hai là đắc trung.
Chẳng hơn chiếc bách giữa dòng,
E dè bão tố, hãi hùng phong ba.

Sau màn độc thoại nội tâm, mới đến Kiều khuyên chỉ trong 10 câu lục bát mà Từ đã hàng. Như vậy, lời khuyên của Kiều và sự nghe lời của Từ là chiếu lệ, đều thể hiện sự bế tắc trong tư tưởng. Nguyễn du chủ yếu là thể hiện được nội tâm nhân vật qua lời độc thoại trực tiếp tự do. Kể rừ 3 điều tiện, 5 điều lợi ... như Thanh Tâm Tài Nhân chỉ là logic Hình thức, không có ý nghĩa gì. Đó không có ý nghĩa thì dài dòng làm chi! Sao bằng Nguyễn Du ta!.

- Lời nửa trực tiếp trong" Truyện Kiều" của Nguyễn Du :

Truyện Kiều cũng có những câu làm nghĩ tới lời nửa trực tiếp. Ví dụ như:

Chập chờn cơn tỉnh cơn mê,
Rốn ngồi chẳng tiện, dứt về chỉn khôn.

Câu bát cú hình thức trần thuật của tác giả, nhưng cái ý thức "Rốn ngồi chẳng tiện, dứt về chỉn khôn" là của nhân vật. Hoặc như câu:

Êm đềm trướng rủ màn che
Tường đông ong bướm đi về mặc ai!

Câu bát là lời nửa trực tiếp, nói cái ý "ta còn cao giá" của nhân vật trong lời trần thuật của người kể.

Lời nửa trực tiếp không chỉ là lời bộc bạch ý nghĩ của nhân vật mà nú còn là lời của tác giả muốn thể hiện trong tác phẩm. Như vậy, lời nửa trực tiếp có thể hiểu đó là lời của người kể chuyện, cũng có thể hiểu đó là lời của nhân vật. Lời thuật là của tác giả nhưng nội dung và ngữ điệu là của nhân vật. Hay nói đúng hơn, chủ thể lời nói là người kể, mà chủ thể ý thức của lời nói là nhân vật. Mà qua đó, mượn lời nhân vật, tác giả nhằm bộc lộ quan niện, tưởng của mình.

Có thể thấy, giọng điệu của Truyện Kiều đó được nhận ra từ lâu như một "tiếng kêu thương" (Hoài Thanh), "tiếng thương như tiếng mẹ ru những ngày" (Tố Hữu). Nhưng đó là nhận xét chủ yếu trên phương diện tư tưởng, gắn liền với "cảm hứng nhân đạo và cảm hứng hiện thực", còn giong điệu cảm thương như một hiện tượng nghệ thuật thường có trong tác phẩm. Đó là tiếng kêu thương đau đớn, da diết, thống thiết để bộc lộ tâm tư của tác giả nhan nhản khắp nơi dưới nhiều hình thức trong tác phẩm. Tiêu biểu là qua lời của nhân vật. Ta hãy xột lời nửa trực tiếp trong trường hợp đó.

Đoạn Kiều thương xót Đạm Tiên mà ta nghe như là tiếng lòng của tác giả được biểu hiện trong đó:

Lòng đâu sẵn mối thương tâm,
Thoắt nghe nàng đó đầm đầm châu sa.
Đau đớn thay phận đàn bà !
Lời rằng bạc mệnh cũng là lời chung.
Phủ phàng chi bấy hóa công,
Ngày xanh mòn mỏi, má hồng phôi pha;
Sống, làm vợ khắp người ta,
Hại thay ! Thác xuống làm ma không chồng !
Nào người phượng chạ loan chung,
Nào người tích lục, tham hồng là ai ?

Hai câu đầu là lời dẫn của tác giả để những câu còn lại trong đoạn là lời độc thoại nội tâm của Kiều thương xót cho Đạm Tiên. Nhưng qua lời độc thoại của nhân vật, ta dường như thấy trong đó là lời của tác giả muốn nói với ta về nỗi lòng thương xót của mình đối với những người hồng nhan tài hoa bạc mệnh.

Hay trong đoạn Kiều than thở:

Buồn riêng, riêng những sụt sùi,
Nghĩ thân mà lại ngậm ngùi cho thân:
" Tiếc thay trong giá trắng ngần,
Đến phong trần, cũng phong trần như ai!
Tẻ, vui cũng một kiếp người
Hồng nhan phải giống ở đời mói ru!
Kiếp xưa đã vụng đường tu,
Kiếp này chẳng kẻo đền bù mới xuôi!
Dẫu sao bình đã vỡ rồi,
Lấy thân mà trả nợ đời cho xong!"

Hai câu đầu là lời dẫn của người kể để những câu còn lại trong đoạn là lời độc thoại nội tâm của Kiều thương cho thân phận của mình. Qua đó ta nghe như văng vẳng tiếng lòng của tác giả như chia sẻ cùng nhân vật, cùng tâm sự với nhân vật của

mình: *" Dẫu sao bình đó vỡ rồi / Lấy thân mà trả nợ đời cho xong!"*. Đó là một lời cảm thông mà cũng là một tiếng nói đau lòng từ một trái tim "rỉ máu" của Nguyễn Du thương xót cho nhân vật mình. Đó chẳng phải Nguyễn Du đang giao tiếp, đang tâm sự cùng nhân vật mình đó sao?

Chúng ta có thể thấy trong Truyện Kiều rất nhiều Hình thức như vậy :

Khéo là mặt dạn mày dày,
Kiếp người đó đến thế này thì thôi!
Thương thay thân phận lạc loài,
Dẫu sao cũng ở tay người biết sao?

Mặt sao dày gió dạn sương,
Thân sao bướm chán ong chường bấy thân?

Lần lần thỏ bạc ác vàng,
Xót người trong hội đoạn trường dũi cơn.
Đã cho lấy chữ hồng nhan,
Làm cho : cho hại, cho tàn, cho cân!
Đã đày vào kiếp phong trần,
Sao cho sĩ nhục một lần mới thôi!

Hay trong đoạn Kiều đàn cho Kim Trọng nghe. Mượn lời Kim nhận xét tiếng đàn của Thúy Kiều, tác giả như cũng thể hiện tâm sự của mình:

Ngọn đèn khi tỏ khi mờ,
Khiến người ngồi đó mà ngơ ngẩn sầu.
Khi tựa gối, khi cúi đầu,
Khi vô chín khúc, khi chau đôi mài,
Rằng : "hay thì thật là hay,
Nghe ra ngậm đắng nuốt cay thế nào!
Lựa chi những khúc tiêu tao,
Cực lòng mình, cũng nao nao lòng người!"

Ta như thấy Nguyễn như đang cùng ngồi đấy theo dõi từng tiếng đàn của Kiều, và qua lời nói của Kim, ta như nhận thấy đó là lời của tác giả nhận xét về nhân vật mình.

Còn trong đoạn sau này :

Tiếc thay một đóa trà mi,
Con ong đã tỏ đường đi lối về!
Một cơn mưa gió nặng nề,
Thương gì đến ngọc, tiếc gì đến hương.
Đêm xuân một giấc mơ màng,
Đuốc hoa để đó mặc nàng nằm trơ!
Nỗi riêng tầm tã tuôn mưa,
Phần căm nỗi khách, phần dơ nỗi mình:
Tuồng chi là giống hôi tanh,
Thì nghìn vàng để ô danh má hồng!
Thôi còn chi nữa mà mong,
Đời người đến thế là xong một đời!

Bốn câu cuối ta dường như thấy đó vừa là lời của Thúy Kiều, vừa là lời của

Nguyễn Du. Hình ảnh Mã Giám Sinh không còn ra gì nửa, khác chi " một giống côn trùng hôi tanh", và ngòi bút của Nguyễn Du như đang hướng tới Mã Giám Sinh, lột trần tất cả bản tính của hắn như để tỏ một mối cảm thông, thương xót cho nhân vật mình.

Có thể nói, bằng cách sử dụng ngôn ngữ nửa trực tiếp trong độc thoại nội tâm của nhân vật, tác giả như muốn hòa mình vào đó để tự nhiên bày tỏ quan niệm, suy nghĩ, cách đánh giá của mình một cách khách quan. Nội dung và ngữ điệu hoàn toàn là của nhân vật, nhưng chủ thể lời nói là của người kể. đó chẳng phải là một nghệ thuật độc đáo trong việc thể hiện quan niệm của tác giả trong tác phẩm đó

*** Tổng kết chuyên đề** :

Một trong những nghệ thuật đặc sắc được Nguyễn Du thể hiện trong "Truyện Kiều" là hình thức hoạt động giao tiếp ngôn ngữ của các nhân vật trong truyện. Trong đó, độc thoại nội tâm là hình thức hoạt động đặc biệt của ngôn ngữ. Độc thoại nội tâm làm cho diện mạo tinh thần của các nhân vật trở nên nổi bật, sắc nét và diện mạo, cảm quan của tác giả được thể hiện sinh động, độc đáo và sâu sắc. Đây cũng là điều mà nhiều nhà nghiên cứu đã từng xác nhân. Trong " Truyện Kiều" đó xuất hiện lời độc thoại nội tâm với các dặc trưng của nó là lời trực tiếp tự do, dùng ý thức và lời nửa trực tiếp trong tâm trạng nhân vật. Bằng những hình thức thể hiện như thế, chúng ta có thể đi sâu vào phân tích những hình tượng cụ thể trong tác phẩm trong một đề tài cao hơn, sâu hơn. Với thời diện của một tiểu luận nhỏ, chúng tôi chỉ đi vào phân tích một số chi tiết tiêu biểu cũng mong sẽ làm sáng tỏ vấn đề đặt ra. Có thể nói, hình thức thể hiện độc thoại nội tâm trong "Truyện Kiều" đó đổi mới hoàn toàn phong cách tự sự trong "Truyện Kiều", một bước đột phá truyền thống tự sự Trung Quốc-Kim Vân Kiều Truyện của Thanh Tâm Tài Nhân mà Nguyễn Du đó tiếp xúc, tạo ra một điểm mới trong biểu hiện nội tâm nhân vật – khởi đầu cho truyền thống mới cho tự sự Việt Nam.Đó chẳng phải Nguyễn Du là một đại thi hào dân tộc, làm phong phú thêm " tính chất đặc sắc" của tiếng Việt ta đó sao ?

PHẦN VĂN HỌC HIỆN ĐẠI.

A. MỤC TIÊU:

- HS hiểu được những nét lớn trong lịch sử Việt Nam giai đoạn từ 1945 đến sau 1975.
- Những nổi bật về phong cách của các tác giả và nội dung, nghệ thuật của các tác phẩm văn học giai đoạn này.
- Tổng hợp và so sánh những chủ đề chính trong các tác phẩm văn học giai đoạn này.
- Từ đó có kiến thức vận dụng trong làm văn.

B. NỘI DUNG:

1. GV khái quát các kiến thức cơ bản về các tác giả, tác phẩm được học trong chương trình. Luyện đề trong phạm vi của tác phẩm.

2. Một số vấn đề có thể gặp trong làm văn:

a. Sự kết hợp hài hoà giữa hiện thực và lãng mạn trong thơ văn hiện đại VN.

b. Hình ảnh người lính trong những năm tháng kháng chiến.

c. Vẻ đẹp tâm hồn của con người VN trong thơ văn hiện đại: tình cảm gia đình, tình yêu quê hương, tình yêu đất nước, tình đồng chí, tình yêu thiên nhiên...

d. Vẻ đẹp của người lao động.

e. Hình ảnh người phụ nữ.

1. 3. Một số đề văn tham khảo:

Đề 1: Khát vọng được cống hiến cho đời thể hiện qua bài thơ "***Mùa xuân nho nhỏ"*** của nhà thơ Thanh Hải và "***Lặng lẽ Sa Pa"*** của Nguyễn Thành Long.

Đề 2: Lời yêu thương dành cho con trong bài thơ ***"Nói với con"*** của Y Phương.

Đề :3 Điều còn lại mà chiến tranh không thể lấy đi trong tác phẩm "Đồng chí" của Chính Hữu (hoặc "Bài thơ về tiểu đội xe không kính"- Phạm Tiến Duật, hoặc "Chiếc lược ngà"- Nguyễn Quang Sáng, hoặc "Những ngôi sao xa xôi"- Lê Minh Khuê).

Đề 4: Phân tích bài thơ "Sang thu" để thấy được những cảm nhận giản dị và tinh tế của hồn thơ Hữu Thỉnh trước khoảnh khắc giao mùa bất chợt và mong manh.

Đề 5: Người nông dân trong những ngày đầu Cách mạng tháng Tám đã có những chuyển biến tích cực về tình cảm và suy nghĩ .

Hãy phân tích diễn biến tâm trạng nhân vật ông Hai qua văn bản "Làng" của nhà văn Kim Lân để làm sáng tỏ những chuyển biến đó.

TÀI LIỆU THAM KHẢO BỒI DƯỠNG HỌC SINH GIỎI MÔN NGỮ VĂN 9 (phần 3)

4. CHUYÊN ĐỀ THAM KHẢO:

TIẾNG NÓI TRỮ TÌNH TRONG THƠ VIỆT NAM 1945 – 1975

Phần mở đầu

1. Lí do chọn chuyên đề

Cách mạng tháng Tám là mốc lịch sử trọng đại mở ra một thời kì mới cho lịch sử dân tộc và cũng mở ra một kỉ nguyên mới cho văn học. Trong suốt ba mươi năm (1945-1975) văn học Việt Nam đã nảy nở và phát triển gắn bó mật thiết với những bước đi của lịch sử dân tộc, với vận mệnh của Tổ quốc. Cuộc sống chiến đấu và lao động sản xuất được khắc hoạ một cách chân thật và đẹp đẽ qua văn học mà tiêu biểu

là qua những vần thơ mợt mà đằm thắm có lúc khoẻ khoắn và hùng tráng đến kì lạ. Thơ ca thời kì này đã cất lên tiếng nói trữ tình mới mẻ, khoẻ khoắn có nhiều tìm tòi sáng tạo.

Xuất phát từ điều đó, tôi thấy việc tìm hiểu tiếng nói trữ tình trong thơ 1945-1975 là một việc làm cần thiết giúp học sinh có một cái nhìn khái quát về giá trị của thơ ca Việt Nam 1945-1975 từ đó trau dồi thêm tình yêu quê hương, đất nước con người, bồi dưỡng tinh thần lạc quan cho thế hệ trẻ thời kì công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước.

2. Phạm vi, đối tượng, mục đích của chuyên đề

- Phạm vi: các văn bản quen thuộc đã học trong chương trình THCS nh ***Lượm (***Tố Hữu***), Tiếng gà tra (***Xuân Quỳnh***), Đồng chí*** (Chính Hữu***), Bài thơ về tiểu đội xe không kính (***Phạm Tiến Duật***)...***

- Đối tượng: chuyên đề chủ yếu phục vụ cho việc bồi dưỡng học sinh giỏi lớp 9, ngoài ra còn là tài liệu tham khảo để dạy học sinh đại trà

- Mục đích: nâng cao kiến thức, bồi dưỡng, rèn luyện khả năng cảm thụ thơ văn, rèn năng lực khải quát, tổng hợp cho học sinh

- Học sinh nắm được nội dung tư tưởng của thơ ca 1945 -1975

- Bồi dưỡng lòng yêu nước căm thù giặc, lòng yêu thương con người, tinh thần lạc quan... Đó là những đức tính cần có ở con người Việt nam trong thời đại mới

I. NỘI DUNG

1. Cơ sở lí luận khoa học

"Thơ là sự thể hiện con người và thời đại một cách cao đẹp"(Sóng Hồng). Từ xa đến nay, thơ có mặt ở mọi nơi trong cuộc sống, ở đâu có sự sống thì ở đó có chấtư liệu thi ca. Cuộc sống với tất cả sự bề bộn của nó là những nguồn đề tài vô tận cho thơ. Và sự có mặt của thơ ca chân chính trong đời sống góp phần chứng minh sự tồn tại của con người đang luôn thiết tha đấu tranh cho một lẽ sống, một chân lí tốt đẹp.

Nhưng thơ còn là tiếng nói của tâm hồn, của niềm mơ ước. Thơ luôn bộc lộ khát vọng vơn tới một lý tưởng đẹp đẽ và cao thợng. Tiếng thơ là tiếng nói của tâm hồn, là sự thôi thúc thầm kín nhưng vô cùng mãnh liệt của nội tâm. Thơ là tiếng lòng nhưng thơ cũng chính là cuộc sống. Tiếng thơ là sự thôi thúc yêu cầu của thời đại. Nhà thơ phải biết lắng nghe, quan sát, xúc động để bắt lấy tiếng nói sâu xa của cuộc sống để khơi dậy hoài bão và niềm tin tốt đẹp vào con người.

Văn học không chỉ phát triển theo qui luật nội tại của nó mà còn chịu sự chi phối của lịch sử và thời đại. Từ 1945 đến 1975 trên đất nước ta đã xảy ra nhiều biến cố tác động sâu sắc tới toàn bộ đời sống xã hội và con người. Trong suốt ba mơi năm ấy, cả dân tộc phải liên tiếp tiến hành hai cuộc kháng chiến chống Pháp và chống Mĩ xâm lợc để bảo vệ nền độc lập và thống nhất Tổ quốc, đi lên xây dựng chủ nghĩa xã hội. Những biến cố to lớn ấy đã đa tới những biến đổi sâu rộng trong lịch sử văn hoá mở ra thời kì mới cho nền văn học dân tộc. Không còn theo nhiều khuynh hướng, nhiều trào lu khác nhau nữa mà tất cả các sáng tác văn học thời kì này đều hướng vào đời sống cách mạng, vào cuộc kháng chiến trường kỳ của dân tộc, thể hiện hình ảnh đất nước, con người Việt Nam với những nhận thức mới mẻ, với những tình cảm mới và ý thức dân tộc.

Kế thừa những truyền thống và kinh nghiệm của các thời kì trước, văn học Việt Nam 1945- 1975 đã xứng đáng với sứ mệnh cao cả của một nền văn học trong thời

đại mới. Văn học đã gắn bó mật thiết với sự nghiệp cách mạng, với vận mệnh của đất nước đã sáng tạo nhiều hình tượng cao đẹp về Tổ quốc và con người Việt Nam thuộc nhiều tầng lớp, thế hệ trong chiến đấu, lao động, sinh hoạt, trong mối quan hệ, gắn bó với cộng đồng. Về nội dung tư tưởng, văn học thời kì này đã phát huy những nét lớn trong trong truyền thống tinh thần dân tộc - cũng là nét nổi bật trong phẩm chất con người Việt Nam của thời đại ấy đó là chủ nghĩa yêu nước và tinh thần nhân đạo.

Về mặt thể loại, văn học thời kì này cũng có những thành tựu đáng kể. Các thể loại phát triển khá toàn diện nh truyện ngắn, truyện vừa, tiểu thuyết, kí... trong đó thơ ca vẫn là nổi trội hơn cả. Với hai cuộc chiến tranh yêu nước vĩ đại, thơ đã đem đến cho người đọc một tiếng nói trữ tình mới mẻ, khoẻ khoắn - tiếng nói trữ tình của quần chúng nhân dân. Các nhà thơ thời kháng chiến chống Pháp và chống Mĩ nh Chính Hữu, Nguyễn Đình Thi, Tố Hữu, Huy Cận, Nguyễn Khoa Điềm, Phạm Tiến Duật... đã có nhiều tìm tòi, sáng tạo góp phần đổi mới thi ca Việt Nam.

2. Nội dung nghiên cứu

a. *Ghi lại được những hình ảnh không thể phai mờ của một thời kì lịch sử đầy gian lao, hi sinh nhưng hết sức vẻ vang của dân tộc.*

Đã hàng nghìn năm lịch sử trôi qua tiếng thơ vẫn là tiếng nói tơi trẻ nhất của đời sống. Nhà phê bình văn học Nga V. Bi-ê-lin-xki đã viết: *"Thơ trước hết là cuộc đời, sau đó mới là nghệ thuật. Phục vụ cuộc sống, phục vụ con người là mục đích lớn nhất của thơ chân chính"*. Chính những chi tiết chân thực, sống động của cuộc đời đã khơi dậy những tình cảm sâu sắc, mới mẻ cho các nhà thơ. Và cuộc chiến đấu gian lao của dân tộc ta trong suốt ba mơi năm ấy đã khơi nguồn sáng tạo cho thơ ca, đem đến cho văn học Việt Nam thời kì này những tác phẩm thơ giàu giá trị phản ánh hiện thực. Đó là những tác phẩm bám sát thực tế đời sống dân tộc, phản ánh chân thực và sinh động hiện thực cuộc sống vĩ đại của nhân dân ta trong hai cuộc kháng chiến và trong công cuộc xây dựng đất nước ở miền Bắc xã hội chủ nghĩa.

Cuộc kháng chiến chống Pháp chín năm trường kì là nguồn đề tài vô tận của thơ ca kháng chiến. Bám sát thực tế, thơ ca thời kì này đã phản ánh cuộc sống gian lao của dân tộc ta trong những ngày đầu kháng chiến. Các tác giả đã khai thác những chi tiết, hình ảnh tự nhiên, bình dị mà giàu sức biểu cảm của cuộc đời. Họ đã tìm thấy chất thơ ngay trong cái bình dị, bình thường, gắn văn học với hiện thực đời sống kháng chiến gian khổ của nhân dân:

"Áo anh rách vai
Quần tôi có vài mảnh vá
Miệng cười buốt giá
Chân không giày."

(Đồng chí – Chính Hữu***)***

Đoạn thơ thật đến từng chi tiết, hình ảnh đã tái hiện lại cuộc sống gian khổ, thiếu thốn của cuộc đời quân ngũ. Thiếu vũ khí, thiếu quân trang, thiếu lơng thực, thuốc men... người lính ra trận *"áo vải chân không"* rách tả tơi, ốm đau bệnh tật, sốt rét rừng:

"Anh với tôi biết từng cơn ớn lạnh
Sốt run người vầng trán đẫm mồ hôi"

Chỉ cần mấy câu ngắn gọn hình ảnh anh bộ đội thời chống Pháp hiện lên rõ nét và điển hình. Khó khăn, vất vả, thiếu thốn nhưng điều đó sẽ được giảm đi rất nhiều vì giữa họ có cái ấm áp của tình người. Cái tình ấy được bồi đắp từ cuộc sống "đồng

cam cộng khổ". Chỉ có nơi nào gian khó, chia chung *"áo anh", "quần tôi"*, mới tìm thấy cái thực sự của tình người:

Thương nhau tay nắm lấy bàn tay

Không nói lời hoa mỹ, không lý lẽ, giải trình mà chỉ có tình yêu giữa những người đồng đội mới tạo nên sức mạnh vô địch mà kẻ thù phải khiếp sợ. Chính họ là những người đã trải qua:

Năm mơi sáu ngày đêm
Khoét núi
Ngủ hầm
Ma dầm
Cơm vắt
Máu trộn bùn non
Gan không núng, chí không mòn.
(Hoan hô chiến sỹ Điện Biên – Tố Hữu***)***

để làm nên chiến thắng Điện Biên Phủ lừng lẫy non sông, chấn động địa cầu, làm nên ***Vành hoa đỏ*** và ***thiên sử vàng*** cho dân tộc.

Kháng chiến chống Pháp thắng lợi nhưng một nửa đất nước vẫn còn chìm trong bóng đêm của chế độ Mĩ - Nguỵ. Để hoàn thành sứ mệnh cao cả của mình, thơ ca đã theo kịp bước đi của lịch sử, ghi lại những trang sử hào hùng của cả dân tộc ta thời đánh Mĩ. Bài thơ ***Bài thơ về tiểu đội xe không kính*** của Phạm Tiến Duật viết năm 1969 nhưng hơn ba mơi năm sau người đọc vẫn cảm thấy hừng hực không khí chiến trường và khí thế ra trận của những binh đoàn vận tải quân sự. Tác giả đã làm sống dậy một thời gian khổ oanh liệt của những anh bộ đội Cụ Hồ Trường Sơn. Ở đó có cái dữ dội, khốc liệt của chiến tranh: chiếc xe vận tải mang đầy thương tích không mui, không đèn, thùng xe lại bị xóc. Nhưng ở đó lại tồn tại những tiểu đội xe không kính nh những gia đình nhỏ:

Bếp Hoàng Cầm ta dựng giữa trời
Chung bát đũa nghĩa là gia đình đấy
Võng mắc chông chênh đường xe chạy
Lại đi, lại đi trời xanh thêm.

Nhà thơ đã ghi lại chân thực nhịp sống thời chiến bằng những hình ảnh thật đặc sắc, điển hình. Bếp lửa nh tín hiệu gọi nhau về xum họp, rồi võng mắc chông chênh chung bát đũa. Bữa cơm dã chiến chỉ có bát canh rau rừng, lơng khô mà đoàng hoàng, đậm đà tình nghĩa. Trải qua mấy trăm cây số đường rừng ma bom bão đạn, họ gặp nhau trong chốc lát, chỉ kịp ***Bắt tay nhau qua cửa kính vỡ rồi*** để rồi lại tiếp tục lên đường theo tiếng gọi của tiền phương "*Lại đi, lại đi trời xanh thêm*"**.**

Nhà thơ Vũ Quần Phương đã nhận xét: "*Chỗ đặc sắc trong thơ Phạm Tiến Duật : lấy cuộc sống để để nói tình cảm. Cái đặc sắc tình cảm trong thơ anh phải tìm trong cuộc sống, không tìm trong chữ nghĩa*". Quả thật, thơ của ông có giọng chắc khoẻ, đượm chất văn xuôi - một giọng thơ riêng biệt, mới mẻ trong nền thơ chống Mĩ. Những hình ảnh trần trụi, những từ ngữ thường ngày, những sự vật không nên thơ chút nào lại toả sáng trong thơ ông. Những chiếc xe không kính là một sáng tạo độc đáo của Phạm Tiến Duật vì xa nay ít có hoặc ít thấy loại xe như thế đi lại trên đường. Thế mà trên tuyến đường Trường Sơn có hàng nghìn, hàng vạn chiếc xe như thế. Thật độc đáo, thật li kì. Đó chính là sự khốc liệt, dữ dội của chiến tranh được toát

ra từ hình ảnh này. Trong bài thơ còn có những câu mang dáng vẻ thô mộc, bình dị rất lính tráng thời trận mạc:

- Không có kính không phải vì xe không có kính
Bom giật, bom rung kính vỡ đi rồi
- Không có kính, ừ thì có bụi
Bụi phun tóc trắng nh người già
- Không có kính ừ thì ớt áo
Ma tuôn ma xối nh ngoài trời
- Không có kính rồi xe không có đèn
Không có mui xe, thùng xe có xớc...

Nhưng cũng có những câu thơ tràn đầy cảm hứng lãng mạn:

Nhìn thấy gió vào xoa mắt đắng
Thấy con đường chạy thẳng vào tim
Thấy sao trời và đột ngột cánh chim
Nh sa nh ùa vào buồng lái

Chất hiện thực ngồn ngộn về đời sống chiến đấu gian khổ mà hào hùng của các chiến sĩ lái xe kết hợp hài hoà với cảm hứng trữ tình giàu chất sử thi đã tạo nên những vần thơ đầy ấn tượng. Đọc lại bài thơ dòng nh ta vẫn nghe trong gió rít, bụi mù và bom nổ tiếng cười nói râm ran, sôi nổi và trẻ trung của các anh lính lái xe. Đây là khúc tráng ca anh hùng của anh bộ đội Cụ Hồ thời đánh Mĩ.

Nếu ***Bài thơ về tiểu đội xe không kính*** là khúc tráng ca anh hùng của người lính trên mặt trận chiến đấu thì bài thì bài thơ ***Đoàn thuyền đánh cá*** của Huy Cận là khúc tráng ca đẹp ca ngợi người lao động trên biển cả làm chủ lao động và Tổ quốc. Trước Cách mạng tháng Tám, người ta biết đến Huy Cận với một hồn thơ buồn *vạn cổ sầu* thấm đẫm vào vũ trụ và lòng người thì đến nay, thơ ông đã ngập sâu vào cuộc đời, hiện thân khoẻ khoắn nhất cho sự sống. Cuộc sống mới ùa vào thơ ông, mang lại cho ông một sinh khí cha từng thấy. Đó là cuộc sống của miền Bắc nước ta trong những ngày đầu xây dựng chủ nghĩa xã hội. Nhà thơ đã tìm thấy mối hoà điệu của người lao động với mạch sống đang từng ngày tơi da thắm thịt của đất nước. Một không khí vui tơi, phấn khởi của cuộc đời, của vùng than Quảng Ninh đang hăng say lao động từ bình minh đến hoàng hôn và từ hoàng hôn đến bình minh. Con người náo nức xây dựng cuộc sống mới, khí thế làm ăn thật tng bừng, đoàn thuyền hùng dũng ra khơi lấy gió làm lái, lấy trăng làm buồm:

Thuyền ta lái gió với buồm trăng
Lớt giữa mây cao với biển bằng

Dường như thiên nhiên cũng hoà vào không khí lao động khẩn Trương của đoàn thuyền. Thiên nhiên nh mở ra bát ngát, mênh mông. Cả vũ trụ từ trăng, gió, mây đến biển đều quây quần xung quanh đoàn thuyền và con người, nâng tầm vóc con người lên tầm vóc vũ trụ. Công việc của họ được miêu tả nh một trận đánh. Người dân chài bước vào lao động bình thường nh bước vào những trận chiến đấu với vũ khí là những tấm lới, với sức khoẻ của cơ bắp và với tâm thế của người đang nắm chắc phần thắng:

Ra đậu dặm xa dò bụng biển
Dàn đan thế trận lới vây giăng.

Lao động thực sự là niềm vui của cuộc đời mới, con người mới. Bằng lao động và mồ hôi, họ - những người dân chài - đã viết nên bài ca cuộc đời trong một đêm lao

động hào hứng, hăng say. Và bản hoà tấu của con người với vũ trụ đã biến đêm thành hội hoa đăng cho tới khi trời bừng sáng. Đoàn thuyền đánh cá hát khúc ca khải hoàn:

Câu hát giăng buồm với gió khơi
Đoàn thuyền chạy đua cùng mặt trời
Mặt trời đội biển nhô màu mới
Mắt cá huy hoàng muôn dặm khơi.

Nhà thơ Huy Cận khi nói về tác phẩm của mình đã nhận định: *"Bài thơ của tôi là một cuộc chạy đua giữa con người và thiên nhiên, và con người đã chiến thắng. Tôi coi đây là khúc tráng ca, ca ngợi con người trong lao động và tinh thần làm chủ với niềm vui. Bài thơ cũng là sự kết hợp giữa hiện thực và lãng mạn".* Với một tình yêu biển dạt dào, với một cảm hứng say mê phấn chấn và những nét vẽ tài hoa, Huy Cận đã sáng tạo những hình ảnh thơ hùng tráng về con người lao động và cuộc sống mới của đất nước trong thời kỳ mới bước vào xây dựng XHCN trên miền Bắc nước ta.

Sáng tác văn học là hoạt động nhằm "*hiểu biết, khám phá và sáng tạo thực tại xã hội"* (Phạm Văn Đồng*)*. Hiện thực đất nước 1945-1975 khơi nguồn sáng tạo và là đối tượng phản ánh chủ yếu của nhiều tác phẩm văn chương. Đó là cơ sở tạo nên giá trị hiện thực cho văn học. Nhưng hiện thực trong thơ không hoàn toàn khô khốc, trần trụi. Đời sống hiện thực bộc lộ nhiều vẻ đẹp, gợi lên những niềm vui và mơ ước đã làm nảy sinh cảm hứng lãng mạn. Cảm hứng lãng mạn nhất là chất trữ tình cách mạng là một thành tố quan trọng của thi ca, làm nên nét nổi bật của thi ca thời kì này, đó là sự kết hợp hài hoà giữa hiện thực và lãng mạn.

b. ***Tiếng nói ngợi ca phẩm chất của con người Việt Nam***

Lịch sử văn học dân tộc xét đến cùng là lịch sử tâm hồn của dân tộc ấy. Lòng yêu nước, tinh thần tự hào dân tộc là nét nổi bật trong tâm hồn người Việt Nam. Nhưng ở người Việt Nam, yêu nước gắn liền với nhân đạo, nhân văn cao cả. Điều này sẽ cắt nghĩa được vì sao một dân tộc luôn phải cầm gươm, cầm súng suốt mấy nghìn năm mà thơ văn lại nói nhiều đến nhân nghĩa, đến tình yêu, đến thân phận con người trong xã hội. Yêu nước và nhân đạo trở thành truyền thống lớn của con người Việt Nam, văn học Việt Nam, là huyết mạch thần kinh nhạy bén nhất của con người Việt Nam qua suốt trường kỳ lịch sử.

Tiếp thu truyền thống ấy, văn học Việt Nam thời kì 1945-1975 nói chung, thơ ca nói riêng đã phát huy nét lớn trong tư tưởng của dân tộc - cũng là những nét nổi bật trong phẩm chất của con người Việt Nam thời kì ấy, đó là chủ nghĩa yêu nước và tinh thần nhân đạo. Với hai cuộc chiến tranh yêu nước vĩ đại, thơ ca đã sáng tạo được những hình tượng nghệ thuật cao đẹp về đất nước, về nhân dân, về các tầng lớp, thế hệ con người Việt Nam vừa giàu truyền thống dân tộc, vừa đậm nét thời đại.

b.1. ***Lòng yêu nước, sẵn sàng hi sinh vì Tổ quốc***

Nhà thơ Tố Hữu đã từng nói: *"Dân tộc ta, dân tộc anh hùng*". Văn học Việt Nam trong hai cuộc kháng chiến chứa chan tình cảm yêu nước và cao hơn không chỉ là yêu nước mà là chủ nghĩa anh hùng của thời đại. Cuộc chiến tranh nhân dân được phát huy cao độ đã tạo nên trên đất nước này một chủ nghĩa anh hùng phổ biến trong toàn dân. Ấy là thời kì "ra ngõ gặp anh hùng". Thơ ca Việt Nam thời kì này đã miêu tả được nhiều giá trị cao đẹp về nhân dân với lòng yêu nước thiết tha, sẵn sàng hi sinh vì Tổ quốc. Hình ảnh nhân dân kháng chiến được miêu tả đậm nét và gợi cảm. Từ người Vệ quốc quân "má vàng nghệ" đến những anh giải phóng quân hiên ngang bất

khuất; từ những bà bủ, bà bầm đến những bà mẹ con mọn vừa địu con vừa giã gạo, trỉa bắp, chuyển lán đạp rừng; từ những em bé má đỏ bồ quân đến những cụ già tóc bạc ... cũng muốn lập chiến công. Cả nước thành chiến sỹ trong cuộc chiến tranh bảo vệ Tổ quốc.

Nhưng có lẽ đẹp hơn cả là hình ảnh anh bộ đội Cụ Hồ. Đây được xem nh nhân vật trung tâm, thể hiện khá tập trung những đặc điểm của con người mới trong chiến đấu. Trong thơ ca, họ không phải là anh lính thời xa "*áo đỏ đuôi gà", "chân bước xuống thuyền nước mắt nh ma"* mà là anh lính thật thà, chân thật nhưng dũng cảm, kiên còng. Đọc bài thơ ***Đồng chí*** của Chính Hữu ta thấy hiện lên hình ảnh chân thực mà cao đẹp của anh bộ đội trong thời kỳ đầu của cuộc kháng chiến chống Pháp còn nhiều khó khăn thiếu thốn. Họ là những người nông dân nghèo khổ từ "*tứ xứ "* nghe theo tiếng gọi thiêng liêng của Tổ quốc mà tạm xa quê hương lên đường chiến đấu. Họ *"mặc kệ"* quê nhà, gia đình, người thân và cả những gì rất đỗi thân thuộc. Ở chiến trường họ cùng chung mục đích, cùng chung lí tưởng chiến đấu vì độc lập tự do của dân tộc; cùng chia sẻ gian lao thiếu thốn của cuộc sống quân ngũ để "*súng bên súng, đầu sát bên đầu*..." trở thành tri kỉ và cao hơn là thành đồng chí đồng đội kề vai sát cánh bên nhau:

Đêm nay rừng hoang sương muối
Đứng cạnh bên nhau chờ giặc tới
Đầu súng trăng treo

Rừng hoang sương muối không chỉ là một hiện thực mà cao hơn đó là điều kiện thiên nhiên thử thách người lính. Trước hiện thực khốc liệt ấy họ vẫn đứng vững vàng với cây súng trong tay sẵn sàng chờ giặc tới. Đây là hành động sẵn sàng chiến đấu vì lí tưởng cao đẹp, vì độc lập tự do hạnh phúc cho dân tộc. Với cây súng trong tay, các anh trở thành linh hồn của đất nước. Chính Hữu đã tạc bức tượng đài về người chiến sỹ cách mạng từ tình đồng chí. Từ những người lính nông dân nghèo khổ *"áo vải chân không*" được tình cảm cách mạng cao đẹp nâng bước họ mang trong mình dáng hình mới - dáng đứng Việt Nam ở thế kỉ XX anh dũng, hiên ngang, bất khuất, kiên còng. Sự sáng tạo của Chính Hữu là ở chỗ kế thừa và phát huy truyền thống yêu nước của thơ văn yêu nước thời kỳ trước để làm mới, làm đẹp cho hình ảnh anh bộ đội Cụ Hồ.

Vẫn là những anh lính Việt Nam nhưng đến bài thơ ***Tiểu đội xe không kính*** của Phạm Tiến Duật lại có một thái độ, t thế, tình cảm, khí phách mới mang tính hiện đại của những con người không phải chờ giặc mà là "tìm giặc" để đánh "*nhằm thẳng quân thù mà bắn*". Thế hệ các anh là thế hệ của những Nguyễn Văn Thạc, Đặng Thuỳ Trâm đã có thời mộng mơ, sôi nổi trên ghế nhà trường nay hăm hở ra đi chiến đấu giải phóng miền Nam thống nhất đất nước với một lòng yêu nước rực lửa: "*Xẻ dọc trường Sơn đi cứu nước*". Con đường Trường Sơn được coi là một con đường huyền thoại trong cuốn sử vàng đánh Mĩ. Hàng triệu tấn bom của giặc Mĩ dội xuống làm biến dạng chiếc xe quân sự: không kính, không đèn, không mui. Nhưng người lính vẫn dũng cảm, can trường trong t thế:

Ung dung buồng lái ta ngồi
Nhìn đất, nhìn trời, nhìn thẳng

Một t thế ung dung tới mức ngang tàng của ngoiù lính lái xe. Một sự tự tin, niềm kiêu hãnh của những con người rất đỗi tự hào về sứ mệnh của mình - sứ mệnh giải phóng đất nước:

Xe vẫn chạy vì miền Nam ruột thịt
Chỉ cần trong xe có một trái tim

Hình ảnh hoán dụ "*trái tim*" là biểu tượng của ý chí, của bản thân, của bầu nhiệt huyết, của khát vọng tự do, hoà bình cháy bỏng trong trái tim người chiến sĩ. Cho dù xe không kính, không đèn, không mui thì người lính vẫn còn một trái tim yêu nước, một lòng khát khao giải phóng miền Nam cháy bỏng. Phạm Tiến Duật mang theo cái nhìn của tuổi trẻ Việt Nam anh hùng, của những người lính trường Sơn đã tạo dựng bức tượng đài người lính với nét ngang tàng, dũng cảm tiêu biểu cho chủ nghĩa anh hùng cách mạng.

Thơ ca Việt Nam 1945 – 1975 đã dựng được những đài kỉ niệm kì vĩ, ghi lại ngững chiến công về lòng yêu nước của con người Việt Nam anh hùng. Vì độc lập tự do của dân tộc, biết bao thế hệ con người Việt Nam đã ngã xuống tô thắm thêm lá cờ đào của Tổ quốc, trong đó có cả những em bé *"tuổi nhỏ chí cao"*. Đọc thơ ca chống Pháp, người đọc mãi khắc sâu hình ảnh một chú đội viên nhỏ bé, nhanh nhẹn, hồn nhiên và vô cùng dũng cảm trong thơ Tố Hữu:

Cháu bé loắt choắt
Cái xắc xinh xinh
Cái chân thoăn thoắt
Cái đầu nghênh nghênh

Đó là chú bé Lượm đáng yêu. Nhưng đáng yêu, đáng khâm phục hơn là ý chí quả cảm của người chiến sĩ coi cái chết nhẹ tựa lông hồng. Với em, nhiệm vụ chiến đấu là trên hết, trước hết. Trước gian nguy, khi khói lửa mịt mù "*đạn bay vèo vèo*", em không chần chừ, nhụt chí:

Thư đề "thợng khẩn"
Sợ chi hiểm nghèo

Sự ác liệt của chiến tranh đã không trừ một ai kể cả những em nhỏ cha thành người lớn. Lượm tự nguyện bước vào cuộc đời chiến đấu và chấp nhận hi sinh, hi sinh anh dũng:

Bỗng loè chớp đỏ
Thôi rồi, Lượm ơi!
Chú đồng chí nhỏ
Một dòng máu tơi

Trong vần thơ có cái đau đớn, rụng rời, có tiếng khóc nức nở của nhà thơ. Chắc chắn sẽ không tìm thấy ở đâu có một đài tưởng niệm nào đẹp hơn đài tưởng niệm về người anh hùng nhỏ tuổi dám xả thân vì quê hương, đất nước nh trong bài thơ này:

Cháu nằm trên lúa
Tay nắm chặt bông
Lúa thơm mùi sữa
Hồn bay giữa đồng

Tố Hữu đã đặt nhân vật anh hùng vào bối cảnh thiên nhiên, một thiên nhiên thuần phác, trẻ trung ngọt ngào, quen thuộc. Đó là nơi ra đi chiến đấu cũng là bờ bến trở về lúc hi sinh. Đó chính là quê hương, đất nước thân yêu của em.

Đất nước Việt Nam ta nh đẹp hơn, được tăng thêm sức mạnh khi có những em bé dũng cảm, gan dạ nh Lượm và khi có những người mẹ địu con tham gia kháng chiến. ***Khúc hát ru những em bé trên lưng mẹ*** của Nguyễn Khoa Điềm là một tượng đài bằng thơ khắc hoạ hình ảnh người mẹ Việt Nam anh hùng trong kháng chiến

chống Mĩ cứu nước. Với người mẹ Tà Ôi, ngoài việc nuôi con nên người thì đánh giặc giải phóng quê hương là điều trọng đại nhất của người mẹ trong những năm cả nước gồng mình chống đế quốc Mĩ xâm lợc. Tất cả những công việc mà mẹ làm nh *giã gạo, tỉa bắp, chuyển lán, đạp rừng* đều vì việc chung, vì làng xóm, vì sự nghiệp cách mạng. Và ngay cả những mơ ước khát vọng của mẹ cũng dành cho quê hương, đất nước:

- Con mơ cho mẹ hạt gạo trắng ngần
Mai sau không lớn vung chày lún sân
- Con mơ cho mẹ hạt bắp lên đều
Mai sau con lớn phát mời Ka-li
- Con mơ cho mẹ được thấy Bác Hồ
Mai sau con lớn làm người tự do

Đó là những điều ước chân thật, cao quý vì đó là những mong mỏi của người mẹ lao động nghèo khổ cho kháng chiến, cho cuộc sống của mọi người. Trong đó ước được tự do là mơ ước suốt đời của mẹ, của tất cả nhân dân Tà Ôi. Khát vọng độc lập tự do của mẹ cũng là tương lai và hạnh phúc của con, của đất nước. Có thể nói tình mẹ Tà Ôi thiết tha và đằm thắm như tình cảm người mẹ hằng có nhưng lại mang nét cao cả rộng lớn của thời đại. Vì thế mẹ trở thành người mẹ chiến sỹ- người mẹ Tổ quốc. Đây cũng chính là thành công của Nguyễn Khoa Điềm khi lần đầu một bà mẹ miền núi được đa vào văn chương và đã trở thành biểu tượng về người mẹ Việt Nam nhân hậu và anh hùng.

Tình yêu nước như là tình cảm có sẵn trong mỗi con người Việt Nam. Đó chính là tình cảm hồn nhiên, giản dị và trong sáng nhưng cũng rất mạnh mẽ. "*Mỗi khi Tổ quốc bị xâm lăng thì tinh thần ấy lại sôi nổi. Nó kết thành một làn sóng vô cùng mạnh mẽ và to lớn. Nó lướt qua mọi sự nguy hiểm khó khăn. Nó nhấn chìm tất cả lũ bán nước và lũ cướp nước"* (Hồ Chí Minh)

b.2. *Khám phá những tình cảm mới của con người Việt Nam*

Kháng chiến đã làm thay đổi nhiều trong tâm trí con người Việt Nam nhưng cái tâm lý cổ truyền, tâm lý trọng tình nghĩa vốn được thể hiện trong văn học xa lại tiếp tục được thể hiện ở mức độ cao hơn. Từ trong cuộc sống mới, những tình cảm mới xuất hiện. Đó là tình đồng chí, đồng đội, tình mẹ con, tình bà cháu... sâu lặng, là lòng kính yêu, thành kính lãnh tụ.

Cái tình mới nhất đó là tình đồng chí, đồng đội. Và đồng chí cũng là một chủ đề hết sức mới mẻ của thi ca lúc bấy giờ. Nhà thơ Chính Hữu đã phát hiện tình cảm mới, quan hệ mới giữa người với người trong cách mạng và kháng chiến qua những vần thơ bay bổng nhưng giàu chất hiện thực *Đồng chí.* Theo lí giải của nhà thơ, điểm xuất phát của tình cảm này là từ sự giống nhau ở cảnh ngộ, xuất thân nghèo khổ và cùng chung lí tưởng, mục đích, nhiệm vụ:

Súng bên súng, đầu sát bên đầu
Đêm rét chung chăn thành tri kỉ

Một chữ *"chung"* khiến những người lính vốn xa lạ lại trở thành *"Đồng chí"*. Tình cảm này không phải chỉ vì cái chung lớn lao mà còn là sự cảm thông sâu xa tâm t nỗi lòng của nhau, là sự chia sẻ những gian lao, thiếu thốn của cuộc đời cách mạng:

Anh với tôi từng cơn ớn lạnh
Sốt run người vầng trán ớt mồ hôi
Áo anh rách vai

Quần tôi có mảnh vá
Miệng cười buốt giá
Chân không giày
Thương nhau tay nắm lấy bàn tay

Mở đầu bài thơ là hình ảnh *Anh với tôi đôi người xa lạ* nhưng kết thúc lại là *Thương nhau tay nắm lấy bàn tay*. Một hình ảnh giàu cảm xúc, một biểu tượng đẹp đẽ của tình đồng chí đích thực, của sức mạnh đoàn kết. Chính tình đồng chí sâu nặng, thắm thiết đã gắn bó những người lính cách mạng. Sức mạnh của tình đồng chí đã giúp họ đứng vững bên nhau vượt lên tất cả những điều khắc nghiệt của thời tiết và mọi gian khổ để đi tới thắng lợi cuối cùng.

Trong khó khăn, trong bom đạn, ranh giới sự sống và cái chết chỉ là rất mong manh, người lính thấu hiểu sâu sắc giá trị đích thực của sự sống và ý nghĩa cao đẹp của tình đồng chí đồng đội:

Những chiếc xe từ trong bom rơi
Đã về đây họp thành tiểu đội
Gặp bạn bè suốt dọc đường đi tới
Bắt tay nhau qua cửa kính vỡ rồi

Đó là một cái bắt tay rất độc đáo *qua cửa kính vỡ rồi*. Qua ô cửa kính vỡ họ truyền hơi ấm cho nhau và cho nhau những hứa hẹn lập công. Cái bắt tay nồng ấm tình bạn, tình người hay chính là sự sống đang nở hoa trong sự huỷ diệt của kẻ thù. Có thể nói rằng tình đồng chí, đồng đội là bản chất, là sức mạnh của người lính. Từ cái *nắm lấy bàn tay* trong thơ Chính Hữu đến cái *bắt tay* trong thơ Phạm Tiến Duật là cả một quá trình trưởng thành và hiện đại của quân đội ta trong chiến tranh giải phóng dân tộc, đất nước.

Thơ ca 1945-1075 đã dựng được những tượng đài kì vĩ, ghi lại những chiến công và lòng yêu nước của những con người Việt Nam anh hùng. Nhưng cội nguồn của lòng yêu nước là từ đâu? Nhà văn Nga I-li-a Ê-ren-bua có viết: *"Lòng yêu nước ban đầu là lòng yêu những vật tầm thường nhất. Yêu cái cây trồng trước nhà, yêu cái phố nhỏ đổ ra bờ sông, yêu vị thơm chua mát của trái lê mùa thu hay mùa cỏ ở thảo nguyên có hơi rượu mạnh. Lòng yêu nhà, yêu làng xóm, yêu quê hương trở nên tình yêu Tổ quốc"*. Trong chiến tranh có những tình cảm sục sôi, hừng hực khí thế nhưng cũng có những nỗi nhớ nhung, xao xuyến, bồi hồi của những tâm hồn giàu tình cảm. Xuân Quỳnh đã đa ta trở lại tuổi thơ với ***Tiếng gà tra***:

Trên đường hành quân xa
Dừng chân bên xóm nhỏ
Tiếng gà ai nhảy ổ
Cục... cục... tác cục... ta...

Trong biết bao âm thanh sôi động của cuộc sống, nhà thơ chọn âm thanh rất đỗi quen thuộc và bình dị - tiếng gà tra. Chỉ cần có thế thôi cũng đủ để anh lính lâng lâng trở về những tháng ngày tuổi thơ êm đềm, về với bà, với tiếng gà ngày xa. trong đó hiện lên trong lòng anh là người bà tần tảo, chịu thương, chịu khó, chăm lo cho đàn gà chóng lớn, đẻ được nhiều trứng hồng để *"Cuối năm bán gà / Cháu được quần áo mới"*. Bà đã vất vả chắt chiu, dành dụm cho cháu có một cuộc sống đầy đủ hơn.. Tiếng gà tra mang bao tình yêu thương của bà:

Tiếng gà tra
Mang bao nhiêu hạnh phúc

Đêm cháu về nằm mơ
Giấc ngủ hồng sắc trứng

Tiếng gà tra xao xác nơi ngõ xóm đã gợi nhớ gợi thương trong lòng người lính trẻ ra trận. Trước kia trong làn nắng mới và âm thanh đồng quê "*xao xác gà tra gáy não nùng*" Lu trọng L "*rợi buồn*" nhớ về tuổi thơ, nhớ "*nụ cười đen nhánh*", nhớ màu áo đỏ của người mẹ hiền đã đi xa thì nay Xuân Quỳnh đã tìm thấy được một cách nói với về kỉ niệm tuổi thơ, về tình bà cháu chan hoà trong tình yêu quê hương đất nước:

Cháu chiến đấu hôm nay
Vì lòng yêu Tổ quốc
Vì xóm làng thân thuộc
Bà ơi cũng vì bà
Vì tiếng gà cục tác
Ổ trứng hồng tuổi thơ

Nếu âm thanh tiếng gà tra đã gợi những tình cảm bị bỏ quên thì ***Bếp lửa*** là tín hiệu gọi đứa con xa trở về với hồn quê, hồn non nước, nơi ấy có người bà tần tảo, chịu nắng, chịu ma để nuôi cháu nên người. ***Bếp lửa*** của Bằng Việt đã để lại trong lòng người đọc cảm xúc dạt dào của hoài niệm, của tình yêu lan toả với cái nóng, cái nồng đượm của bếp lửa quê nhà, với sự ấm áp, ấp iu của "ngọn lửa lòng người". Qua ***Bếp lửa***, Bằng Việt đã dắt người đọc vào sâu trong mạch kể, mạch hồi tưởng với một hồi ức đẹp một đi không trở lại và được tái hiện từ hình ảnh giản dị nhưng rất đỗi thiêng liêng - bếp lửa:

Một bếp lửa chờn vờn sương sớm
Một bếp lửa ấp iu nồng đượm
Cháu thương bà biết mấy nắng ma

Bếp lửa - người bà, hai hình ảnh lúc nào cũng toả sáng lạ kì, trở thành điểm đi về trong cõi nhớ. Bếp lửa gợi nhớ những kỉ niệm tuổi thơ gắn với tác giả, đưa tác giả tìm về với bếp lửa quê nhà cũng là tìm về với tuổi thơ sống bên bà, trong sự che chở, nâng niu đầy trìu mến. Trong cảm nhận, nỗi nhớ đầu tiên của đứa cháu phương xa là "bếp lửa củi rơm " và "tình bà" cũng hiện lên với cái ấm áp đượm đà, gắn bó đã sưởi ấm suốt thời thơ ấu:

Nhóm bếp lửa ấp iu nồng đượm
Nhóm niền yêu thương khoai sắn ngọt bùi
Nhóm nồi xôi gạo mới sẻ chung vui
Nhóm dậy cả những tâm tình tuổi nhỏ

Bếp lửa là ẩn dụ của tình cảm nồng hậu nơi người bà và tình cảm của người bà chính là hình ảnh ẩn dụ của ngọn lửa - tượng trng cho một tình yêu cao nhất. Bếp lửa là tượng trng của cái đơn sơ khiêm nhờng nhưng ấm áp, nồng đượm. Người bà cũng vậy: thật chân chất, mộc mạc, dân dã song cũng ẩn chứa tình yêu vô bờ bến, thiết tha, chan chứa. Lấy bếp lửa để nói về tình cảm của bà, Bằng Việt hẳn phải mặn lòng với bà, với quê hương lắm lắm!

Bằng Việt - đứa con xa quê - luôn thường trực trong tim nỗi nhớ về bếp lửa, về tình yêu nồng ấm của bà. Nhưng nhớ về bếp lửa cũng là nhớ về quê nhà. Nhớ về bà đồng nghĩa với nhớ về tổ ấm gia đình trong niềm vui sum họp. Như thế trong tình cảm của bà còn có cả tình cảm của đất nước. Tác giả nhớ về bà cũng là yêu đất nước, quê hương:

Giờ cháu đã đi xa. Có ngọn khói trắng trăm tàu
Có lửa trăm nhà. Có niềm vui trăm ngả
Nhưng chẳng lúc nào quên nhắc nhở
Sớm mai này bà nhóm bếp lên cha?

Trong suốt bài thơ bằng Việt đã đa ta theo một hành trình cao cả: từ bếp lửa củi rơm đậm đà mùi quê hương tới bếp lửa, ngọn lửa của lòng bà ngọt ngào, ấm áp; từ tiếng chim tu hú đến vị ngọt bùi của khoai sắn, của nồi xôi gạo mới. đó chính là hồn quê, hồn non nước. Hành trình ấy tựa nh hành trình của những giọt nước hoà vào suối, suối đổ ra sông, sông ra biển vậy.

Như thế, mỗi con người khi sinh ra đều mang một tâm hồn được ấp ủ bởi hoa thơm trái ngọt của tình yêu trần thế. Tâm hồn chúng ta được đón nhận những giọt sương rơi, những chồi non, lộc non, cây cỏ vờn nhà, cảm thấm nguyên lành nghĩa tình với gia đình, đồng bào, quê hương, đất nước... Tất cả điều đó đến với con người và di dưỡng, tinh thần con người qua lời ru của mẹ ngay từ thuở ấu thơ. Đó là dòng sữa mẹ ngọt ngào nuôi dưỡng tâm hồn con người từ bao đời nay. Trong những bước đi của thời gian con người muốn Ngược nước, Ngược dòng trở về với cội nguồn. Chế Lan Viên đã mợn lời người mẹ để hát ru con bằng những lời ru con cò truyền thống đa ta trở về với điệu hồn dân tộc. Bài thơ ***Con cò*** của ông là một khúc hát ru hiện đại. Tứ thơ được vận động từ hình ảnh con cò trong lời hát ru của mẹ. Xuyên suốt bài thơ là hình ảnh con cò nhưng hình ảnh người mẹ cứ hiện dần lên qua những lời hát ru đó. Mẹ ru con bằng những lời ru đằm thắm:

Con cò bay la
Con cò bay lả
Con cò cổng phủ
Con cò Đồng Đăng

Cánh cò từ trong lời ru đã đi vào trong tiềm thức của tuổi thơ trở nên gần gũi sẽ theo cùng con người đến suốt cuộc đời. Bằng sự liên tưởng, tưởng tượng phong phú của nhà thơ, con cò nh bay ra từ những câu ca dao để sống trong tâm hồn con người, theo cùng và nâng đỡ tâm hồn con người:

Ngủ yên! Ngủ yên! Ngủ yên!
Cho cò trắng đến làm quen
Cò đứng ở quanh nôi
Rồi cò vào trong tổ
Con ngủ yên thì cò cũng ngủ
Cánh của cò hai đứa đắp chung đôi
Mai khôn lớn con theo cò đi học
Cánh cò bay theo gót đôi chân

Cứ như vậy hình ảnh con cò gợi nhiều ý nghĩa. Nó biểu tượng cho lòng mẹ, cho sự dìu dắt, nâng đỡ đầy dịu dàng và bền bỉ của mẹ. Nhưng cao đẹp hơn những bài ca dao mẹ hát đã thấm sâu vào máu thịt, vào tâm hồn con, nuôi nấng trong lòng con một tình yêu bền bỉ với thi ca. Mẹ ước con lớn lên *làm thi sĩ* để mang lòng từ tâm nh một thứ hương hoa nhuần khiết dâng cho cõi người để lu giữ cội nguồn nhân bản cho cuộc đời. Và cuối cùng Chế lan Viên đã khái quát thành một triết lý bất di, bất dịch về tình cảm của người mẹ đối với con:

Con dù lớn vẫn là con của mẹ
Đi hết đời lòng mẹ vẫn yêu con.

Qua bài thơ ta thấy Chế Lan Viên đập cùng nhịp yêu thương mênh mông của người mẹ để vỗ về đứa con yêu. Tình cảm ấy được truyền qua lớp ngôn từ giản dị, hồn nhiên nhưng chứa đựng một quan niệm đẹp, một cách hướng con người vào cội nguồn cái thiện tựa nh gió mát thổi vào hồn mỗi chúng ta.

Khai thác những điều tưởng chừng nh giản dị nhưng lại có sức khái quát lớn đó là một trong những xu hướng chính của thơ ca 1945-1975. Thơ ca thời kì này đã khám phá những nguồn tình cảm lớn: yêu nước, yêu dân tộc, yêu đồng chí, đồng đội, yêu gia đình... Đó là ngọn nguồn sức mạnh của chủ nghĩa anh hùng cách mạng.

c. Tiếng nói lạc quan, yêu đời

Dân tộc ta trong mấy nghìn năm lịch sử đã chứng tỏ một sức sống mãnh liệt, bất chấp mọi hoàn cảnh khó khăn khắc nghiệt để vơn tới trỗi dậy chiến thắng hướng tới tương lai tơi sáng. Đó cũng là nét đẹp truyên thống trong tâm hồn con người Việt Nam mọi thời đại. Thơ ca Việt Nam 1945-1975 cũng thể hiện một sức sống bền bỉ và tinh thần lạc quan của dân tộc.

Đọc thơ ca kháng chiến ta thấy có nụ cười, có tiếng hát. Đó là nụ cười "*buốt giá*" trong thơ Chính Hữu. Nụ cười ấy bừng sáng lên trong cơn gió rét, trong sương muối, trong đêm trăng ... của người lính chân không giày, áo rách, quần vá, tê tái khó nhọc. Nụ cười ấy là nụ cười của tình đồng chí, tình thương yêu vô bờ bến trong im lặng, trong hơi ấm của bàn tay nắm lấy bàn tay. Đây chính là sức mạnh khiến họ đứng vững bên nhau để quên đi khó khăn thiếu thốn, tìm thấy niềm vui, chất thơ trong cuộc sống:

Đêm nay rừng hoang sương muối
Đứng cạnh bên nhau chờ giặc tới
Đầu súng trăng treo

Đầu súng trăng treo - hình ảnh đẹp nhất trong thơ 1945-1975 vì nó có sự hoà quyện nhuần nhuyễn giữa hiện thực và chất thơ lãng mạn, bay bổng. Trăng biểu tượng cho cuộc sống tơi đẹp, hoà bình, hạnh phúc của nhân loại và cũng là ớc mơ hướng tới của con người. Ngược lại, súng xuất hiện, biểu tượng cho chiến tranh, nhưng súng cũng là một là một lý tưởng cao đẹp, tinh thần chiến đấu vì cuộc sống hoà bình. Tuy đối lập nhau nhưng hai hình tượng này đã tôn thêm vẻ đẹp cho nhau tạo nên vẻ đẹp hoàn mĩ nhất: vẻ dẹp người lính lạc quan, yêu đời. Chính Hữu đã tạo nên một cái nhìn đầy chất thơ nhằm khẳng định cái khát vọng về cuộc sống yên lành và để có một cuộc sống yên lành thì những người lính nh ông còn phải cầm súng chiến đấu.

Trở về với ***Bài thơ về tiểu đội xe không kính,*** Phạm Tiến Duật đa ta trở về với con đường Trường Sơn khét nồng bom đạn thời chống Mĩ. Anh lính lái xe không chỉ dũng cảm can trường mà còn rất lạc quan yêu đời. Lạc quan, yêu đời đó chính là sức mạnh để vợt qua mọi khó khăn, gian khổ. Người lính lái xe ung dung, trên những chiếc xe không kính, ngồi phơi mặt trước gió, trước sương mà vẫn phát hiện ra những nét đẹp bất ngờ của thiên nhiên:

Nhìn thấy gió vào xoa mắt đắng
Nhìn thấy con đường chạy thẳng vào tim
Thấy sao trời và đột ngột cánh chim
Như sa, như ùa vào buồng lái.

Thiên nhiên *sao trời* và *cánh chim* như sa, ùa vào buồng lái quấn lấy người lính. Và chính trong thiên nhiên đẹp đẽ, lì lạ đó tầm vóc của người lính lái xe được

nâng bổng lên ngang tầm với vũ trụ. Người đọc không khỏi ngạc nhiên trước khám phá này của Phạm Tiến Duật. Hiện thực khốc liệt là thế mà nhà thơ - chiến sỹ vẫn nhận thấy vẻ đẹp lãng mạn của đời lính. Và dòng nh càng khó khăn càng vững tay lái, càng làm tăng thêm phẩm chất kiêu hùng, ngang tàng của người lính lái xe. Các anh vẫn sẵn sàng thách thức và chấp nhận sự thật:

Không có kính ừ thì có bụi
Bụi phun tóc trắng như người già
Cha cần rửa phì phèo châm điếu thuốc
Nhìn nhau mặt lấm cười ha ha.

Một mái tóc xanh của chàng lính trẻ sau mấy dặm trường đã có sự thay đổi "*bụi phun*". Một kiểu hút thuốc phì phèo rất lính. Một nụ cười lạc quan yêu đời được cất lên từ một gương mặt lấm khi đồng đội gặp nhau. Hình ảnh những người lính lái xe bỗng bừng sáng lên vẻ đẹp lạc quan tinh nghịch giữa chốn bom đạn của giặc thù.

Trong chiến đấu, con người Việt Nam vừa dũng cảm, vừa yêu đời. Trong lao động họ cũng tràn đầy một niềm hứng khởi lạc quan. ***Đoàn thuyền đánh cá*** của Huy Cận đã ghi lại hình ảnh những con người đang náo nức xây dựng cuộc sống mới. Bao trùm toàn bài thơ là cảm xúc trữ tình đằm thắm của một hồn thơ luông tin yêu cuộc sống, yêu thiên nhiên, đất nước và con người. Tác giả đã sáng tạo hình ảnh kì thú, mới mẻ - cảnh hoàng hôn - làm cái nền để khúc ca lao động vút lên phơi phới, lạc quan. Đoàn thuyền đánh cá ra khơi trong tiếng hát khoẻ khoắn, sôi nổi. Người lao động hát vang bài ca tiến quân ra biển cả. Họ hát *bài ca gọi cá vào.* Và nhà thơ cũng hát khúc tráng ca ca ngợi con người lao động với tinh thần làm chủ, với một niềm vui. Lao động mà nên thơ, nên nhạc, mặc dù đó là thứ lao động vất vả. Tiếng hát của nhà thơ khắc hoạ cái hồn của không khí náo nức, phơi phới của những con người say mê "*tập làm chủ, tập làm người xây dựng, dám vươn mình cai quả cả thiên nhiên" (*Tố Hữu*)*. Họ ra đi trong câu hát và trở về trong câu hát. Đó là một niềm tin yêu cuộc sống mới của những con người làm chủ đất nước, làm chủ bản thân. Phải tắm mình trong cuộc sống dạt dào đó thì tác giả mới thổi vào bài thơ một ngọn gió của niềm tin yêu cuộc sống mới, một chất men say lãng mạn cách mạng đẹp nh thế.

II. ỨNG DỤNG VÀO THỰC TIỄN GIẢNG DẠY

1. Quá trình áp dụng

Như trên đã trình bày, chuyên đề này chủ yếu phục vụ việc bồi dưỡng học sinh giỏi. Để thực hiện tốt chuyên đề GV giao bài trước cho học sinh chuẩn bị (từ 1 đến 2 tuần). Yêu cầu các em suy nghĩ, tìm hiểu kĩ vấn đề, từ đó tập hợp tư liệu phục vụ chuyên đề. Công việc này đòi hỏi học sinh phải thực hiện nghiêm túc theo đúng yêu cầu.

Khi tiến hành bồi dưỡng trên lớp, trước hết giới thiệu chuyên đề, sau đó yêu cầu học sinh thảo luận trình bày phần chuẩn bị ở nhà theo các bước làm bài. Trong quá trình học sinh thảo luận GV chú ý lắng nghe để nhận xét rồi chốt lại vấn đề theo định hướng đúng đắn.

Bước 1: Tìm hiểu đề, tìm ý

* Tìm hiểu đề

- Kiểu bài: nghị luận tổng hợp
- Vấn đề nghị luận: Tiếng nói trữ tình trong thơ
- Phạm vi tư liệu: Một số văn bản thơ từ 1945 đến 1975 đã học trong chương trình THCS

* Tìm ý

- Giáo viên hướng dẫn học sinh tìm hệ thống luận điểm cho chuyên đề (dựa vào khả năng khái quát tổng hợp kiến thức qua quá trình nghiên cứu). Có thể có những quan điểm khác nhau nhưng cần phải nêu được một số ý cơ bản nh đã trình bày ở phần nội dung chuyên đề.

- Hướng dẫn học sinh tìm luận cứ . Luận cứ phải tiêu biểu, toàn diện, bám sát các văn bản đã học.

- Xác định cách lập luận cho từng nội dung

Bước 2: Lập dàn bài

- Giáo viên hướng dẫn học sinh lập dàn bài theo ba phần: mở bài, thân bài, kết luận. Cho học sinh thảo luận để rút ra dàn bài chung

- Đối chiếu với dàn bài của cô giáo rồi tự bổ sung những vấn đề còn thiếu

Trong quá trình hình thành dàn bài, giáo viên chú ý theo dõi, thậm chí tham gia thảo luận cùng học sinh để tránh áp đặt, phát huy tính sáng tạo cho các em.

Bước 3: Viết bài

- Hướng dẫn học sinh cách lập luận hợp lí, sử dụng thành thạo và linh hoạt các thao tác lập luận
- Hướng dẫn cách phân tích dẫn chứng
- Rèn kĩ năng dùng từ, đặt câu, đặc biệt cần rèn khả năng t duy sáng tạo, cách tổng hợp khái quát vấn đề
- Hướng dẫn cách viết đoạn văn, khuyến khích viết đoạn Tổng - Phân - Hợp

Bước4: Đọc lại và sửa chữa

Cho học sinh trao đổi bài, tự sửa lỗi cho nhau, có thể tự chấm bài, nhận xét về cách diễn dật, dùng từ đặt câu...

Để các em hiểu kĩ và hiểu sâu vấn đề, có thể tách nội dung chuyên đề thành những đề nhỏ. Ví dụ:

Đề 1: Nhận xét về văn học Việt Nam 1945-1975 có ý kiến cho rằng: "*Văn học thời kì này đã ghi lại những nét không thể phai mờ về một thời kì đầy gian lao, hi sinh nhưng cũng rất vẻ vang của dân tộc. Đã sáng tạo được những hình tượng đẹp về đất nước, nhân dân, về các thế hệ, các tầng lớp người Việt Nam trong hai cuộc kháng chiến và trong công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội*"

Qua một số văn bản thơ đã học trong chương trình THCS. Em hãy làm sáng tỏ ý kiến trên.

Đề 2. *Văn học Việt Nam 1945 - 1975 đã phát huy những nét lớn trong truyền thống tinh thần dân tộc, cũng là nét lớn, nổi bật trong phẩm chất con người Việt Nam đó là chủ nghĩa yêu nước và tinh thần nhân đạo.*

Ý kiến của em về vấn đề trên. Qua một số văn bản thơ đã học trong chương trình THCS, em hãy chứng minh.

Đề 3. Hình ảnh người lính trong hai bài thơ "***Đồng chí"*** của Chính Hữu và "***Bài thơ về tiểu đội xe không kính"*** của Phạm Tiến Duật...

Đề 4: Văn học hiện đại Việt Nam từ 1945 đến 1975 có sự kết hợp hài hoà giữa hiện thực và lãng mạn. Bằng hiểu biết của em về một số tác phẩm văn học trong chương trình Ngữ văn 9, hãy làm sáng tỏ.

Đề 5: Lấy tựa đề ***"Những con người Việt Nam đẹp nhất"*** hãy viết bài văn làm sáng tỏ những nét đẹp tâm hồn cao quý của con người Việt Nam qua các tác phẩm được học từ 1945 đến 1975

THAM KHẢO MỘT SỐ ĐỀ VĂN

- Dưới đây là các đề văn dành cho HSG, GV tham khảo và hướng dẫn HS làm quen với các hình thức ra đề thi HSG các cấp.
- Có hai hình thức ra đề:
+ Đề gồm 2 phần: Trắc nghiệm + Tự luận.
+ Đề chỉ có nội dung tự luận. (GV tham khảo và chọn lọc, biên soạn thành đề mới kết hợp với phần trắc nghiệm để kiểm tra trong quá trình dạy học).
- Xin giới thiệu một số đáp án để GV tham khảo.

ĐỀ SỐ I

Câu 1 (5điểm)

Cảm nhận vẻ đẹp cảnh ra khơi trong các đoạn thơ sau:

"Khi trời trong, gió nhẹ, sớm mai hồng
Dân trai tráng bơi thuyền đi đánh cá.
Chiếc thuyền nhẹ hăng nh con tuấn mã
Phăng mái chèo, mạnh mẽ vợt trường giang.
Cánh buồm giương to nh mảnh hồn làng
Rớn thân trắng bao la thâu góp gió..."

(Quê hương, Tế Hanh)

"Mặt trời xuống biển nh hòn lửa.
Sóng đã cài then đêm sập cửa.
Đoàn thuyền đánh cá lại ra khơi,
Câu hát căng buồm cùng gió khơi."

(Đoàn thuyền đánh cá, Huy Cận)

Câu 2: (5điểm) : Ý nghĩa của tình yêu thương

Câu 3: (10 điểm):

Dựa vào cốt truyện cổ tích ***"Vợ chàng Trương"*** nhưng ***"Chuyện người con gái Nam Xương"*** đã khẳng định được những sáng tạo tài hoa của Nguyễn Dữ. Bằng hiểu biết của em về thiên truyện thứ mời sáu trong tập "***Truyền kì mạn lục"*** của nhà văn, hãy làm sáng tỏ những sáng tạo của tác giả được thể hiện trong tác phẩm đó.

ĐỀ SỐ II

Câu 1 *(5,0 điểm)*

Cảm nhận về ý nghĩa của ***chi tiết cái bóng*** trong tác phẩm *"Chuyện người con gái Nam Xương"* (Nguyễn Dữ).

Câu 2 *6,0 điểm).*

Hãy cùng bạn em hướng tới xây dựng ***"Trường học thân thiện"***.

Câu 3 *(9,0 điểm).*

Vẻ đẹp và sự khác biệt trong những bức tranh thiên nhiên qua sáu câu thơ đầu đoạn trích *"Cảnh ngày xuân"* và tám câu thơ cuối đoạn trích *"Kiều ở lầu Ngng bích"* trong ***"Truyện Kiều"*** của tác giả Nguyễn Du.

ĐỀ SỐ III

Câu 1 *(5,0 điểm)*

Trước không gian đất trời mùa thu, hãy cùng nhà thơ Tạ Hữu Yên cảm nhận vẻ đẹp của khoảnh khắc sang mùa trong đoạn thơ sau:

Cánh chim báo sang mùa
Nắng hoai hoai cuối hạ
Màu mây non lá mạ
Gió trên cành hiu hiu.

Phút giây chuyển sang mùa
Nghe vô cùng huyền diệu
Không thừa và không thiếu
Tay thiên nhiên đặt bày.

Chừng nh thu ngấp nghé
Trong hương cốm đâu đây
Khói lam chiều rất nhẹ
Sông vừa vơi vừa đầy.

Hạ tàn và thu tới
Đi qua từ áo ai
Đôi vạt dài thơ thới
Chút nắng vàng vắt vai...

("Sang mùa", Tạ Hữu Yên)

Câu 2 *(6,0 điểm).*

Hoà bình là khát vọng và ớc mơ của toàn nhân loại. Nhưng chiến tranh vẫn không ngừng diễn ra ở một số nơi trên thế giới. Hãy viết một lá th gửi các nhà chức trách để nói những suy nghĩ của em về khát vọng vì một thế giới hoà bình.

Câu 3 *(9,0 điểm).*

Lấy tựa đề : ***"Lời rằng bạc mệnh cũng là lời chung"*** để viết bài văn làm sáng tỏ **số phận bi kịch** của nàng Vũ Nương trong tác phẩm **"Chuyện người con gái Nam Xương"** của tác giả Nguyễn Dữ.

ĐỀ SỐ IV

Câu 1: 2 điểm

Đọc kĩ đoạn văn sau và trả lời câu hỏi bằng cách chọn phương án trả lời đúng nhất?

"(1) Đề tài tình mẹ con không mới, nhưng Chế Lan Viên đã làm mới cho nó một cách rất thông minh. (2)Hình tượng con cò trong ca dao đã hội nhập được cách nghĩ, cách nhìn của thời đại. (3)Tương ứng với sự đổi mới đề tài là thể loại. (4) Không nhất thiết cứ phải là ca dao mới diễn tả được nhịp điệu êm đềm của lòng yêu thương – một tình cảm vốn ít gập ghềnh gấp khúc... (5)Đồng hành với sự đổi mới đề tài là bao nhiêu ý thơ, giọng thơ lúc thì thầm tâm sự, lúc đau đáu thiết tha, khi lại bồng bột dâng trào..."

(Ngữ văn 9-Từ tiếp nhận đến thực hành-Tập 2,Trang 52, *Nhà xuất bản Giáo dục*)

1) Phương thức biểu đạt chính của đoạn văn trên là gì?

A- Tự sự B- Miêu tả C- Nghị luận D- Biểu cảm.

2) Đoạn văn trên nói về tác phẩm nào ?

A- Con cò B- Sang thu C- Ánh trăng D- Nói với con.

3) Câu văn: "***Đề tài tình mẹ con không mới, nhưng Chế Lan Viên đã làm mới cho nó một cách rất thông minh*** " là kiểu câu gì?

A- Câu đơn C- Câu ghép chính phụ

B- Câu ghép D- Câu ghép đẳng lập.

4) Nhà thơ Chế Lan Viên đã xây dựng hình tượng con cò bằng bút pháp nghệ thuật gì?

A- Nhân hoá C- Ẩn dụ

B- So sánh D- Hoán dụ.

5) Một trong những đặc sắc nghệ thuật làm cho bài thơ của Chế Lan Viên gần với văn xuôi, và chính vì thế nó mang hơi hướng một bài ca (hoặc một lời ru) hiện đại?

A- Nghệ thuật liên tưởng C- Sự thay đổi nhịp điệu

B- Câu thơ giàu sức tạo hình D- Tính chất trữ tình.

6) Từ: "đổi mới" trong cụm từ *"sự đổi mới"* vốn thuộc từ loại nào?

A- Danh từ B- Động từ C- Tính từ D- Lợng từ.

7) Ở đây, từ "đổi mới" được dùng nh từ loại nào?

A- Danh từ B- Động từ C- Tính từ D- Phó từ

8) *"Đôi cánh cò vốn nhỏ bé đã trở nên ấm áp mênh mông"* - Lời nhận xét ấy dành cho câu thơ nào?

A- *Cánh cò mềm, mẹ đã sẵn tay nâng!*

B- *Cánh cò ăn đêm, cánh cò xa tổ.*

C- *Cánh của cò, hai đứa đắp chung đôi.*

D- *Một con cò thôi - Con cò mẹ hát - Cũng là cuộc đời – Vỗ cánh qua nôi...*

<u>Câu 2</u>: 1 điểm

Điền vào chỗ ..... những từ ngữ phù hợp:

1) Nhan đề "....." là một hình ảnh mang ý nghĩa biểu tượng cho tấm lòng tin yêu cuộc sống, đất nước, con người, cho ớc nguyện dâng hiến trí tuệ và tâm hồn của nhà thơ ... đối với cuộc đời nói chung.

2) Bài thơ "Đoàn thuyền đánh cá" của Huy Cận là sự thống nhất giữa hai cảm hứng: Cảm hứng về.... và cảm hứng về..... .

<u>Câu 3</u>: 2 điểm

Viết về cảnh trời đất vào xuân ở đoạn trích: **"Cảnh ngày xuân"** (**Truyện Kiều** – *Nguyễn Du*), có ý kiến cho rằng: "***Từ cặp lục bát thứ nhất sang cặp lục bát thứ hai có sự biến đổi của mạch thơ; riêng cặp lục bát thứ hai đã thể hiện tài tình nghệ thuật " thi trung hữu họa".***

Em hãy viết đoạn văn nêu ý kiến của mình về nhận xét trên?

<u>Câu 4</u>: 5 điểm

Trong văn chương, có khi cùng một ý tưởng sáng tạo, nhưng cách thể hiện của mỗi tác giả lại khác nhau, điều đó tạo nên sự phong phú đa dạng của văn học. Em hãy làm rõ điều đó qua ***"Chuyện người con gái Nam Xương"*** của Nguyễn Dữ và tích chèo ***"Quan Âm Thị Kính"*** ?

<u>ĐỀ SỐ V</u>

Câu 1: (3 điểm)

Cuộc đời Chủ tịch Hồ Chí Minh là nguồn cảm hứng vô tận cho sáng tạo nghệ thuật. Mở đầu tác phẩm của mình, nhà thơ Viễn Phương viết:

" Con ở miền Nam ra thăm lăng Bác"

Và sau đó tác giả thấy:

" Bác nằm trong giấc ngủ bình yên
Giữa một vầng trăng sáng dịu hiền
Vẫn biết trời xanh là mãi mãi
Mà sao nghe nhói ở trong tim!"

Từ những câu đã dẫn kết hợp với những hiểu biết của em về bài thơ, hãy cho biết cảm xúc trong bài thơ được thể hiện theo trình tự nào? Sự thật là Bác đã ra đi nhưng vì sao nhà thơ vẫn dùng từ *" thăm"* và cụm từ *" giấc ngủ bình yên"*?

Câu 2: (3 điểm)

" Trăng cứ tròn vành vạnh
kể chi người vô tình
ánh trăng im phăng phắc
đủ cho ta giật mình"

(*"Ánh trăng*"- Nguyễn Duy)

Phân tích ý nghĩa biểu tượng của hình ảnh vầng trăng *(được gạch Dưới)* và chiều sâu tư tưởng mang tính triết lý được nhà thơ Nguyễn Duy gửi gắm trong khổ thơ nói trên.

Câu 3 (14 điểm)

Nói về tình bà cháu trong bài thơ *" Bếp lửa"* của nhà thơ Bằng Việt có những ý kiến khác nhau nh sau:

1. Tình bà cháu thắm thiết cảm động được khơi gợi qua hình ảnh bếp lửa.
2. Hình ảnh người bà trong bài thơ cũng chính là người nhóm lửa, giữ lửa, truyền lửa.
3. Ngọn lửa đã trở thành kỷ niệm ấm lòng, là niềm tin nâng bước cháu trên chặng đường dài.

Bằng những cảm nhận riêng về bài thơ, em hãy viết bài văn theo các yêu cầu sau:

1. Đặt tên cho bài văn của em
2. Những cảm nhận của cá nhân em về tình bà cháu trong bài thơ.
3. Gia đình và tình thân có ý nghĩa nh thế nào đối với mỗi con người.

ĐỀ SỐ VI

Câu 1: (6 điểm)

Gian lận trong thi cử ở đâu và bao giờ cũng bị lên án. Vì vậy, trong bức th gửi thầy hiệu trưởng trường con trai mình đang học, Tổng thống Mỹ A. Lin-côn đã viết:

"Ở trường, xin thầy hãy dạy cho cháu biết chấp nhận thi rớt còn vinh dự hơn gian lận khi thi".

Em suy nghĩ nh thees nào về lời đề nghị trên?

Câu 2: (6 điểm)

Tiếng tu hú sao mà tha thiết thế!

Mẹ cùng cha công tác bận không về
Cháu ở cùng bà, bà bảo cháu nghe
Bà dạy cháu làm, bà chăm cháu học.
Nhóm bếp lửa nghĩ thương bà khó nhọc,
Tu hú ơi! Chẳng đến ở cùng bà
Kêu chi hoài trên những cánh đồng xa?

(Bếp lửa - Bằng Viêt - SGK Ngữ văn 9 tập I - NXB Giáo dục)

Câu 3: (8 điểm)

"Cách nhìn và thể hiện con người thiên về cái tốt đẹp, trong sáng, cao thợng là phương hướng chủ đạo và thống nhất trong văn học Việt Nam thời kì kháng chiến"

(Ngữ văn 9 – SGV NXB Giáo dục)

Hãy chứng tỏ truyện ngắn "Những ngôi sao xa xôi" (1971) của Lê Minh Khuê cũng nằm trong hướng chung đó.

ĐỀ SỐ VII

Câu 1: (5 điểm)

Cảm nhận của em về những dòng thơ cuối bài thơ ***"Ông đồ"*** của Vũ Đình Liên:

"Năm nay đào lại nở
Không tháy ông đồ xa.
Những người muôn năm cũ
Hồn ở đâu bây giờ."

Câu 2: (6 điểm)

Em có suy nghĩ gì về hiện tượng giữa một vùng đất khô cằn và sỏi đá, có một loài cây dại vẫn nở những đóa hoa sắc hương dâng tặng cuộc đời.

Câu 3: (9 điểm)

Vẻ đẹp của người lao động mới trong hai tác phẩm "Đoàn thuyền đánh cá" (Huy Cận) và "Lặng lẽ Sa Pa" (Nguyễn Thành Long).

ĐỀ VIII

Câu 1. *(3,0 điểm)*

Trong th gửi học sinh nhân ngày khai trường đầu tiên của nước Việt Nam độc lập, Bác Hồ tha thiết căn dặn: *"Non sông Việt Nam có trở nên tơi đẹp hay không, dân tộc Việt Nam có bước tới đài vinh quang để sánh vai với các cờng quốc năm châu được hay không, chính là nhờ một phần lớn ở công học tập của các em"*.

Em suy nghĩ gì về lời căn dặn của Bác?

Câu 2. *(3,0 điểm)*

Cảm nhận của em về những câu thơ sau trong ***Truyện Kiều*** của Nguyễn Du:

- Cỏ non xanh tận chân trời,
Cành lê trắng điểm một vài bông hoa.

- Buồn trông nội cỏ rầu rầu,
Chân mây mặt đất một màu xanh xanh.

(Ngữ văn 9 - Tập một)

Câu 3. *(4,0 điểm)* Trong văn bản ***Tiếng nói của văn nghệ***, Nguyễn Đình Thi viết:

"Tác phẩm nghệ thuật nào cũng xây dựng bằng những vật liệu mợn ở thực tại. Nhưng nghệ sĩ không những ghi lại cái đã có rồi mà còn muốn nói một điều gì mới mẻ. Anh gửi vào tác phẩm một lá th, một lời nhắn nhủ, anh muốn đem một phần của mình góp vào đời sống chung quanh".

(Ngữ văn 9 - Tập hai)

Bằng sự hiểu biết về truyện ngắn ***Làng***, em hãy làm sáng tỏ **điều mới mẻ**, "**lời nhắn nhủ**" mà nhà văn Kim Lân muốn đem "*góp vào đời sống*".

ĐÁP ÁN

Câu 1. *(3,0 điểm)*

A. YÊU CẦU:

1. Về kĩ năng:

Học sinh biết làm bài nghị luận xã hội: ý tứ rõ ràng, mạch lạc, lập luận chặt chẽ, giàu sức thuyết phục, dẫn chứng cụ thể, sinh động. Không mắc lỗi diễn đạt, chính tả...

2. Về kiến thức:

Đây là dạng đề mở, vì vậy học sinh có thể trình bày những cách suy nghĩ khác nhau xung quanh vấn đề cần nghị luận. Có thể có những cách lập luận khác nhau, nhưng về cơ bản phải hướng đến những ý sau:

- Bằng những hình ảnh đẹp, Bác Hồ đã căn dặn:

+ "Công học tập" của học sinh hôm nay sẽ ảnh hưởng đến tương lai đất nước.

+ Động viên, khích lệ học sinh ra sức học tập tốt.

- Lời dặn của Bác đã nói lên được tầm quan trọng của việc học tập đối với tương lai đất nước, bởi:

+ Học sinh là người chủ tương lai của đất nước, là người kế tục sự nghiệp xây dựng và bảo vệ đất nước của cha ông mình.

+ Một thế hệ học sinh tích cực học tập và rèn luyện hôm nay hứa hẹn thế hệ công dân tốt, có đủ năng lực, phẩm chất làm chủ đất nước trong tương lai. Vì vậy, việc học tập là rất cần thiết.

+ Để tiến kịp sự phát triển mạnh mẽ của thế giới, "sánh vai với các cờng quốc năm châu", nước Việt Nam không thể không vơn lên mạnh mẽ về khoa học kĩ thuật. Do vậy, học tập là tiền đề quan trọng tạo nên sự phát triển.

+ Việc học tập của thế hệ trẻ có ảnh hưởng đến tương lai đất nước đã được thực tế chứng minh (nêu gơng xa và nay).

- Để thực hiện lời dặn của Bác, học sinh phải xác định đúng động cơ học tập, nỗ lực phấn đấu vơn tới chiếm lĩnh đỉnh cao tri thức.

- Thực hiện lời dặn của Bác là chúng ta thể hiện tình cảm kính yêu với người cha già dân tộc và thể hiện trách nhiệm của mình đối với đất nước.

B. CÁCH CHO ĐIỂM:

- *Điểm 3*: Đáp ứng hầu hết các yêu cầu nói trên, có thể mắc một vài lỗi nhỏ.
- *Điểm 2*: Đáp ứng được 2/3 yêu cầu nói trên, còn mắc một số lỗi, cha chú ý dẫn chứng, lập luận còn vụng.
- *Điểm 1*: Đáp ứng 1/3 yêu cầu nêu trên, còn mắc nhiều lỗi, cha biết lập luận.

- *Điểm 0*: Không viết gì hoặc viết không liên quan đến đề.

Câu 2. *(3,0 điểm)*

A. YÊU CẦU:

1. Về kĩ năng:

Học sinh biết cách làm bài nghị luận văn học về thơ. Văn viết trôi chảy, cảm xúc, thể hiện được t chất văn chương. Không mắc lỗi diễn đạt, dùng từ, chính tả...

2. Về kiến thức:

Học sinh có thể có cách trình bày khác nhau, nhưng phải cảm nhận được vẻ đẹp riêng biệt của hai câu thơ. Về cơ bản, bài viết phải:

- Giới thiệu vị trí hai câu thơ trong ***Truyện Kiều***.
- Chỉ ra nét tương đồng: hai câu thơ đều mở ra bức tranh phong cảnh với một không gian mênh mông từ mặt đất đến chân mây, ngập tràn sắc cỏ.
- Chỉ ra nét riêng biệt:

+ Câu thơ: Cỏ non xanh tận chân trời,
Cành lê trắng điểm một vài bông hoa.

* Là bức tranh mùa xuân tơi đẹp, trong sáng, hài hòa, tràn đầy sức sống (màu xanh của cỏ gợi sức sống, màu trắng của hoa gợi sự trong sáng). Đằng sau bức tranh ấy là tâm trạng vui tơi của Thúy Kiều.
* Nghệ thuật thể hiện: bút pháp chấm phá, kế thừa tinh hoa của văn học cổ, từ ngữ giàu chất tạo hình.

+ Câu thơ: Buồn trông nội cỏ rầu rầu,
Chân mây mặt đất một màu xanh xanh.

* Là bức tranh thiên nhiên mênh mang, héo úa, đơn điệu ("rầu rầu" thể hiện sự héo úa của cảnh, "xanh xanh" gợi sự mênh mang, mờ mịt). Đằng sau bức tranh ấy là tâm trạng cô đơn, hoảng loạn của Thúy Kiều.
* Bút pháp tả cảnh ngụ tình, từ ngữ giàu sức gợi.

- Giải thích lí do tạo nên sự khác biệt ấy:

+ Ở câu đầu:

* Thiên nhiên là đối tượng miêu tả.
* Thiên nhiên được cảm nhận qua con mắt của người con gái tài sắc, đang sống trong những tháng ngày tơi đẹp.

+ Ở câu sau:

* Thiên nhiên là phương tiện, là cách thức để thể hiện tâm trạng nhân vật.
* Thiên nhiên được cảm nhận qua con mắt của một người trong tâm trạng của kẻ tha hương, biết mình bị lừa bán vào chốn lầu xanh.

B. CÁCH CHO ĐIỂM:

- *Điểm 3*: Đạt được hầu hết những yêu cầu trên.
- *Điểm 2*: Đạt được 2/3 yêu cầu, còn mắc một số lỗi
- *Điểm 1*: Đạt được Dưới 1/2 yêu cầu, còn mắc nhiều lỗi.
- *Điểm 0*: Không nhận thức được đề hoặc không viết gì.

Câu 3. *(4,0 điểm)*

A. YÊU CẦU:

1. Về kĩ năng:

Học sinh biết cách làm bài nghị luận văn học về truyện. Văn viết trôi chảy, cảm xúc, thể hiện được t chất văn chương. Không mắc lỗi diễn đạt, dùng từ, chính tả...

2. Về kiến thức:

Học sinh có thể có cách trình bày khác nhau, nhưng về cơ bản phải:

- Giải thích sơ lược tinh thần đoạn văn của Nguyễn Đình Thi:

+ Nội dung của một tác phẩm nghệ thuật là hiện thực cuộc sống và những khám phá, phát hiện riêng của người nghệ sĩ.

+ Những khám phá, phát hiện ấy chính là điều mới mẻ góp phần quan trọng tạo nên giá trị của một tác phẩm nghệ thuật và mang theo thông điệp của người nghệ sĩ.

- Truyện ngắn ***Làng*** của Kim Lân đã thể hiện được điều mới mẻ và "lời nhắn nhủ" của riêng nhà văn trên cơ sở "vậtư liệu mợn ở thực tại".

+ "Vậtư liệu mợn ở thực tại" trong tác phẩm ***Làng*** là hiện thực cuộc kháng chiến chống Pháp và đời sống tình cảm của nhân dân trong kháng chiến.

+ Điều mới mẻ:

* Nhà văn phát hiện ra vẻ đẹp mới trong tâm hồn người nông dân sau cách mạng tháng Tám: Tình yêu làng quê hòa quyện với tình yêu đất nước và tinh thần kháng chiến. Tình cảm ấy được nhà văn gửi gắm qua hình tượng ông Hai (có thể so sánh với hình tượng người nông dân trước cách mạng: *Lão Hạc*).

* Điều mới mẻ thể hiện trong nghệ thuật xây dựng tình huống tâm lí, miêu tả sinh động diễn biến tâm trạng, ngôn ngữ của nhân vật quần chúng...

+ Lời nhắn nhủ (Đây cũng là tư tưởng chủ đề của tác phẩm): Tình yêu làng quê vốn là tình cảm truyền thống của người nông dân Việt Nam. Nhưng chỉ ở người nông dân sau cách mạng, tình yêu làng mới hòa quyện sâu sắc với tình yêu đất nước, niềm tin yêu lãnh tụ và tinh thần ủng hộ kháng chiến.

B. CÁCH CHO ĐIỂM:

- *Điểm 4*: Đáp ứng hầu hết các yêu cầu nói trên. Văn viết linh hoạt, giàu cảm xúc, hình ảnh. Có thể mắc một vài lỗi nhỏ.
- *Điểm 3*: Đáp ứng 2/3 yêu cầu nói trên. Còn mắc một số lỗi.
- *Điểm 2*: Đáp ứng 1/2 yêu cầu nói trên, còn mắc nhiều lỗi.
- *Điểm 1*: Tỏ ra không hiểu đề, sa vào phân tích nhân vật ông Hai hoặc phân tích truyện Làng.
- *Điểm 0*: Không viết gì hoặc chỉ viết linh tinh không liên quan gì đến đề.

ĐỀ SỐ XIX

Câu 1: *(8,0 điểm)*

Nhận xét về vai trò của chi tiết nghệ thuật trong truyện, có ý kiến cho rằng: "Chi tiết nhỏ làm nên nhà văn lớn". Chi tiết *chiếc bóng* trong tác phẩm "*Chuyện người con gái Nam Xương*" của Nguyễn Dữ đã thể hiện rõ điều đó.

Em hãy trình bày hiểu biết của em về vấn đề trên.

Câu 2: *(12,0 điểm)*

Cảm nhận của em về hình tượng anh bộ đội cụ Hồ trong hai tác phẩm *"Đồng chí"* của Chính Hữu và "*Bài thơ về tiểu đội xe không kính*" của Phạm Tiến Duật (Ngữ văn 9 - tập 1).

Từ đó, em có suy nghĩ gì về dấu ấn sáng tạo nghệ thuật của mỗi tác giả?

ĐÁP ÁN

I. Yêu cầu chung:

- Đáp án chỉ nêu một số ý chính có tính chất gợi ý; giám khảo cần chủ động, linh hoạt trong đánh giá, cho điểm; khuyến khích những bài viết sáng tạo, có sức thuyết phục, "có giọng điệu riêng", tránh máy móc đếm ý cho điểm.
- Cho điểm 20, chi tiết đến 0,5 điểm.

II. Yêu cầu cụ thể:

Câu 1: *(8 điểm)*

Về kiến thức:

1. Nêu được vai trò của chi tiết nghệ thuật trong truyện:

- Chi tiết là một trong những yếu tố nhỏ nhất tạo nên tác phẩm (...), để làm nên một chi tiết nhỏ có giá trị đòi hỏi nhà văn phải có sự thăng hoa về cảm hứng và tài năng nghệ thuật.
- Nghệ thuật là một lĩnh vực đặc thù: Tầm vóc của người nghệ sỹ có thể được làm nên từ những yếu tố nhỏ nhất. Nhà văn lớn có khả năng sáng tạo được những chi tiết nhỏ nhưng giàu giá trị biểu đạt, góp phần đắc lực trong việc thể hiện chủ đề tư tưởng của tác phẩm.

2. Đánh giá giá trị của chi tiết "chiếc bóng" trong "Chuyện người con gái Nam Xương":

a. Giá trị nội dung:

- "Chiếc bóng" tô đậm thêm nét đẹp phẩm chất của Vũ Nương trong vai trò người vợ, người mẹ. Đó là nỗi nhớ thương, sự thuỷ chung, ước muốn đồng nhất "xa mặt nhưng không cách lòng" với người chồng nơi chiến trận; đó là tấm lòng người mẹ muốn khoả lấp sự trống vắng, thiếu hụt tình cảm người cha trong lòng đứa con thơ bé bỏng.
- "Chiếc bóng" là một ẩn dụ cho số phận mỏng manh của người phụ nữ trong chế độ phong kiến nam quyền. Họ có thể gặp bất hạnh bởi bất cứ một nguyên nhân vô lý nào mà không lường trước được. Với chi tiết này, người phụ nữ hiện lên là nạn nhân của bi kịch gia đình, bi kịch xã hội.
- "Chiếc bóng" xuất hiện ở cuối tác phẩm "Rồi trong chốc lát, bóng nàng loang loáng mờ nhạt dần mà biến đi mất": Khắc hoạ giá trị hiện thực - nhân đạo sâu sắc của tác phẩm.
- Chi tiết này còn là bài học về hạnh phúc muôn đời: Một khi đánh mất niềm tin, hạnh phúc chỉ còn là chiếc bóng h ảo.

b. Giá trị nghệ thuật:

- Tạo sự hoàn chỉnh, chặt chẽ cho cốt truyện: Chi tiết "chiếc bóng" tạo nên nghệ thuật thắt nút, mở nút mâu thuẫn bất ngờ, hợp lý:

+ Bất ngờ: Một lời nói của tình mẫu tử lại bị chính đứa con ngây thơ đẩy vào vòng oan nghiệt; chiếc bóng của tình chồng nghĩa vợ, thể hiện nỗi khát khao đoàn tụ, sự thuỷ chung son sắt lại bị chính người chồng nghi ngờ "thất tiết" ...

+ Hợp lý: Mối nhân duyên khập khiễng chứa đựng nguy cơ tiềm ẩn (Vũ Nương kết duyên cùng Trương Sinh thất học, đa nghi, ghen tuông, độc đoán) cộng với cảnh ngộ chia ly bởi chiến tranh → nguy cơ tiềm ẩn bùng phát.

- Tạo kịch tính, tăng sức hấp dẫn cho tác phẩm.

- Chi tiết này còn là sự sáng tạo của Nguyễn Dữ (so với chuyện cổ tích "Miếu vợ chàng Trương") tạo nên vẻ đẹp lung linh cho tác phẩm và một kết thúc tưởng nh có hậu nhưng lại nhấn mạnh hơn bi kịch của người phụ nữ.

Về kỹ năng:

- Sử dụng linh hoạt các phép lập luận, tạo hệ thống luận điểm chặt chẽ, giàu sức thuyết phục.
- Dùng từ, đặt câu chính xác, trình bày đoạn văn logic.
- Văn viết trong sáng, giàu cảm xúc.

Thang điểm:

+ Đạt tất cả các ý trên, kỹ năng tốt → 8 điểm.
+ Chỉ đạt ý 2, ý 3, kỹ năng tốt → 6 điểm.
+ Chỉ đạt ý 2, ý 3, còn mắc lỗi về kỹ năng → 4 điểm.
+ Sa vào thuật chuyện, ý mơ hồ, sai sót nhiều về kỹ năng →2 điểm

Câu 2: *(12 điểm)*

Về kiến thức:

1. Cảm nhận về hình tượng anh bộ đội cụ Hồ qua hai tác phẩm:

a. Sự gặp gỡ:

- Đó là những con người mộc mạc, bình dị, chân chất, đời thường từ cách cảm, cách nghĩ song ở họ toát lên những phẩm chất cao đẹp: Tình đồng chí, đồng đội keo sơn, tinh thần lạc quan, lòng quả cảm, đức hy sinh và lòng yêu nước nồng nàn.
- Họ mang trong mình những phẩm chất chung của anh bộ đội cụ Hồ qua các thời kỳ: Bình dị mà vĩ đại; sống có lý tưởng; cái cao cả vĩ đại được bắt nguồn từ những gì bình dị nhất.

b. Nét riêng:

- Người lính trong "Đồng chí":

+ Đậm chất mộc mạc, bình dị, chất phác, ra đi từ những luống cày, thửa ruộng; từ những miền quê nghèo khó ...

+Theo tiếng gọi thiêng liêng của tổ quốc, *những người nông dân mặc áo lính* vợt lên những gian khổ, thiếu thốn; khám phá một tình cảm mới mẻ, đáng trân trọng: Tình đồng chí.

→ Vẻ đẹp của người lính bước lên từ đồng ruộng, tiêu biểu cho vẻ đẹp của anh bộ đội cụ Hồ trong cuộc kháng chiến chống Pháp.

- Người lính trong "Bài thơ về tiểu đội xe không kính":

+ Đậm chất ngang tàng, ngạo nghễ; tâm hồn phóng khoáng, trẻ trung, tinh nghịch, yêu đời; của người lính lái xe trên tuyến đường Trường Sơn khói lửa với những nét

+ Sự hoà quyện giữa phong thái người nghệ sỹ và tinh thần người chiến sỹ.

→ Nét riêng ấy đã thể hiện sự phát triển trong nhận thức, khám phá của các nhà thơ về hình tượng anh bộ đội cụ Hồ. Đó là sự trưởng thành của người lính đi qua hai cuộc trường chinh và là sự lớn lên về tầm vóc dân tộc được tôi luyện trong lửa đạn chiến tranh.

2. Dấu ấn sáng tạo của mỗi nhà thơ:

a. Chính Hữu với "Đồng chí":

- Ngôn từ: Mộc mạc, bình dị, quen thuộc, không phải thô sơ mà được tinh lọc từ lời ăn tiếng nói dân gian.
- Hình ảnh: Đậm chất hiện thực nhưng giàu sức biểu cảm, hàm súc cô đọng.
- Giọng điệu: Tâm tình, thủ thỉ, thấm thía, sâu lắng.

⇒ Phong cách thiên về khai thác nội tâm, tình cảm, ít có chuyện đùng đoàng của súng đạn (ý của Chính Hữu).

b. Phạm Tiến Duật với "Bài thơ về tiểu đội xe không kính":

- Ngôn từ: Giàu tính khẩu ngữ, tự nhiên, khoẻ khoắn mang đậm phong cách của người lính lái xe.
- Hình ảnh: Chân thực nhưng độc đáo, giàu chất thơ.
- Giọng điệu: Lạ, ngang tàng, tinh nghịch, dí dỏm, vui tơi. Những câu thơ nh câu văn xuôi, nh lời đối thoại thông thường ...

⇒ Phong cách: đi tìm khám phá vẻ đẹp trong diễn biến sinh động, trong sự phát triển không ngừng của cuộc sống; cách nhìn, cách khai thác hiện thực, khai thác chất thơ từ sự khốc liệt của chiến tranh.

Về kỹ năng:

- Làm đúng thể loại cảm nhận (suy nghĩ, đánh giá, cảm xúc ...).
- Có kỹ năng so sánh đối chiếu trên từng phương diện, không sa vào phân tích toàn bộ tác phẩm.
- Xây dựng hệ thống lập luận chặt chẽ, logic.
- Văn viết trong sáng, giàu cảm xúc.

Thang điểm:

+ Đạt tất cả 4 ý trên (1a, 1b,2a, 2b), kỹ năng tốt	→ 12 điểm.
+ Đạt 3/4 số ý trên, kỹ năng tốt	→ 10 điểm.
+ Đạt 3/ 4 số ý trên, kỹ năng khá	→ 8 điểm.
+ Đạt 2/ 4 số ý trên, còn mắc lỗi về kỹ năng	→ 6 điểm .
+ Đạt 1/ 4 số ý trên, mắc nhiều lỗi về kỹ năng	→ 4điểm.
+ Kiến thức còn mơ hồ, kỹ năng yếu	→ 2 điểm.

Lu ý:

Học sinh có thể đi theo từng tác phẩm trên cơ sở so sánh, đối chiếu để làm nổi bật yêu cầu đề./.

ĐỀI SỐ X

Câu 1:(6 điểm)

Trình bày cảm nhận của em về hai câu thơ sau

a.Miệng cười buốt giá
(Chính Hữu)

b.Nhìn nhau mặt lấm cười ha ha
(Phạm Tiến Duật)

Câu 2: (14 điểm)

Phân tích tâm sự thầm kín của Nguyễn Duy qua bài thơ "Ánh trăng"

Dàn ý

Câu 1:

H/s phân tích được điểm giống và khác nhau ở hai câu thơ

- Giống nhau : Đều cùng miêu tả âm vang tiếng cười của người chiến sĩ

Ý nghĩa tiếng cười biểu hiện niềm lạc quan vợt mọi khó khăn nguy hiểm, là nét đẹp phẩm chất cuả người chiến sĩ trong cuộc kháng chiến.

- Khác nhau: Trong câu thơ của Chính Hữu "buốt giá" gợi cho người đọc cảm nhận được thời tiết khắcnghiệt, tiếng cười của người chiến sĩ đã sưởi ấm không gian, thể hiện tình đồng chí đồng đội gắn bó. Trong câu thơ của Phạm Tiến Duật "cười ha ha" là cười to, sảng khoái, trẻ trung, lấy khó khăn vất vả "mặt lấm" để vui đùa -> nét riêng trong thơ Phạm Tiến Duật

- Đánh giá:

Cả hai nhà thơ đã tạo nên được nét trẻ trung sôi nổi lạc quan yêu đời của người chiến sĩ qua tiếng cười -> đó chính là sức mạnh làm nên chiến thắng.

Câu 2:

I. Mở bài

- Ánh trăng là đề tài quen thuộc của thi ca, là cảm hứng sáng tác vô tận cho các nhà thơ

- Nguyễn Duy, một nhà thơ tiêu biểu cho thế hệ trẻ sau năm 1975 cũng góp vào mảng thơ thiên nhiên một "Ánh trăng".

- Với Nguyễn Duy, ánh trăng không chỉ là niềm thơ mà còn được biểu đạt một hàm nghĩa mới, mang dấu ấn của tình cảm thời đại: Ánh trăng là biểu tượng cho quá khứ trong mỗi đời người.

- Đối diện trước vầng trăng, người lính đó giật mình về sự vụ tình trước thiên nhiên, vô tình với những kỉ niệm nghĩa tình của một thời đó qua. Bài thơ "Ánh trăng" giản dị như một niềm ân hận trong tâm sự sâu kín ấy của nhà thơ.

II. Thân bài.

1 Cảm nghĩ về vầng trăng quá khứ

- Ánh trăng gắn với những kỉ niệm trong sáng thời thơ ấu tại làng quê:

"Hồi nhỏ sống với rừng
Với sông rồi với biển"

- Con người khi đó sống giản dị, thanh cao, chân thật trong sự hoà hợp với thiên nhiên trong lành: "trần trụi với thiên nhiên - hồn nhiên như cây cỏ"

- Ánh trăng gắn bó với những kỉ niệm không thể nào quên của cuộc chiến tranh ác liệt của người lính trong rừng sâu.

"Hồi chiến tranh ở rừng
Vầng trăng thành tri kỉ
Trần trụi với thiên nhiên
Hồn nhiên như cây cỏ
Ngỡ không bao giờ quên
Cái vầng trăng tình nghĩa"

->Trăng khi đó là ánh sáng trong đêm tối chiến tranh, là niềm vui bầu bạn của người lính trong gian lao của cuộc kháng chiến - vầng trăng tri kỉ. Nhân vật trữ tình gắn bú với trăng trong những năm dài kháng chiến. Trăng vẫn thuỷ chung, tình nghĩa.

2. Cảm nghĩ về vầng trăng hiện tại.

Từ hồi về thành phố
Quen ánh điện cửa gương
Vầng trăng đi qua ngừ
Như người dưng qua đường

- Vầng trăng tri kỉ ngày nào nay đó trở thành "người dưng" - người khách qua đường xa lạ

+ Sự thay đổi của hoàn cảnh sống- không gian khác biệt, thời gian cách biệt, điều kiện sống cách biệt

+ Hành động "vội bật tung cửa sổ" và cảm giác đột ngột "nhận ra vầng trăng tràn", cho thấy quan hệ giữa người và trăng không còn là tri kỉ, tình nghĩa như xưa vỡ con người lúc này thấy trăng như một vật chiếu sáng thay thế cho điện sáng mà thôi.

+ Câu thơ dưng dưng - lạnh lùng - nhức nhối, xót xa miêu tả một điều gỡ bội bạc, nhẫn tâm vẫn thường xảy ra trong cuộc sống.

=> Từ sự xa lạ giữa người với trăng ấy, nhà thơ muốn nhắc nhở : đừng để những giá trị vật chất điều khiển chúng ta....

c. Niềm suy tư của tác giả và tấm lòng của vầng trăng.

- Trăng và con người đó gặp nhau trong một giây phút tình cờ.

+ Vầng trăng xuất hiện vẫn một tình cảm tràn đầy, không mảy may sứt mẻ.

+ "Trăng tràn", Hình ảnh thơ khá hay, tình cảm trọn vẹn, chung thuỷ như năm xưa.

+Tư thế "ngửa mặt lờn nhìn mặt" là tư thế đối mặt: "mặt" ở đây chính là vầng trăng tròn (nhân hoá). Con người thấy mặt trăng là thấy được người bạn tri kỉ ngày nào. Cách viết thật lạ và sâu sắc!

- Ánh trăng đó thức dậy những kỉ niệm quá khứ tốt đẹp, đánh thức lại tình cảm bạn bố năm xưa, đánh thức lại những gỡ con người đó lóng quên.

+ Cảm xúc "rưng rưng" là biểu thị của một tâm hồn đang rung động, xao xuyến, gợi nhớ gợi thương khi gặp lại bạn tri kỉ.

+ Nhịp thơ hối hả dâng trào như tình người dào dạt. Niềm hạnh phúc của nhà thơ như đang được sống lại một giấc chiêm bao.

- Ánh Trăng hiện lên đáng giá biết bao, cao thượng vị tha biết chừng nào:

"*Trăng cứ tràn vành vạnh*
..... đủ cho ta giật mình"

+ Trăng tràn vành vạnh là hiện diện cho quá khứ đẹp đẽ không thể phai mờ. Ánh trăng chính là người bạn nghĩa tình mà nghiờm khắc nhắc nhở nhà thơ và cả mỗi chúng ta: con người có thể vô tình, có thể lóng quên nhưng thiên nhiên, nghĩa tình quá khứ thì luôn tràn đầy, bất diệt.

+"Giật mình" là cảm giác và phản xạ tâm lí có thật của một người biết suy nghĩ, chợt nhận ra sự vô tình, bạc bẽo, sự nụng nổi trong cách sống của mình. Cỏi "giật mình" của sự ăn năn, tự trách, tự thấy phải đổi thay trong cách sống. Cái "giật mình" tự nhắc nhở bản thân không bao giờ được làm người phản bội quá khứ, phản bội thiên nhiên, sùng bái hiện tại mà coi rẻ thiên nhiên.

=> Câu thơ thầm nhắc nhở chính mình và cũng đồng thời nhắc nhở chúng ta, những người đang sống trong hoà bình, hưởng những tiện nghi hiện đại, đừng bao giờ quên công sức đấu tranh cách mạng của biết bao người đi trước.

III. Kết luận:

Cách 1:

- Bài thơ "Ánh trăng" là một lần "giật mình" của Nguyễn Duy về sự vụ tình trước thiên nhiên, vô tình với những kỉ niệm nghĩa tình của một thời đó qua.

- Nú gợi ra trong lòng chúng ta nhiều suy ngẫm sâu sắc về cách sống, cách làm người, cách sống ân nghĩa thuỷ chung ở đời.

- Ánh trăng thật sự đó như một tấm gương soi để thấy được gương mặt thực của mình, để tìm lại cỏi đẹp tinh khôi mà chúng ta tưởng đó ngủ ngon trong quên lóng.

Dàn ý 2

I. Mở bài

Cách 1

- Giới thiệu đôi nét về nhà thơ Nguyễn Duy: là một trong những gương mặt tiêu biểu trong lớp nhà thơ trẻ thời kì kháng chiến chống Mĩ.

- Giới thiệu đôi nét về bài thơ "Ánh Trăng"

+ In trong tập "Ánh Trăng"- tập thơ được giải A của Hội nhà văn Việt Nam

+ Thể thơ 5 chữ kết hợp kết hợp chặt chẽ giữa tự sự với trữ tình

+ Viết vào thời điểm cuộc kháng chiến đó khộp lại 3 năm, Nguyễn Duy viết "Ánh trăng" như một lời tâm sự, một lời nhắn nhủ chân tình với chính mình, với mọi người về lẽ sống chung thuỷ, nghĩa tình.

Cách 2: Thơ xưa cũng như nay, thiên nhiên luôn là nguồn cảm hứng sáng tác vô tận cho các nhà văn, nhà thơ. Đặc biệt là ánh trăng. Xưa, Lý Bạch khi đối diện với vầng trăng đó giật mình thảng thốt nhớ cố hương. Nay, Nguyễn Duy, một nhà thơ tiêu biểu cho thế hệ trẻ sau năm 1975 cũng góp vào mảng thơ thiên nhiên một ánh trăng.Và đối diện trước vầng trăng, người lính đó giật mình về sự vụ tình trước thiên nhiên, vô tình với những kỉ niệm nghĩa tình của một thời đó qua. Bài thơ "Ánh trăng" giản dị như một niềm ân hận trong tâm sự sâu kín ấy của nhà thơ.

Cách 3: Ta gặp đâu đây ngòi bút tài hoa của Nguyễn Duy trong Tác phẩm : "Tre Việt Nam", "Hơi ấm ổ rơm"..... Nhưng khi hoà bình lập lại, ụng đó chuyển sang một trang mới viết về sự chuyển mình của đất nước, của con người cuộc sống đời thường đang che lấp mất dần những điều đáng quý mà họ vốn có. Bài thơ "Ánh trăng" là một bài thơ tiêu biểu cho chủ đề đó. Bài thơ như một lời tự nhắc nhở của tác giả về những năm tháng gian lao đó qua của cuộc đời người lính gắn bó với thiên nhiên đất nước đồng thời thức dậy trong tâm hồn người lính lòng trung hiếu trọn vẹn với nhân dân.

Cách 4: Trăng trong thơ vốn là một vẻ đẹp trong trẻo, tràn đầy, đó là cái gỡ lóng mạn nhất trong cuộc đời, nhất là trong hai trường hợp: khi con người ta còn ở tuổi ấu thơ hoặc khi có những tâm sự cần phải chia sẻ, giải bầy. Ánh trăng của Nguyễn Duy là cái nhìn xuyên suốt cả hai thời điểm vừa nêu. Chỉ có điều, đây không phải là một cái nhìn xuôi, bình lặng từ trước đến sau, mà là cách nhìn ngược: từ hôm nay mà nhìn lại để thấy có cái hôm qua trong cái hôm nay. Bài thơ như một câu chuyện nhỏ được kể theo trình tự thời gian nhắc nhở về một thời đó qua của người lính gắn bó với thiên nhiên, bình dị, hiền hoà, với nghĩa tình đằm thắm sáng trong.

II. Thân bài.

1. Đề tài "Ánh trăng"

- Đây là một đề tài quen thuộc của thơ ca xưa đặc biệt là thơ lóng mạn: (Thuyền ai đậu bến sông trăng đó. Có chở trăng về kịp tối nay (Hàn Mạc Tử); khuya về bát ngát trăng ngân đầy thuyền (HCM); Ngẩng đầu nhìn trăng sáng. Cúi đầu nhớ cố hương (Lý Bạch)

- Với Nguyễn Duy, ánh trăng không chỉ là niềm thơ mà còn được biểu đạt một hàm nghĩa mới, mang dấu ấn của tình cảm thời đại: Ánh trăng là biểu tượng cho quá khứ trong mỗi đời người.

2. Phân tích tâm sự sâu kín của Nguyễn Duy qua bài thơ "Ánh trăng".

a. Cảm nghĩ về vầng trăng quá khứ

Trước hết là Hình ảnh vầng trăng tình nghĩa, hiền hậu, bình dị gắn liền với kỉ niệm một thời đó qua, một thời nhà thơ hằng gắn bó.

- Ánh trăng gắn với những kỉ niệm trong sáng thời thơ ấu tại làng quê:

"Hồi nhỏ sống với rừng
Với sông rồi với biển"

- Nhớ đến trăng là nhớ đến không gian bao la. Những "đồng, sông, bể" gọi một vùng không gian quen thuộc của tuổi ấu thơ, có những lúc sung sướng đến hả hê được chan hoà, ngụp lặn trong cái mát lành của quê hương như dũng sữa ngọt.

- Những năm tháng gian lao nơi chiến trường, trăng thành người bạn tri kỉ, gắn với những kỉ niệm không thể nào quên của cuộc chiến tranh ác liệt của người lính trong rừng sâu: khi trăng treo trên đầu súng, trăng soi sáng đường hành quân. Vầng trăng ấy cũng là "quầng lửa" theo cách gọi của nhà thơ Phạm Tiến Duật. Trăng thành người bạn chia sẻ ngọt bùi, đồng cảm cộng khổ và những mất mát hi sinh, vầng trăng trở thành người bạn tri kỉ với người lính.

"Hồi chiến tranh ở rừng
Vầng trăng thành tri kỉ
Trần trụi với thiên nhiên
Hồn nhiên như cây cỏ
Ngỡ không bao giờ quên
Cái vầng trăng tình nghĩa"

- Con người khi đó sống giản dị, thanh cao, chân thật trong sự hoà hợp với thiên nhiên trong lành: "trần trụi với thiên nhiên - hồn nhiên như cây cỏ". Cuộc sống trong sáng và đẹp đẽ lạ thường.

- Hôm nay, cái vầng trăng tri kỉ, tình nghĩa ấy đó là quá khứ kỉ niệm của con người. Đó là một quá khứ đẹp đẽ, ân tình, gắn với hạnh phúc và gian lao của mỗi con người và của đất nước.

- Lời thơ kể không tả mà có sức gợi nhớ, âm điệu của lời thơ như trùng xuống trong mạch cảm xúc bồi hồi.

b. Cảm nghĩ về vầng trăng hiện tại.

* Vầng trăng - người dưng qua đường.

- Sau tuổi thơ và chiến tranh, người lính từ gió núi rừng trở về thành phố - nơi đô thị hiện đại. Khi đó mọi chuyện bắt đầu đổi khác:

Từ hồi về thành phố
Quen ánh điện cửa gương
Vầng trăng đi qua ngõ
Như người dưng qua đường

- Vầng trăng tri kỉ ngày nào nay đó trở thành "người dưng" - người khách qua đường xa lạ, còn con người đâu còn son sắt thuỷ chung? => Một sự thay đổi phũ phàng khiến người ta không khỏi nhói đau. Tình cảm xưa kia nay chia lìa.

- NT đối lập với khổ 1,2, giọng thơ thầm thì như trũ chuyện tâm tình, giới bày tâm sự với chính mình. Tác giả đó lí giải sự thay đổi trong mối quan hệ tình cảm một cách lô gíc.

- Vỡ sao lại cú sự xa lạ, cách biệt này?

+ Sự thay đổi của hoàn cảnh sống- không gian khác biệt, thời gian cách biệt, điều kiện sống cách biệt: Từ hồi về thành phố, người lính xưa bắt đầu quen sống với những tiện nghi hiện đại như "ánh điện, cửa gương". Cuộc sống công nghiệp hoá, hiện đại hoá của điện gương đó làm ỏt đi sức sống của ánh trăng trong tâm hồn con người. Trăng lướt nhanh như cuộc sống hiện đại gấp gáp, hối hả không có điều kiện để con người nhớ về quá khứ. Và anh lính đó quên đi chính ánh trăng đó đồng cam cộng khổ cùng người lính, quên đi tình cảm chân thành, quá khứ cao đẹp nhưng đầy tình người. Câu thơ dưng dưng - lạnh lùng - nhức nhối, xót xa miêu tả một điều gỡ bội bạc, nhẫn tâm vẫn thường xảy ra trong cuộc sống. Có lẽ nào sự biến đổi về kinh tế, về điều kiện sống tiện nghi lại kéo theo sự thay dạ đổi lòng? (liờn hệ: bởi thế mà ca dao mới lờn tiếng hỏi: "Thuyền về có nhớ bến chăng?"; Tố Hữu, nhân dân Việt bắc ở lại cũng băn khoăn một tâm trạng ấy khi tiễn đưa cán bộ về xuôi:

Mình về thành thị xa xụi
Nhà cao còn thấy nỳi đồi nữa chăng?
Phố đông còn nhớ bản làng
Sáng đêm còn nhớ mảnh trăng giữa rừng?)

=> Từ sự xa lạ giữa người với trăng ấy, nhà thơ muốn nhắc nhở: đừng để những giá trị vật chất điều khiển chúng ta....

<u>* Niềm suy tư của tác giả và tấm lòng của vầng trăng.</u>

- Sự xuất hiện trở lại của vầng trăng thật đột ngột, ở vào một thời điểm không ngờ. Tình huống mất điện đột ngột trong đêm khiến con người vốn đó quen với ánh sáng, không thể chịu nổi cảnh tối om nơi căn phòng buyn đinh hiện đại. Ba động từ "vội, bật, tung" đặt liền nhau diễn tả sự khó chịu và hành động khẩn trương, hối hả của tác giả để đi tìm nguồn sáng. Và Hình ảnh vầng trăng tràn tình cờ mà tự nhiên, đột ngột hiện ra vằng vặc giữa trời, chiếu vào căn phòng tối om kia, chiếu lên khuôn mặt đang ngửa lên nhìn trời, nhìn trăng kia.

=> Tình huống gặp lại trăng là bước ngoặt tạo nên sự chuyển biến mạnh mẽ trong tình cảm và suy nghĩ của nhân vật trữ tình với vầng trăng. Vầng trăng đến đột ngột đó làm sáng lờn cái góc tối ở con người, đánh thức sự ngủ quên trong điều kiện sống của con người đó hoàn toàn đổi khác.

- Bất ngờ đối diện với vầng trăng, con người đó cú cử chỉ, tâm trạng:

Ngửa mặt lờn nhìn mặt
Cú cỏi gỡ rưng rưng.

- Tư thế "ngửa mặt lờn nhìn mặt" là tư thế đối mặt: "mặt" ở đây chính là vầng trăng tràn. Con người thấy mặt trăng là thấy được người bạn tri kỉ ngày nào. Cách viết thật lạ và sâu sắc!

- Cảm xúc "rưng rưng" là biểu thị của một tâm hồn đang rung động, xao xuyến, gợi nhớ gợi thương khi gặp lại bạn tri kỉ. Ngôn ngữ bây giờ là nước mắt dưới hàng mi. Một tình cảm chừng như nén lại nhưng cứ trào ra đến thổn thức, xót xa. Cuộc gặp gỡ không tay bắt mặt mừng này đó lắng xuống ở độ sâu của cảm nghĩ. Trăng thì vẫn phóng khoáng, vụ tư, độ lượng biết bao, như "bể", như "rừng" mà con người thì phụ tình, phụ nghĩa.

- Trước cái nhìn sỏm hối của nhà thơ, vầng trăng một lần nữa như gợi lên bao cái "cũn" mà con người tưởng chừng như đó mất. Đó là kỉ niệm quá khứ tốt đẹp khi cuộc sống còn nghốo nàn, gian lao. Lúc ấy con người với thiên nhiên - vầng trăng là bạn tri kỉ, là tình nghĩa. Nhịp thơ hối hả dâng trào như tình người dào dạt. Niềm hạnh phúc của nhà thơ như đang được sống lại một giấc chiêm bao.

- Bài thơ khép lại ở Hình ảnh:

"*Trăng cứ tràn vành vạnh*
..... đủ cho ta giật mình"

- Trăng hiện lên đáng giá biết bao, cao thượng vị tha biết chừng nào. Ở đây có sự đối lập giữa "tràn vành vạnh" và "kẻ vụ tình", giữa cái im lặng của ánh trăng với sự "giật mình" thức tỉnh của con người.

+ Trăng tròn vành vạnh, trăng im phăng phắc không giận hờn trách móc mà chỉ nhìn thôi, một cái nhìn thật sâu như soi tận đáy tim người lính đủ để giật mình nghĩ về cuộc sống hoà bình hôm nay. Họ đó quên mất đi chính mình, quên những gỡ đẹp đẽ, thiêng liêng nhất của quá khứ để chìm đắm trong một cuộc sống xô bồ, phồn hoa mà ít nhiều sẽ mất đi những gỡ tốt đẹp nhất của chính mình.

+ Trăng tròn vành vạnh là hiện diện cho quá khứ đẹp đẽ không thể phai mờ. Ánh trăng chính là người bạn nghĩa tình mà nghiêm khắc nhắc nhở nhà thơ và cả mỗi chúng ta: con người có thể vô tình, có thể lãng quên nhưng thiên nhiên, nghĩa tình quá khứ thì luôn tràn đầy, bất diệt.

- Sự không vui, sự trách móc trong lặng im của vầng trăng là sự tự vấn lương tâm dẫn đến cái "giật mình" ở câu thơ cuối. Cái "giật mình" là cảm giác và phản xạ tâm lí có thật của một người biết suy nghĩ, chợt nhận ra sự vô tình, bạc bẽo, sự nụng nổi trong cách sống của mình. Cỏi "giật mình" của sự ăn năn, tự trách, tự thấy phải đổi thay trong cách sống. Cái "giật mình" tự nhắc nhở bản thân không bao giờ được làm người phản bội quá khứ, phản bội thiên nhiên, sùng bái hiện tại mà coi rẻ thiên nhiên. Câu thơ thầm nhắc nhở chính mình và cũng đồng thời nhắc nhở chúng ta, những người đang sống trong hoà bình, hưởng những tiện nghi hiện đại, đừng bao giờ quên công sức đấu tranh cách mạng của biết bao người đi trước.

III. Kết luận:

Cách 1:

Bài thơ "Ánh trăng" là một lần "giật mình" của Nguyễn Duy về sự vụ tình trước thiên nhiên, vô tình với những kỉ niệm nghĩa tình của một thời đó qua. Thơ của Nguyễn Duy không hề khai thác cái đẹp của trăng, nhưng ánh trăng trong thơ ông vẫn mói làm day dứt người đọc - sự day dứt về những điều được và mất, nên và không, khi sống trong cuộc đời. Vẻ đẹp ấy mới chính là vẻ đẹp của văn chương cách mạng vì thơ không chỉ ca ngợi vẻ đẹp của thiên nhiên, con người mà còn "dạy" ta cách học làm người. Thì ra những bài học sâu sắc về đạo lí làm người đâu cứ phải tìm trong sách vở hay từ những khái niệm trừu tượng xa xôi. Ánh trăng thật sự đó như một tấm gương soi để thấy được gương mặt thực của mình, để tìm lại cái đẹp tinh khôi mà chúng ta tưởng đó ngủ ngon trong quên lãng.

Cách 2: Bài thơ khép lại nhưng đó để lại ấn tượng sâu sắc trong lòng người đọc. Nguyễn Duy - một phong cách rất giản dị nhưng mang triết lí sâu xa. Nó gợi ra trong lòng chúng ta nhiều suy ngẫm sâu sắc về cách sống, cách làm người "uống nước nhớ nguồn" ân nghĩa thuỷ chung cùng quá khứ.